

PGS, TS. NGUYỄN TRỌNG PHÚC
(Chủ biên)

HỎI VÀ ĐÁP MÔN HỌC

ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối
không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỎI VÀ ĐÁP MÔN HỌC
ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối
không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

PGS, TS. NGUYỄN TRỌNG PHÚC
(Chủ biên)

HỎI VÀ ĐÁP MÔN HỌC ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối
không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2011

TẬP THỂ TÁC GIẢ

PGS. TS. Nguyễn Trọng Phúc (*Chủ biên*)

PGS, TS. Trần Thị Thu Hương

TS. Nguyễn Thị Thanh

TS. Nguyễn Đình Cả

ThS. Lê Thị Minh Hạnh

ThS. Lê Thị Tình

ThS. Trần Thị Mỹ Hương

ThS. Phạm Đức Kiên

ThS. Nguyễn Thị Mai Chi

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Nhằm tiếp tục đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tái bản cuốn sách *Hỏi và đáp môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)* do PGS, TS. Nguyễn Trọng Phúc chủ biên

Trong lần tái bản này, nội dung cuốn sách được bổ sung, sửa chữa cập nhật các văn kiện Đại hội XI của Đảng.

Các câu hỏi và câu trả lời được sắp xếp theo nội dung, trình tự phù hợp với chương trình môn học, bảo đảm tính cơ bản, hệ thống, cô đọng.

Mặc dù có nhiều cố gắng, song cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Nhà xuất bản và tập thể tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần tái bản sau cuốn sách được hoàn chỉnh hơn.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2011

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Câu hỏi 1: Hoàn cảnh lịch sử và các khuynh hướng cứu nước của dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX?

Trả lời:

Ngày 1-9-1858 thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Đến năm 1884 với việc ký Hiệp ước Patenôt, triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng và cầu kết với thực dân Pháp thống trị nhân dân Việt Nam. *Xã hội Việt Nam trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến*. Mâu thuẫn dân tộc giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và mâu thuẫn giai cấp giữa nhân dân lao động chủ yếu là nông dân với chế độ phong kiến ngày càng phát triển gay gắt.

Về chính trị: thực dân Pháp tiến hành chính sách chia để trị, chia nước ta thành ba kỳ với các chế độ chính trị khác nhau. Nam Kỳ là chế độ thuộc địa và Bắc Kỳ, Trung Kỳ là chế độ bảo hộ, xoá bỏ tên nước Việt Nam trên bản đồ thế giới. Dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp, người Việt Nam mất hết mọi quyền tự do dân chủ, nước Việt Nam mất độc lập.

Về kinh tế: Sau khi đánh chiếm được nước ta, thực dân Pháp thiết lập bộ máy thống trị và bắt đầu thực hiện hai cuộc khai thác thuộc địa tại Việt Nam (1897 - 1914 và 1919 - 1929). Tiên hành khai thác thuộc địa, một mặt thực dân Pháp khuyến khích, tạo cơ hội cho bọn quan lại, địa chủ cướp đoạt ruộng đất của nông dân, mặt khác chúng cũng ra sức chiếm đoạt ruộng đất của nông dân để lập đồn điền trồng lúa, trồng cây công nghiệp. Tuy vậy, phương thức bóc lột phong kiến vẫn là phổ biến đã kìm hãm nông nghiệp Việt Nam trong vòng lạc hậu. Phát triển một cách hạn chế, chúng chỉ chú trọng những ngành công nghiệp phục vụ cho quá trình khai thác và vơ vét tài nguyên khoáng sản của Việt Nam, phục vụ lợi ích của tư bản và Nhà nước Pháp.

Về quân sự: thực dân Pháp thẳng tay đàn áp các phong trào và hành động yêu nước của nhân dân Việt Nam, triệt để thực hiện chính sách "dùng người Việt trị người Việt", ra đạo luật về tổ chức quân đội thuộc địa bao gồm vừa binh lính Pháp, vừa binh lính người bản xứ. Xây dựng nhà tù nhiều hơn trường học.

Về văn hoá, giáo dục: thực hiện chính sách ngu dân về mặt giáo dục, đầu độc về mặt văn hoá là một trong những biện pháp cai trị của bộ máy thống trị thực dân. Thực dân Pháp hạn chế đến mức tối đa việc phát triển giáo dục, kìm hãm nhân dân Việt Nam trong vòng

ngu dốt. Đồng thời chúng đẩy mạnh tuyên truyền ca ngợi chính sách "khai hoá" của nhà nước "báo hộ", du nhập văn hoá đồi trụy, khuyến khích những tệ nạn cờ bạc, rượu chè, nghiện hút... Nguyễn Ái Quốc đã nhận xét: "Rượu cồn và thuốc phiện cùng báo chí phản động của bọn cầm quyền bổ sung cho cái công cuộc ngu dân của chính phủ. Máy chém và nhà tù làm nốt phần còn lại"¹.

Quá trình khai thác, bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp đã làm biến đổi tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam.

Sự xâm nhập của kinh tế tư bản chủ nghĩa làm tan rã dần nền kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp; đồng thời kinh tế hàng hoá cũng có điều kiện phát triển. Nhưng Pháp vẫn duy trì quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu và phản động ở vùng nông thôn. Vì vậy, Việt Nam không thể phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa bình thường mà phát triển một cách thiếu cân đối, què quặt. Đó là phương thức tư bản chủ nghĩa dưới hình thái thực dân, được đánh dấu bằng sự kết hợp giữa phương thức bóc lột tư bản với phương thức bóc lột phong kiến.

Cơ cấu giai cấp xã hội thay đổi: Giai cấp cũ bị phân hoá, giai cấp mới ra đời.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.1, tr.28.

Giai cấp địa chủ: một bộ phận được sự dung dưỡng của thực dân ngày càng có thế lực, là chỗ dựa đắc lực cho thực dân Pháp: một bộ phận tham gia cùng nhân dân chống thực dân Pháp và bọn phong kiến đầu hàng.

Giai cấp nông dân: chiếm 90% dân số cả nước. do thuế và nạn cướp ruộng đất của thực dân, phong kiến dẫn đến bán cùng hoá trên quy mô rộng hơn, dẫn tới tình trạng phá sản không lối thoát ngày càng trầm trọng. Là một lực lượng yêu nước đông đảo nhưng lại đại diện cho nền sản xuất nhỏ, phân tán nên nông dân không thể tự vạch ra đường lối đúng đắn để tự giải phóng và không thể đóng vai trò lãnh đạo cách mạng. Tuy nhiên, họ là một trong những động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời là sản phẩm trực tiếp của chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Tuy số lượng còn ít (sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai số lượng khoảng 22 vạn người, chiếm 1,2% dân số cả nước) nhưng ngoài những phẩm chất của giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm do quá trình hình thành tạo nên: chịu ba tầng áp bức bóc lột là đế quốc, phong kiến, tư sản; phần lớn xuất thân từ nông dân, nên có mối quan hệ gần gũi với nông dân; ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam nên nội bộ thuần nhất, không bị

phân tán; lớn lên trong một đất nước có truyền thống yêu nước chống ngoại xâm.

Do vậy, mặc dù mới ra đời nhưng giai cấp công nhân Việt Nam đã nhanh chóng trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Sự trưởng thành của giai cấp công nhân là cơ sở vững chắc cho phong trào dân tộc Việt Nam chuyển theo khuynh hướng cách mạng vô sản, nhanh chóng bước lên vũ đài chính trị, trở thành lực lượng lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam.

Giai cấp tư sản Việt Nam: ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, bị tư bản Pháp chèn ép. Giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam tuy có tinh thần yêu nước chống phong kiến, đế quốc nhưng do hình thành muộn, thế lực kinh tế yếu nên không có khả năng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Mặt khác, do lập trường tư tưởng không kiên định nên họ chỉ tham gia đấu tranh trong điều kiện nhất định.

Tầng lớp tiểu tư sản: ra đời và phát triển nhanh trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (trí thức, tiểu thương, thợ thủ công). Họ bị tư bản Pháp chèn ép, bạc đãi, đời sống bấp bênh, dễ bị xô đẩy vào con đường thất nghiệp, phá sản. Trong khi đó, bộ phận trí thức, sinh viên lại có điều kiện tiếp xúc với trào lưu tư tưởng văn hoá tiến bộ bên ngoài. Vì vậy, đây là bộ phận nhạy cảm với thời cuộc, có tinh thần hăng hái theo cách mạng.

Những biến đổi bên trong đã tạo cơ sở xã hội cho việc tiếp thu những tư tưởng mới ở bên ngoài: tư tưởng cách mạng tư sản Pháp 1789, phong trào Duy Tân Nhật Bản 1868, cuộc vận động Duy Tân 1898 và cách mạng Tân Hợi của Trung Quốc 1911, Cách mạng Tháng Mười Nga 1917. Bối cảnh đó đã làm bùng nổ các khuynh hướng cứu nước đầu thế kỷ XX.

Các khuynh hướng cứu nước, giải phóng dân tộc của Việt Nam đầu thế kỷ XX:

Ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược, mặc dù triều đình phong kiến nhà Nguyễn từng bước đầu hàng thực dân Pháp, nhưng nhân dân ta đã liên tiếp nổi dậy cầm vũ khí chống bọn cướp nước. Phong trào Cần Vương (1885-1896) với những cuộc đấu tranh vũ trang tiêu biểu do các sĩ phu phong kiến yêu nước lãnh đạo, cũng như phong trào nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo (1884-1913), thể hiện tinh thần bất khuất chống ngoại xâm của nhân dân ta những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, nhưng cuối cùng các cuộc khởi nghĩa đều bị thực dân Pháp đàn áp.

Thất bại của phong trào Cần Vương chứng tỏ sự bất lực của hệ tư tưởng phong kiến trong việc giải quyết nhiệm vụ giành độc lập dân tộc do lịch sử đặt ra. Vua Thành Thái nêu cao tinh thần chống Pháp bị thực dân Pháp bắt đi đày (1907), vua Duy Tân tiến hành khởi nghĩa năm 1916 cũng bị đàn áp. Đó là những cố gắng

cuối cùng của phong trào yêu nước theo ý thức hệ phong kiến.

Vào đầu thế kỷ XX, trước sự ảnh hưởng của các khuynh hướng cứu nước ở các nước châu Á, ở Việt Nam xuất hiện hai xu hướng cứu nước theo phong trào dân chủ tư sản:

Xu hướng bạo động của Phan Bội Châu: chủ trương xây dựng chế độ quân chủ lập hiến như ở Nhật (1904), sau khi thất bại năm 1912 với tổ chức Việt Nam Quang phục hội, chủ trương xây dựng chế độ cộng hoà tư sản như Trung Quốc, nhưng cuối cùng "một trăm thất bại mà không một thành công".

Xu hướng cải cách của Phan Chu Trinh: ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản Pháp, lên án gay gắt tội ác của thực dân Pháp, quan lại phong kiến sâu mọt, chủ trương cải cách đất nước. Sai lầm của Phan Chu Trinh là phản đối bạo động, dựa vào Pháp để đánh đổ chế độ phong kiến, chẳng khác gì "xin giặc rú lòng thương".

Do hạn chế về lịch sử, về giai cấp, nên các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX không thể tìm được một phương hướng giải quyết đúng đắn cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nên cuối cùng cũng bị thực dân Pháp dập tắt.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh,

nhiều tổ chức, đảng phái yêu nước xuất hiện như Tâm tâm xã (1923 - 1925), Hội Phục Việt (1925), Hưng Nam, Thanh niên cao vọng (1926)..

Tổ chức chính trị tiêu biểu nhất cho khuynh hướng tư sản ở Việt Nam là Việt Nam Quốc dân Đảng. Tổ chức này chủ trương đánh đuổi đế quốc, xoá bỏ chế độ phong kiến, mô phỏng theo chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn, nhưng chưa đưa ra được một đường lối chính trị cụ thể, rõ ràng, chưa xây dựng được một hệ thống tổ chức thống nhất. Do vậy, khi tiền hành khởi nghĩa cũng bị thực dân Pháp dập trong máu lửa.

Các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đã diễn ra liên tục, sôi nổi, với nhiều hình thức đấu tranh phong phú, thể hiện ý thức dân tộc, tinh thần chống đế quốc, nhưng cuối cùng đều thất bại. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái biểu hiện sự bất lực của giai cấp tư sản Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, đồng thời thể hiện sự khủng hoảng, bế tắc của con đường cứu nước của dân tộc Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX.

Sự thất bại của các khuynh hướng yêu nước đầu thế kỷ XX vì không có cương lĩnh, đường lối chính trị đúng đắn nhằm giải quyết triệt để các mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam; không tập hợp được lực lượng của toàn dân tộc; không có phương pháp đấu tranh

thích hợp và thiếu sự lãnh đạo của một đảng chính trị đủ mạnh.

Một yêu cầu cấp thiết đặt ra trước dân tộc Việt Nam là cần phải lựa chọn một con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại và nhu cầu của nhân dân Việt Nam.

Câu hỏi 2: Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tìm con đường đấu tranh giải phóng dân tộc và chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

Trả lời:

Nguyễn Ái Quốc sinh ngày 19-5-1890 (lúc còn nhỏ có tên là Nguyễn Sinh Cung, sau đổi là Nguyễn Tất Thành) ở làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước, lớn lên trên quê hương có truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm, từ nhỏ Nguyễn Ái Quốc đã có chí đuổi giặc Pháp, giải phóng đồng bào. Người rất khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc tiền bối, nhưng không tán thành con đường cứu nước của các cụ.

Ngày 5-6-1911 Nguyễn Ái Quốc đã ra nước ngoài tìm đường cứu nước. Sau bao năm đi đến nhiều nước trên thế giới và trải qua nhiều nghề khác nhau, Người đã rút ra một kết luận quan trọng: ở đâu bọn đế quốc thực dân cũng tàn bạo độc ác, ở đâu người lao động cũng bị bóc lột dã man. Cuối năm 1917, Người từ nước Anh trở lại nước Pháp và tham gia các hoạt động xã hội. Năm 1919, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp.

một chính đảng tiên bộ nhất lúc đó ở Pháp. Vào tháng 6-1919, nhân các nước thắng trận họp Hội nghị Vécxay (Versailles), Nguyễn Ái Quốc đã thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp gửi tới Hội nghị *Bản yêu sách của nhân dân An Nam*, gồm 8 điểm đòi Chính phủ Pháp thực hiện quyền tự do, dân chủ, bình đẳng cho dân tộc Việt Nam. Tháng 7-1920, Người đã đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin đăng trên báo *L'Humanité* (Nhân đạo) của Đảng Xã hội Pháp. Qua Luận cương, Người đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc đúng đắn. Cuối tháng 12-1920, tại Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua (Tours), Người đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện đó đã đánh dấu bước chuyển biến tư tưởng chính trị của Nguyễn Ái Quốc, từ lập trường yêu nước chuyển sang lập trường cộng sản. Đồng thời cũng mở ra cho cách mạng Việt Nam một giai đoạn phát triển mới gắn liền giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, xã hội, giải phóng con người.

Từ năm 1921 Nguyễn Ái Quốc tiếp tục học tập để bổ sung hoàn thiện tư tưởng cứu nước, đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam nhằm chuẩn bị tiền đề về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời chính đảng tiên phong ở Việt Nam.

Về tư tưởng:

- Với tư cách là trưởng tiểu ban Đồng Dương của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã viết nhiều bài đăng trên các báo và tạp chí (*Người cùng khổ, Nhân Đạo, Đời sống công nhân, Tạp san thư tín quốc tế, Tạp chí Cộng sản...*). Người đã góp phần quan trọng vào việc tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp ở các thuộc địa, đồng thời tiến hành tuyên truyền tư tưởng Mác - Lênin, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản và nhân dân lao động Pháp với các nước thuộc địa và phụ thuộc. Đây là thời gian Người thu thập tư liệu cho tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

- Đặc biệt, từ ngày 17-6 đến ngày 18-7-1924, Nguyễn Ái Quốc đã tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản ở Mátxcova (Liên Xô). Tại Đại hội này, Người đã trình bày bản báo cáo rất quan trọng về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Bằng nhiều số liệu và tư liệu cụ thể, bản báo cáo đã làm sáng rõ và phát triển một số luận điểm của Lênin về bản chất của chủ nghĩa thực dân, về nhiệm vụ của các Đảng Cộng sản trên thế giới trong cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột và đấu tranh giải phóng ở các thuộc địa. Ngày 11-11-1924 Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) kết hợp nhiệm vụ quốc tế và trách nhiệm với dân tộc. Bằng nhiều con đường, Người truyền bá lý luận Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Đây là sự chuẩn bị về tư tưởng, lý luận cho quá trình thành lập Đảng: "*Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh, vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong*"¹. "*Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.*

Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"².

Về chính trị:

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã hình thành một hệ thống luận điểm chính trị (sau này phát triển thành những nội dung cơ bản trong cương lĩnh chính trị của Đảng):

1. Chỉ rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, xác định chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới.

1. Dẫn theo: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002. t.1, tr.15.

2. *Sđd*, tr 24.

2. Xác định cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và cách mạng chính quốc có quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau, nhưng không phụ thuộc vào nhau. Cách mạng giải phóng dân tộc có thể thành công trước cách mạng chính quốc, góp phần thúc đẩy cách mạng chính quốc.

3. Trong nước nông nghiệp lạc hậu, nông dân là lực lượng đông đảo nhất, bị đế quốc phong kiến áp bức bóc lột nặng nề, vì vậy cần phải thu phục và lôi cuốn được nông dân, cần phải xây dựng khối công nông làm động lực cách mạng, đồng thời tập hợp được sự tham gia đông đảo của các giai tầng khác.

4. Cách mạng muốn giành được thắng lợi, trước hết phải có Đảng cách mạng nắm vai trò lãnh đạo. Đảng muốn vững phải được trang bị chủ nghĩa Mác - Lênin.

5. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, chứ không phải của một vài người. "*Công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn cách mệnh của công nông*"¹. Cách mạng "*là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người*"². Vì vậy, cần phải tập hợp, giác ngộ và từng bước tổ chức quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao.

1. 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2. tr. 266, 261-262.

Những quan điểm đó được Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên truyền bá về trong nước dưới nhiều hình thức, làm cho phong trào công nhân và các phong trào yêu nước Việt Nam chuyển biến mạnh mẽ.

Về tổ chức:

Ngay từ giữa năm 1923, trước khi rời nước Pháp sang Liên Xô, trong một bức thư gửi cho các bạn cùng hoạt động, Nguyễn Ái Quốc đã nói rõ ý định của mình: "Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập"¹.

Tại Quảng Châu (Trung Quốc) - nơi có rất đông người Việt Nam yêu nước hoạt động - để xúc tiến các công việc tổ chức thành lập chính đảng mácxít. Với trách nhiệm phụ trách Cục Phương Nam của Quốc tế Cộng sản Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Lý Thụy, công tác trong phái đoàn cố vấn của Chính phủ Liên Xô bên cạnh Chính phủ Tôn Dật Tiên, do Bôrôđin làm trưởng đoàn. Thực hiện trách nhiệm đối với cách mạng Việt Nam, tháng 2-1925 Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm tâm xã, lập ra nhóm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.1, tr 192.

Cộng sản đoàn. Tháng 6-1925. Người thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* tại Quảng Châu (Trung Quốc). Sau khi thành lập, từ năm 1925 - 1927, Hội đã mở trên 10 lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin cho những người trong tổ chức của Hội với 75 cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng trở thành những cán bộ nòng cốt cho việc thành lập Đảng cách mạng sau này. Hội còn xuất bản tờ báo *Thanh niên* in bằng chữ quốc ngữ, số đầu tiên ra ngày 21-6-1925. Ngoài ra, ban lãnh đạo Hội còn cử người đi học trường Đại học Cộng sản Phương Đông (Liên Xô) như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Phùng Chí Kiên, Hà Huy Tập... và trường Quân chính Hoàng Phố (Trung Quốc) như Nguyễn Sơn, Lê Thiết Hùng, Trương Văn Lĩnh... Tháng 7-1925, Nguyễn Ái Quốc cùng với một số nhà cách mạng Trung Quốc, Triều Tiên, Indônêxia... tham gia sáng lập *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông*.

Những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc trong các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ ở Quảng Châu được tập hợp thành cuốn *Đường cách mệnh* và những hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của phong trào công nhân, phong trào yêu nước, đưa lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và tôn chỉ, mục đích đấu tranh của Hội vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Từ năm 1928, phong trào "vô sản hoá" của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* đã giác ngộ sâu sắc tinh thần yêu nước và cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam, bước đầu kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Nhờ vậy, phong trào công nhân và phong trào yêu nước của các tầng lớp nhân dân ngày càng phát triển. Trước sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam chuyển mạnh sang xu hướng cách mạng vô sản, đến năm 1929 các hội viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhận thấy sự cần thiết phải thành lập một Đảng Cộng sản thay thế Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để lãnh đạo và đưa cách mạng đi đến thắng lợi.

Tình hình thực tế đó chứng tỏ chủ nghĩa Mác - Lênin đã thật sự thâm nhập vào phong trào công nhân và chiếm ưu thế trong phong trào yêu nước Việt Nam: "Lập trường cách mạng giải phóng dân tộc của công nhân đã thắng lập trường giải phóng dân tộc của tư sản"¹.

Như vậy, từ năm 1921 đến năm 1929 bằng nhiều hình thức hoạt động phong phú, Nguyễn Ái Quốc đã

1 Lê Duẩn: *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1967, tr.54.

tiến hành cuộc đấu tranh kiên trì, gian khổ nhằm truyền bá những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đặc biệt, Người tiếp tục đào tạo, huấn luyện đội ngũ cán bộ từ việc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (tháng 6-1925) - tổ chức tiền thân của Đảng tại Quảng Châu, Trung Quốc. Đó là sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức để dẫn tới thành lập chính Đảng Cộng sản trong hoàn cảnh một nước thuộc địa nửa phong kiến.

Câu hỏi 3: Vai trò và đường lối chính trị của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam?

Trả lời:

Sự thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên gắn liền với các hoạt động và công lao vĩ đại của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Tháng 11-1924, Người đã từ Liên Xô trở về Quảng Châu (Trung Quốc) để xúc tiến công việc chuẩn bị cho sự ra đời của chính đảng mácxít ở Việt Nam. Sau khi gặp nhóm thanh niên yêu nước trong tổ chức Tâm tâm xã, Người đã chọn một số thanh niên tích cực, thành lập ra nhóm Cộng sản đoàn (2-1925). Dựa trên nhóm Cộng sản đoàn, tháng 6-1925 Nguyễn Ái Quốc thành lập một tổ chức cách mạng có tính chất quần chúng rộng rãi hơn, lấy tên là *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, cơ quan tuyên truyền của Hội là tờ báo *Thanh niên*. Báo ra số đầu ngày 21-6-1925.

Mục đích của Hội là “làm cách mạng dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành độc lập cho xứ sở), rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản)”.

Về tổ chức có 5 cấp: tổng bộ, xứ bộ, tỉnh bộ, huyện bộ và chi bộ.

Về thành phần xã hội, lúc đầu bao gồm 90% là trí thức tiểu tư sản, chỉ có 10% là công nông; về sau tuy các thành phần công nông có tăng lên, nhưng lực lượng trí thức vẫn chiếm tới 40%.

Về hoạt động: trong khoảng 3 năm (1925 - 1927), Hội đã tổ chức được trên 10 lớp huấn luyện với trên 200 hội viên. Nội dung chương trình học tập bao gồm cả kiến thức lý luận và thực tiễn cách mạng. Kết thúc các lớp đào tạo, phần lớn cán bộ được đưa về nước để tuyên truyền vận động, xây dựng các cơ sở của Hội.

Trong quá trình xây dựng cơ sở và tập hợp quần chúng, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên kết nạp ngày càng nhiều hội viên. Từ đầu năm 1926, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã bắt đầu phát triển cơ sở ở trong nước, đầu năm 1927 các Kỳ bộ được thành lập, ngoài ra còn chú trọng xây dựng cơ sở ở Xiêm, để mở rộng hoạt động tuyên truyền trong Việt kiều. Năm 1927, Hội đã xây dựng được các cơ sở trên nhiều địa phương trong nước. Các Kỳ bộ, Tỉnh bộ được thành lập. Cuối năm 1928, Hội tổ chức phong trào "vô sản hoá", đưa các hội viên về các đồn điền, hầm mỏ, nhà máy, nông thôn để rèn luyện nâng cao lập trường giai cấp công nhân, đồng thời trực tiếp

giác ngộ và tổ chức quần chúng đấu tranh. Năm 1928 có 300 hội viên, đến năm 1929 có 1.700 hội viên, nếu kể cả hội viên dự bị thì có gần 3.000 người. Hội có cơ sở ở nhiều trung tâm kinh tế, chính trị và trở thành lực lượng chính trị yêu nước rộng lớn trong cả nước. Những hoạt động của Hội đã tích cực thúc đẩy phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

Nhờ vậy, phong trào công nhân và phong trào yêu nước của các tầng lớp nhân dân ngày càng phát triển. Trước sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam chuyển mạnh sang xu hướng cách mạng vô sản, đến năm 1929 các hội viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhận thấy sự cần thiết phải thành lập một Đảng Cộng sản thay thế Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để lãnh đạo và đưa cách mạng tiếp tục tiến lên. Phong trào công nhân, phong trào đấu tranh của nông dân và các tầng lớp thị dân càng phát triển sôi nổi thì càng đòi hỏi phải có người tổ chức và lãnh đạo. Nhu cầu thành lập một chính đảng cách mạng có đủ khả năng tập hợp lực lượng dân tộc và gánh vác vai trò lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc được đặt ra và ngày càng trở nên cấp thiết đối với cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ. Vai trò của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã được Hồ Chí Minh nhận xét:

“Nó là quả trứng, mà từ đó, nở ra con chim non cộng sản (Đảng Cộng sản)”¹.

Sự ra đời các tổ chức cộng sản:

Trước yêu cầu phát triển của phong trào, tháng 3-1929, những người lãnh đạo Kỳ bộ Bắc Kỳ (Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu...) họp tại số nhà 5D, phố Hàm Long, Hà Nội, quyết định thành lập Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.

Tháng 5-1929, tại Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp ở Hương Cảng (Trung Quốc), kiến nghị của đoàn đại biểu Kỳ bộ Bắc Kỳ về việc giải tán Hội để thành lập Đảng Cộng sản không được chấp nhận. Đoàn đại biểu Kỳ bộ Bắc Kỳ đã rút khỏi Đại hội. Sau khi về nước, đoàn đại biểu Bắc Kỳ đã giải thích lý do rút khỏi Đại hội và khẳng định đã có đủ những điều kiện để thành lập chính đảng cách mạng. Ngày 17-6-1929, tại số nhà 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội), ***Đông Dương Cộng sản Đảng*** đã được thành lập, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ và quyết định xuất bản báo ***Búa Liềm***. Tuyên ngôn Đông Dương Cộng sản Đảng nêu rõ:

1. Hồ Chí Minh: *Toán tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 3, tr. 13.

Thời kỳ đầu tiên của cách mạng ở Đông Dương là tư sản dân quyền cách mạng, giai cấp vô sản "thực hành công nông liên hiệp" để đánh đuổi đế quốc Pháp và lật đổ phong kiến địa chủ "thực hành thổ địa cách mệnh".

Sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng là sự kiện chính thức kết thúc vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tác động đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản khác. Sau sự kiện này, tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng phát triển mạnh ở các địa phương, nhất là ở Bắc Kỳ.

Tháng 11-1929, các đồng chí Tổng bộ và Kỳ bộ Nam Kỳ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên quyết định thành lập *An Nam Cộng sản Đảng*.

Trước sự chuyển biến của phong trào yêu nước Việt Nam trong nửa cuối năm 1929, ở Trung Kỳ tổ chức Tân Việt Cách mạng Đảng¹ ngày càng phân hoá sâu sắc. Là một tổ chức chính trị của trí thức, thanh niên yêu nước, thời kỳ đầu mới thành lập còn là một tổ chức yêu nước chưa có lập trường giai cấp rõ rệt. Địa bàn hoạt động chính của Tân Việt là ở các tỉnh miền Trung,

1. Tân Việt Cách mạng Đảng thành lập từ năm 1925, lúc đầu có tên Hội Phục Việt, sau nhiều lần đổi tên đến tháng 7-1928 chính thức mang tên Tân Việt Cách mạng Đảng.

chủ yếu thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Do ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, nội bộ Tân Việt ngày càng phân hoá sâu sắc; số đông ngả hẳn sang khuynh hướng cộng sản, quyết định thành lập tổ chức *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* ngày 1-1-1930 tại Đức Thọ (Hà Tĩnh).

Ba tổ chức cộng sản đầu tiên ra đời ở Việt Nam vào nửa cuối năm 1929 và đầu năm 1930 khẳng định bước phát triển quan trọng của phong trào cách mạng Việt Nam và ưu thế của hệ tư tưởng cộng sản trong phong trào dân tộc. Tuy nhiên, do có ba tổ chức cộng sản ở một nước nên không tránh khỏi sự phân tán về lực lượng và tổ chức, không thể thống nhất về tư tưởng và hành động. Vì vậy, khắc phục sự phân tán và chia rẽ về tổ chức đó là nhiệm vụ cấp bách trước mắt của tất cả những người cộng sản, cũng là đòi hỏi khẩn thiết của cách mạng nước ta lúc bấy giờ.

Trước tình hình đó, ngày 27-10-1929, trong tài liệu của Quốc tế Cộng sản gửi những người cộng sản Đông Dương đã nêu rõ: "Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng Cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương."

Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương"¹.

Ở thời điểm lịch sử đầy sôi động nhưng cũng không ít khó khăn, phức tạp đó của phong trào cách mạng Việt Nam, một lần nữa trách nhiệm lịch sử lại đặt lên vai lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc thống nhất các tổ chức cộng sản ở nước ta thành một chính đảng duy nhất để lãnh đạo cách mạng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.1, tr.614.

Câu hỏi 4: Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?

Trả lời:

Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã đến Hương Cảng (Trung Quốc) triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất của Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã viết: *"Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một Đảng"*¹.

Hội nghị thành lập Đảng

Hội nghị được tiến hành trong thời gian (từ ngày 6-1-1930 đến ngày 7-2-1930), với nhiều địa điểm khác nhau tại Hương Cảng (Trung Quốc). Đại hội đại biểu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr.19.

toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đã quyết định lấy ngày 3-2-1930 là ngày kỷ niệm thành lập Đảng.

Dự Hội nghị gồm 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng (Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh), 2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng (Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu), dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc - đại diện của Quốc tế Cộng sản.

- Nội dung Hội nghị: Thông qua các văn kiện *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Lấy tên Đảng là *Đảng Cộng sản Việt Nam*. Các đại biểu về nước phải tổ chức một Trung ương lâm thời gồm 7 ủy viên chính thức và 7 ủy viên dự khuyết để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Theo *Báo cáo gửi Quốc tế cộng sản* của Nguyễn Ái Quốc ngày 18-2-1930. toàn Đảng có 300 đảng viên. Sau Hội nghị hợp nhất. Ban Chấp hành Trung ương lâm thời gồm có: Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Hối, Trần Văn Lan, Nguyễn Phong Sắc. Lê Mao, Hoàng Quốc Việt, Phạm Hữu Lầu, Lưu Lập Dao.

(Đại diện của *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* không đến kịp, do vậy đến ngày 24-2-1930 Đảng Cộng sản Việt Nam ra quyết nghị chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam).

Hội nghị hợp nhất có ý nghĩa như là Đại hội thành lập Đảng.

Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng:

Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng được thông qua trong Hội nghị hợp nhất được coi là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Từ việc phân tích một cách khách quan tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Việt Nam vào những năm đầu thế kỷ XX, Cương lĩnh đã vạch ra *phương hướng chiến lược* của cách mạng Việt Nam: "Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"¹. Tính chất giai đoạn và lý luận cách mạng không ngừng đã được thể hiện trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng: Cách mạng tư sản dân quyền tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đây là con đường cứu nước mới, khác với những chủ trương, những con đường cứu nước của những nhà yêu nước đương thời đã đi vào bế tắc và thất bại. Đường lối cơ bản của cách mạng Việt Nam được phản ánh trong Cương lĩnh đã thể hiện được tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Việc xác định đúng đắn phương hướng, con đường của cách mạng Việt Nam ngay từ đầu có ý nghĩa hết sức quan trọng. Đó là ngọn cờ tập hợp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr. 2.

lực lượng cách mạng, là cơ sở để giải quyết đúng đắn các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

Về nhiệm vụ, mục tiêu cơ bản của cách mạng tư sản dân quyền (sau này gọi là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân) là chống đế quốc, chống phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng. Đây là hai nhiệm vụ cơ bản. Xuất phát từ đặc điểm của chế độ thuộc địa nửa phong kiến, Cương lĩnh đã phân tích mối quan hệ gắn bó của hai nhiệm vụ cơ bản là chống đế quốc và chống phong kiến có gắn bó mật thiết với nhau nhưng trước hết phải đánh đổ đế quốc chủ nghĩa "làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập".

Về lực lượng của cách mạng Việt Nam, Cương lĩnh chỉ ra rằng, phải đoàn kết với tất cả các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước để thực hiện sự nghiệp giải phóng dân tộc: "Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập"¹. Đồng thời, Cương lĩnh cũng đã chỉ ra lực lượng chính của sự nghiệp cách mạng Việt Nam là giai cấp công nhân và dân cày. Đây là sự thể hiện tính nguyên tắc trong chính sách đại đoàn kết

1. *Sđd*, tr. 4.

dân tộc và sự sắp xếp, tổ chức lực lượng cách mạng của Đảng ta. Việc tập hợp lực lượng rộng rãi cũng như xác định được động lực chủ yếu, cơ bản của sự nghiệp cách mạng phản ánh sự mềm dẻo và linh hoạt trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Đảng ta.

Về phương pháp cách mạng: sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để đánh đổ đế quốc phong kiến. Việc nêu lên phương pháp cách mạng bạo lực đã thể hiện sự thấm nhuần và tiếp thu tư tưởng cách mạng bạo lực và khởi nghĩa vũ trang của chủ nghĩa Mác - Lênin. Con đường phát triển là cách mạng chứ không phải là cải cách, thoả hiệp.

Về vấn đề đoàn kết quốc tế, Cương lĩnh nêu rõ: "Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu *nước An Nam độc lập*, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp"¹. Đồng thời, Cương lĩnh cũng xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, đề cao vấn đề đoàn kết quốc tế chính là sự thể hiện việc kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, lợi ích dân tộc và lợi ích toàn nhân loại tiến bộ đang đấu tranh để giải phóng khỏi ách áp bức, bất công trên thế giới.

1. *Sđđ.* tr. 4 -5.

Để thực hiện thành công sự nghiệp cách mạng, Cương lĩnh đã khẳng định vai trò quyết định của Đảng: Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp. Để làm tròn sứ mệnh lịch sử là nhân tố tiên phong quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Đảng phải: "thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng"¹. Khẳng định bản chất giai cấp của Đảng, vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và chiến lược đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh công nông là những vấn đề then chốt bảo đảm cho Đảng ta trở thành nhân tố duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã xác định được những nội dung cơ bản nhất của con đường cách mạng Việt Nam. Lần đầu tiên cách mạng Việt Nam có một bản cương lĩnh chính trị phản ánh được quy luật khách quan của xã hội Việt Nam, đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "*Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta... Vì vậy, Đảng đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn chung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác*

1. *Sđd.*, tr.4

*thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân - không ngừng củng cố và tăng cường*¹.

Sự đúng đắn của *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* đã được khẳng định bởi quá trình khảo nghiệm của lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc ta suốt bảy mươi lăm năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng và đến nay vẫn là ngọn cờ dẫn dắt nhân dân ta trong công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ý nghĩa của việc ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam

Mở ra thời kỳ mới cho cách mạng nước ta: thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Việt Nam từ đây có đường lối và tổ chức lãnh đạo, chấm dứt sự khủng hoảng và bế tắc trong con đường cứu nước.

Việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Điều đó nói lên quy luật ra đời của Đảng và cũng khẳng định ngay từ đầu vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.10, tr. 8.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam chứng tỏ giai cấp công nhân đã trưởng thành và đủ khả năng đảm nhiệm vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Những nội dung cơ bản của Cương lĩnh đầu tiên của Đảng có ý nghĩa to lớn đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Sự đúng đắn của Cương lĩnh đã được lịch sử khẳng định và vẫn là ngọn cờ dẫn dắt nhân dân ta trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập khẳng định dứt khoát con đường đi lên của dân tộc Việt Nam từ năm 1930 là con đường cách mạng vô sản. Đó là sự lựa chọn của chính nhân dân Việt Nam, chính lịch sử dân tộc Việt Nam trong quá trình tìm con đường giải phóng dân tộc.

Câu hỏi 5: Nội dung cơ bản của *Luận cương chính trị* của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 10-1930)?

Trả lời:

Sau Hội nghị thành lập Đảng, Cương lĩnh và Điều lệ của Đảng được bí mật đưa vào phong trào cách mạng của quần chúng, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ và tiến dần lên cao trào. Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng vừa thành lập đã bước ngay vào một cuộc thử thách toàn diện trên cương vị đội tiên phong lãnh đạo cuộc đấu tranh mới của dân tộc. Tháng 4-1930, đồng chí Trần Phú từ Mátxcơva về nước, đồng chí được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời và được phân công cùng Ban Thường vụ chuẩn bị soạn thảo bản *Luận cương chính trị* trình Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng được tiến hành từ ngày 14 đến ngày 30-10-1930 tại Hương Cảng (Trung Quốc). Hội nghị

quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, thông qua *Luận cương chính trị* của Đảng, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương chính thức gồm 7 ủy viên : Trần Phú, Ngô Đức Trì, Nguyễn Phong Sắc, Trần Văn Lan, Nguyễn Trọng Nhã, Lê Mao, Lưu Lập Dao, đồng chí Trần Phú là Tổng Bí thư.

Nội dung cơ bản của Luận cương chính trị:

Luận cương xác định những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam:

+ Về mâu thuẫn giai cấp ở Đông Dương: một bên là thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

+ Tính chất của cách mạng Đông Dương: lúc đầu "là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền... có tính chất thổ địa và phản đế" sau đó phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản tiến thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.

+ Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền: đánh đổ các di tích phong kiến để thực hành thổ địa cách mạng triệt để và đánh đổ đế quốc làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

Hai nhiệm vụ này có quan hệ khăng khít với nhau, trong đó "Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền".

+ Về lực lượng cách mạng: trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chính, nhưng vô sản có tầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được.

Các giai cấp và tầng lớp khác: tư sản thương nghiệp và công nghiệp đứng về phía đế quốc; bộ phận thủ công nghiệp trong giai cấp tiểu tư sản có thái độ do dự, tiểu tư sản thương gia không tán thành cách mạng, tiểu tư sản trí thức có xu hướng cải lương.

+ Về phương pháp cách mạng: Luận cương nhấn mạnh sự cần thiết phải sử dụng bạo lực cách mạng: "vô trang bạo động".

+ Về vai trò lãnh đạo của Đảng: "Điều cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường lối chính trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng và từng trải đấu tranh mà trưởng thành. Đảng là đội tiền phong của giai cấp vô sản, lấy chủ nghĩa Các Mác và Lênin làm gốc".

+ Về mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới: Luận cương chính trị nhấn mạnh: vô sản Đông Dương phải liên lạc mật thiết với vô sản thế giới, nhất là vô sản Pháp, với quần chúng cách mạng ở các nước thuộc địa, bán thuộc địa, nhất là Trung Quốc và Ấn Độ. Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

Tính thống nhất và sự khác nhau giữa Luận cương chính trị (10-1930) với Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (2-1930)

**** Tính thống nhất:***

Những nội dung của Luận cương chính trị thống nhất về cơ bản với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Hội nghị thành lập Đảng:

- Cùng xác định phương hướng chiến lược cơ bản của cách mạng là làm cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

- Xác định nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng là: chống đế quốc và phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.

- Tính chất của cách mạng lúc đầu là cuộc cách mạng tư sản dân quyền sau đó tiếp tục phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản tiến thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa (độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội).

- Phương pháp cách mạng: sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng. Tuyệt đối không đi vào con đường hoà hiệp.

- Về lực lượng lãnh đạo cách mạng là giai cấp vô sản thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản.

- Về mối quan hệ cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới: cách mạng Việt Nam và cách mạng

Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

** Những điểm chưa thống nhất và là hạn chế của Luận cương:*

Luận cương chính trị và Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt có những điểm chưa thống nhất, đó cũng chính là những hạn chế của Luận cương tháng 10-1930:

Một là, Luận cương chưa phân tích sâu sắc đặc điểm của xã hội Việt Nam nên không nêu được mâu thuẫn chủ yếu cần giải quyết của xã hội Việt Nam là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai của chúng, do đó không đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu.

Hai là, Luận cương đánh giá chưa đúng vai trò cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản và mặt yếu nước của tư sản dân tộc, chưa thấy được khả năng phân hoá và lôi kéo một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ trong cách mạng giải phóng dân tộc. Luận cương chính trị nhận rõ vai trò của liên minh công nông, nhưng lại chưa đề cập vấn đề mặt trận dân tộc thống nhất.

Câu hỏi 6: Đường lối cách mạng của Đảng được trình bày tại Đại hội đại biểu toàn Đảng lần thứ I (tháng 3-1935)?

Trả lời:

Hoàn cảnh lịch sử

Đại hội đại biểu toàn Đảng lần thứ I họp từ ngày 27 đến 31-3-1935 tại Ma Cao (Trung Quốc). Đại hội có 13 đại biểu tham dự. Đại hội diễn ra trong bối cảnh của tình hình quốc tế và cách mạng trong nước có những biến chuyển sâu sắc:

- *Thế giới:*

Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế tiếp tục phát triển có lợi cho cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa. Những thành tựu to lớn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã có tác động to lớn, tích cực đến phong trào cách mạng thế giới.

Cuộc khủng hoảng 1929-1933 đã dẫn tới sự phân hóa sâu sắc trong nội bộ giai cấp tư sản, mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng gay gắt, chủ nghĩa phátxít đã xuất hiện, đe dọa nghiêm trọng tới

hòa bình, dân chủ, phong trào cách mạng thế giới và đặt loài người trước nguy cơ chiến tranh thế giới mới.

Sự tăng cường bóc lột giai cấp công nhân ở trong nước và áp bức thuộc địa của chủ nghĩa tư bản đế quốc đã làm cho mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc với các dân tộc thuộc địa ngày càng sâu sắc, điều đó càng thúc đẩy phong trào đấu tranh của công nhân và phong trào giải phóng dân tộc lên cao.

- *Trong nước:*

Từ năm 1932, phong trào cách mạng đã từng bước phục hồi. Các tầng lớp nhân dân ở thành thị và nông thôn tham gia đấu tranh bằng nhiều hình thức mới và phong phú. Lực lượng cách mạng trong cả nước đã được thống nhất.

Tổ chức Đảng cũng đã vượt qua được giai đoạn bị đế quốc "khủng bố trắng". Một số cán bộ của Đảng đã bước đầu biết sử dụng các hình thức hoạt động hợp pháp: về tổ chức, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng đã được thành lập, liên hệ được với những tổ chức, cơ sở trong nước nhằm xây dựng, củng cố, khôi phục các tổ chức của Đảng, thống nhất lãnh đạo Chương trình hành động năm 1932 và chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc của Đảng xác định đường lối cho thời kỳ đấu tranh mới.

Nội dung của Đại hội

Sau khi phân tích một cách khách quan tình hình thế giới và trong nước, kiểm điểm phong trào cách mạng,

công tác tổ chức và lãnh đạo của Đảng. Đại hội quyết nghị ba nhiệm vụ chính:

Về phát triển và củng cố Đảng

Để tăng cường lực lượng cần phát triển đảng viên ở các trung tâm công nghiệp, đồn điền, đường giao thông quan trọng; đưa thêm nhiều đồng chí thuộc thành phần công nhân, nông dân và trí thức ưu tú vào Đảng; làm cho tổ chức Đảng thật sự trở thành cơ quan lãnh đạo và là bộ phận tiên phong của quần chúng; giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin cho đảng viên, đấu tranh với tư tưởng phi vô sản, tiến hành phê bình và tự phê bình, giữ vững kỷ luật của Đảng. Đến tháng 2 - 1935, toàn Đảng có 552 đảng viên.

Về nhiệm vụ thu phục quần đảo quần chúng

Đảng mạnh là căn cứ vào ảnh hưởng và thế lực của Đảng trong quần chúng. Nếu Đảng không liên lạc thường xuyên và mật thiết với quần chúng, không được quần chúng tán thành các chủ trương và khẩu hiệu của mình thì những nghị quyết cách mạng đưa ra chỉ là lời nói không. Để thu phục được quần chúng, các đảng bộ phải bênh vực quyền lợi của quần chúng, nhất là các dân tộc ít người, thanh niên, phụ nữ, ngoại kiều. Củng cố và phát triển các tổ chức quần chúng, lợi dụng các hình thức công khai và nửa công khai để tập hợp và phát triển lực lượng quần chúng thuộc các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội.

Về lãnh đạo phong trào quần chúng chống chiến tranh đế quốc

Đảng đã vạch trần luận điệu "hoà bình" giả dối của bọn đế quốc, nhất là đế quốc Pháp ở Đông Dương, giải thích cho quần chúng thấy rõ chiến tranh đế quốc đã bắt đầu và nguy cơ các nước đế quốc sẽ dùng vũ trang can thiệp vào Liên bang Xôviết.

Ngoài ra, Đại hội còn tổng kết đánh giá *Về công tác đã qua của Ban Chỉ huy kiêm Ban Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Đông Dương* và ra Nghị quyết *Về hệ thống tổ chức, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Chỉ huy ở ngoài* (viết tắt trong các tài liệu là BCHON).

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương mới của Đảng gồm 13 đồng chí (9 ủy viên chính thức, 4 ủy viên dự khuyết), Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí. Đồng chí Lê Hồng Phong được bầu làm Tổng Bí thư.

Bên cạnh những thành công, Đại hội đại biểu toàn Đảng lần thứ I cũng có *thiếu sót* là: chưa nhận thấy hết nguy cơ của chủ nghĩa phátxít trên thế giới và cuộc chiến tranh thế giới có thể xảy ra; chưa nhận rõ khả năng lợi dụng mâu thuẫn để chia mũi nhọn vào chủ nghĩa phátxít và phát động cao trào đấu tranh chống phátxít, chống chiến tranh, đòi tự do, cơm áo, hoà bình; chưa đánh giá hoàn toàn khách quan mối quan hệ giữa các giai cấp, do đó không chủ trương thành lập mặt trận đoàn kết rộng rãi theo yêu cầu của hoàn cảnh lịch sử

lúc đó; chưa thực sự tổng kết được những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng qua 5 năm kể từ ngày thành lập, nhất là thực tiễn cao trào 1930 - 1931 và thời kỳ đấu tranh phục hồi lực lượng 1932 - 1935. Những thiếu sót trên đã được Đảng ta dần khắc phục qua những Hội nghị Trung ương sau đó, nhất là từ sau khi có chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7-1935).

Đại hội lần thứ I của Đảng có ý nghĩa lịch sử quan trọng, đánh dấu sự khôi phục lại hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến địa phương, từ trong nước ra nước ngoài; thống nhất phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương; tạo ra sức mạnh và chuẩn bị lực lượng cho cuộc đấu tranh mới.

Câu hỏi 7: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1939-1945) và thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945?

Trả lời:

Cương lĩnh năm 1930 của Đảng đã nhấn mạnh mục tiêu giành độc lập dân tộc và giành chính quyền. Chủ trương đó đã được thể nghiệm trong cao trào cách mạng 1930-1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh. Đại hội đại biểu toàn Đảng lần thứ I (tháng 3-1935) tiếp tục đề ra mục tiêu đó. Phong trào đấu tranh dân chủ (1936-1939) cũng đề ra mục tiêu trực tiếp giành chính quyền. Trong cao trào 1939-1945, vấn đề giành độc lập, giành chính quyền được đặt ra trực tiếp.

Mục tiêu giành chính quyền đặt ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước chuyển biến mau lẹ. Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (tháng 7-1935), phân tích nguy cơ chủ nghĩa phátxít, các đảng phải có sự chuyển hướng chỉ đạo.

Chủ nghĩa phátxít ra đời tiến công phong trào dân chủ, hoà bình thế giới, mục tiêu tiêu diệt Liên Xô và chủ nghĩa xã hội thế giới của chúng ngày càng lộ rõ.

Ngày 1-9-1939, phátxít Đức tấn công Ba Lan, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Giai đoạn từ ngày 1-9-1939 đến ngày 22-6-1941, cuộc chiến tranh mang tính chất đế quốc chủ nghĩa, chiến tranh giữa đế quốc với đế quốc (Đức, Italia, Nhật và Anh, Pháp, Mỹ). Từ ngày 22-6-1941 đến ngày 2-9-1945, diễn ra cuộc chiến tranh giữa các thế lực phátxít như Đức, Italia, Nhật với các lực lượng Đồng minh gồm Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp và các lực lượng chống phátxít. Phong trào giải phóng dân tộc của Việt Nam đứng về phe Đồng minh chống phátxít.

Tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương: phátxít Nhật đẩy mạnh xâm lược Trung Quốc (1931 - 1937), nhân dân Trung Quốc kháng chiến chống Nhật. Phátxít Nhật xâm chiếm các nước châu Á, chiến tranh châu Á - Thái Bình Dương ngày càng mở rộng, ác liệt.

Chiến tranh thế giới thứ hai ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng: Thực dân Pháp phátxít hoá bộ máy thống trị, chúng ban bố lệnh tổng động viên, thực hiện chính sách "kinh tế chì huy" thực chất là vơ vét sức người và sức của để phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc. Chúng thủ tiêu mọi quyền dân sinh, dân chủ ít ỏi mà nhân dân ta giành được trong thời kỳ 1936 - 1939, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng, tấn công Đảng Cộng sản Đông Dương và các tổ chức quần chúng

do Đảng lãnh đạo. Đảng chủ trương nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm hoạt động về địa bàn nông thôn.

Khi Nhật xâm lược Đông Dương (tháng 9-1940), hàng ngũ kẻ thù ở Đông Dương tăng lên, ách áp bức và mâu thuẫn dân tộc càng trở nên nặng nề. Nhân dân Đông Dương chịu cảnh một cổ hai tròng (Pháp - Nhật), chúng cấu kết với nhau chống phá cách mạng.

Đối với Pháp: tháng 6-1940, nước Pháp rơi vào tay phátxít Đức. Đảng Cộng sản Pháp và các lực lượng dân chủ tiến bộ lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống phátxít Đức. Chính giới Pháp bị phân hoá: một lực lượng tập trung xung quanh Đờ Gôn (phái Đờ Gôn) chống phátxít, một lực lượng tập trung xung quanh Pétanh làm tay sai cho Đức. Ở Đông Dương cũng có hai phái: phái Đờ Gôn và phái Pétanh.

Sau khi xâm chiếm Việt Nam và Đông Dương, phátxít Nhật từng bước gạt bỏ ảnh hưởng của Pháp ở Đông Dương và đỉnh cao là tiến hành đảo chính gạt bỏ Pháp (ngày 9-3-1945).

Trước đòi hỏi của tình hình cách mạng, trước sự đàn áp khốc liệt của kẻ thù, nhiều cuộc đấu tranh đã nổ ra với những quy mô khác nhau, có cuộc đấu tranh nổ ra ở quy mô lớn (khởi nghĩa Bắc Sơn (tháng 9-1940), khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11-1940), cuộc binh biến Đô Lương (tháng 1-1941)), không chỉ đấu tranh chính trị

mà cả đấu tranh vũ trang. Những cuộc đấu tranh ấy tuy thất bại nhưng nó phản ánh ý chí đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta. Đảng phải nắm bắt được để có sự lãnh đạo kịp thời. *"Đó là những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu tranh đấu bằng vũ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương"*.

Mặc dù thực dân Pháp đàn áp khốc liệt, nhưng do chuyển hướng kịp thời về phương pháp và địa bàn hoạt động nên lực lượng lãnh đạo cách mạng cơ bản vẫn được bảo toàn và phát triển.

Những năm 1938-1939, từ Trung Quốc, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc theo dõi và chỉ đạo sát sao cách mạng trong nước. Cuối năm 1940, tại biên giới Việt - Trung, Người đã mở lớp đào tạo hàng ngàn cán bộ cách mạng. Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định trở về Tổ quốc cùng Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng.

Trước biến chuyển của tình hình thế giới và trong nước, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị tháng 11-1939 tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) do đồng chí Nguyễn Văn Cừ - Tổng Bí thư của Đảng chủ trì; Hội nghị Trung ương tháng 11-1940 tại Đình Bảng, Từ Sơn (Bắc Ninh) do đồng chí Trường Chinh chủ trì và Hội nghị Trung ương lần thứ tám (tháng 5-1941) tại Khuổi Nặm, Pác Bó (Cao Bằng) do Nguyễn Ái Quốc

chủ trì, đánh dấu sự hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, đường lối đấu tranh giành chính quyền của Đảng.

Trên cơ sở phân tích yêu cầu bức thiết của phong trào cách mạng trong nước và nhận định khả năng diễn biến của Chiến tranh thế giới thứ hai, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã bổ sung, phát triển những nội dung cơ bản trong đường lối cách mạng giải phóng dân tộc.

1. *Nêu cao mục tiêu giành độc lập, giành chính quyền, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, nhiệm vụ chống phong kiến và các yêu cầu dân chủ khác phải rải ra thực hiện từng bước, phục vụ nhiệm vụ chống đế quốc.* Khẩu hiệu lúc này là "*Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết*".

Trên cơ sở phân tích các mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam, Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 xác định mâu thuẫn gay gắt lúc này là mâu thuẫn giữa đế quốc với các dân tộc Đông Dương, vì vậy: "bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 6, tr. 536.

Hội nghị Trung ương tháng 11-1940 tiếp tục khẳng định quan điểm giải phóng dân tộc và xác định: "Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng lãnh đạo các dân tộc bị áp bức Đông Dương vũ trang bạo động giành lấy quyền tự do, độc lập".

Phát triển tư tưởng của Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 và tháng 11-1940, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám (tháng 5-1941) xác định: "*Nhiệm vụ giải phóng dân tộc, giành độc lập cho đất nước là nhiệm vụ trước tiên của Đảng ta*". Đảng xác định chủ trương làm cách mạng giải phóng dân tộc, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thay bằng khẩu hiệu tịch ký ruộng đất của đế quốc Pháp và của những địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc. Hội nghị nhấn mạnh phải đặt quyền lợi của dân tộc lên trên quyền lợi của giai cấp, bộ phận: "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"¹.

1. *Sđđ*, t.7, tr. 113.

2. Xây dựng lực lượng cách mạng của quần chúng nhân dân tập hợp trong Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc.

Lực lượng chính trị của quần chúng được tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất tạo nên lực lượng chính trị hùng hậu. Hội nghị Trung ương lần thứ tám quyết định thành lập một mặt trận lấy tên là *Việt Nam độc lập đồng minh* (gọi tắt là *Mặt trận Việt Minh*) để đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc. Mục tiêu chung là giành độc lập dân tộc, cứu quốc nên tập hợp trong Mặt trận Việt Minh là các đoàn thể mang tên *Cứu quốc* (Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Phụ lão cứu quốc, Thiếu niên cứu quốc...) để vận động mọi người dân yêu nước không phân biệt các thành phần giai cấp, lứa tuổi, đoàn kết thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng khởi nghĩa giành chính quyền cách mạng. Mặt trận Việt Minh là hình ảnh một khối đại đoàn kết dân tộc, là linh hồn, ngọn cờ tập hợp quần chúng khởi nghĩa thắng lợi.

Mặt trận Việt Minh giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ của dân tộc Việt Nam chứ không phải mặt trận chung của Đông Dương, vì thế nó khơi dậy mạnh mẽ tinh thần dân tộc của mỗi người Việt Nam. Mặt trận Việt Minh hình thành về mặt tổ chức, là hệ thống tổ chức từ Trung ương đến cơ sở nên đã phát huy sức mạnh

ở chính tổ chức đó. Hội nghị Trung ương tháng 2-1943 tại Võng La (Đông Anh. Phúc Yên) quyết định đẩy nhanh sự phát triển của Mặt trận Việt Minh.

3. Xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng, chú trọng đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa, đi từ khởi nghĩa từng phần đến tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi.

Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa, nhấn mạnh nhiệm vụ chính trị của công tác quần chúng lúc này là dự bị điều kiện bước tới bạo động làm cách mạng giải phóng dân tộc. Sau khởi nghĩa Bắc Sơn đội du kích Bắc Sơn ra đời, căn cứ địa Bắc Sơn - Vũ Nhai do Thường vụ Trung ương chỉ đạo được hình thành. Hội nghị Trung ương tháng 11-1940 duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn, lực lượng vũ trang Bắc Sơn phát triển thành những trung đội *Cứu quốc quân*. Tại Cao Bằng, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập ngày 22-12-1944. Căn cứ địa Cao Bằng do Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng lãnh đạo. Đến năm 1943 căn cứ địa Bắc Sơn - Vũ Nhai nối liền với căn cứ địa Cao Bằng. Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ từ ngày 13 đến ngày 20-4-1945 tại Hiệp Hoà (Bắc Giang) đã quyết định lập chiến khu trong cả nước, nối liên lạc giữa các chiến khu Bắc, Trung, Nam. Xây dựng những căn cứ địa kháng Nhật ở những nơi có điều kiện. Hội nghị quyết định thống nhất

Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, Cứu quốc quân và các lực lượng vũ trang cách mạng khác thành Việt Nam giải phóng quân. Đầu tháng 5-1945, Hồ Chí Minh về Tuyên Quang, Người chọn Tân Trào làm căn cứ để chỉ đạo cách mạng cả nước. Ngày 4-6-1945, Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập bao gồm sáu tỉnh (Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang và Hà Giang). Khu giải phóng trở thành căn cứ địa của cả nước.

Xác định hình thức, phương thức đấu tranh: tư tưởng chỉ đạo: đi từ khởi nghĩa từng phần, giành thắng lợi bộ phận tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước được Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 đề ra và Hội nghị Trung ương lần thứ tám tháng (5-1941) xác định: "chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và dân ta trong giai đoạn hiện tại"¹. Hội nghị Trung ương lần thứ tám xác định phương châm và hình thái khởi nghĩa ở nước ta: "Phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù... với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn"².

1, 2. *Sđd*, t. 7, tr. 298, 131-132.

Vấn đề thời cơ cách mạng cũng được các hội nghị Trung ương nêu rõ:

Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 dự kiến thời cơ: cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị gây nên bởi đế quốc chiến tranh lần này sẽ nung nấu cách mạng Đông Dương nổ bùng và tiến đồ cách mạng giải phóng dân tộc nhất định sẽ quang minh rực rỡ. Hội nghị Trung ương tháng 11-1940, Đảng dự đoán: "Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng lãnh đạo các dân tộc bị áp bức Đông Dương vũ trang bạo động giành lấy quyền tự do, độc lập". Hội nghị Trung ương lần thứ tám dự kiến chiều hướng phát triển của chiến tranh: phátxít Đức sẽ đánh Liên Xô; chiến tranh Thái Bình Dương sẽ bùng nổ, cuộc chiến tranh do bọn đế quốc gây ra sẽ tàn sát loài người một cách ghê gớm nhưng phe Đồng minh chống phátxít và cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô nhất định sẽ thắng lợi, phe phátxít nhất định sẽ thất bại, điều kiện thuận lợi cho các dân tộc đấu tranh giải phóng. Cuối năm 1943, Hồ Chí Minh dự báo Chiến tranh thế giới có thể kết thúc trong một năm hay một năm rưỡi nữa, đây là cơ hội tốt cho ta giành thắng lợi. Dự báo thời cơ, chớp thời cơ là một khoa học, nghệ thuật trong lãnh đạo khởi nghĩa vũ trang của Đảng. Ngày 15-8-1945 Nhật đầu hàng

Đồng minh, đó là cơ hội thuận lợi cho cuộc tổng khởi nghĩa giành thắng lợi.

4. *Đấu tranh giành chính quyền và lựa chọn hình thức Nhà nước Dân chủ Cộng hoà (Việt Nam Dân chủ Cộng hoà)* chứ không phải hình thức chính quyền Xôviết như ở Nga. Nghị quyết Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương: Thành lập những uỷ ban nhân dân ở những nơi ta làm chủ. Lập nên một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, hoàn toàn độc lập.

5. *Về xây dựng Đảng.*

Ban Chấp hành Trung ương đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng nhằm nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn và năng lực lãnh đạo của Đảng (Hội nghị Trung ương lần thứ tám có hẳn phụ lục về *Vấn đề Đảng*), đồng thời chủ trương kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở; thống nhất tư tưởng, thống nhất ý chí và hành động; gấp rút đào tạo cán bộ, cán bộ lãnh đạo, cán bộ công vận, nông vận, binh vận, quân sự và đẩy mạnh công tác vận động quần chúng; cán bộ phải bắt buộc chịu huấn luyện theo chương trình phổ thông của Đảng. Đặc biệt, Đảng chú trọng chống các phần tử phá hoại trong Đảng.

Như vậy, các Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 11-1939, tháng 11-1940, và Hội nghị Trung ương lần thứ tám (tháng 5-1941) đã phát triển, hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc. Đường lối

đó có vai trò chỉ đạo phong trào cách mạng trên khắp cả nước.

Đảng chủ trương phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ngày 9-5-1945, phátxít Đức đầu hàng Liên Xô và Đồng minh không điều kiện. Ở châu Á, phátxít Nhật đang đi gần đến thất bại hoàn toàn. Trước sự phát triển mau lẹ của tình hình, Trung ương Đảng quyết định triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 14 đến ngày 15-8-1945. Hội nghị nhận định: cơ hội rất tốt cho ta giành chính quyền đã tới và quyết định phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phátxít Nhật và tay sai trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Hội nghị nêu rõ khẩu hiệu đấu tranh lúc này là: "Phản đối xâm lược", "Hoàn toàn độc lập", "Chính quyền nhân dân". Những nguyên tắc để chỉ đạo khởi nghĩa là: tập trung, thống nhất và kịp thời. Hội nghị quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại trong tình hình mới. Quyết định cử Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do đồng chí Trường Chinh phụ trách và kiện toàn Ban Chấp hành Trung ương.

Đêm 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1 hạ lệnh tổng khởi nghĩa.

Ngày 16-8-1945, Đại hội quốc dân họp tại Tân Trào. Đại hội nhiệt liệt tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng và Mười chính sách của Việt Minh, quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam.

Ngay sau Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"¹. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hơn 20 triệu đồng bào ta đã nhất tề nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Từ ngày 14-8-1945, các đơn vị giải phóng quân đã liên tiếp hạ nhiều đồn bốt của Nhật ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái. Ngày 18-8-1945, nhân dân các tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Phúc Yên, Thái Bình, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Quảng Nam và Khánh Hoà giành chính quyền ở tỉnh lỵ.

Ngày 19-8-1945, dưới sự lãnh đạo của Thành uỷ Hà Nội, hàng chục vạn quần chúng dự cuộc mít tinh lớn tại Quảng trường Nhà hát lớn thành phố, sau mít tinh quần chúng toả đi chiếm Phủ Khâm sai, Toà Thị chính, Trại lính bảo an, Sở Cảnh sát và các công sở của chính quyền bù nhìn. Trước khí thế áp đảo của quần chúng khởi nghĩa, quân Nhật ở Hà Nội hoàn toàn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.3, tr. 554.

tê liệt. không dám chống cự. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội có ý nghĩa quyết định đối với cả nước, cổ vũ động viên nhân dân cả nước khởi nghĩa giành chính quyền. Nhiều địa phương căn cứ vào bản Chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" đã kịp thời chủ động phát động khởi nghĩa giành chính quyền khi chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng.

Ngày 23-8-1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Huế; ngày 25-8-1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn. Chỉ trong vòng 15 ngày (từ ngày 14 đến ngày 28-8-1945), cuộc tổng khởi nghĩa đã thành công trên cả nước, chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 2-9-1945, tại cuộc mít tinh lớn ở Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* tuyên bố trước quốc dân đồng bào, với toàn thể thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. Bản Tuyên ngôn độc lập khẳng định: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"¹. Bản Tuyên ngôn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2002, t.3, tr. 557.

độc lập đã khẳng định trên cả hai phương diện: phương diện pháp lý cũng như trên thực tế chủ quyền của dân tộc ta. Tuyên ngôn độc lập là tác phẩm bất hủ của Hồ Chí Minh, là kết tinh truyền thống lịch sử kiên cường, bất khuất của dân tộc ta, là bản anh hùng ca mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên độc lập, tự do và góp phần làm phong phú tư tưởng về quyền con người của các dân tộc trên thế giới - quyền độc lập, tự do.

Với đường lối cách mạng đúng đắn nêu trên, Đảng đã lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thành công. Có thể nói, Cách mạng Tháng Tám thắng lợi là do những nguyên nhân sau:

- Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố chủ yếu nhất, quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945.
- Sức mạnh của toàn dân tộc trong Mặt trận Việt Minh.
- Thời cơ cách mạng thuận lợi.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945, mặc dù cách mạng có những lúc bị chìm trong máu lửa. Chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta bị xóa bỏ, một kỷ nguyên mới mở ra, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đánh giá về Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc"¹.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4-2001) đánh giá là một trong ba thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trong thế kỷ XX dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong quá trình lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám, **Đảng có được một số kinh nghiệm** quý báu đóng góp vào kho tàng lý luận cách mạng dân tộc dân chủ ở một nước thuộc địa nửa phong kiến:

- Nêu cao mục tiêu đấu tranh giành độc lập dân tộc với ý chí tự lực tự cường, kết hợp đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

- Đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc, trên cơ sở nòng cốt là công nhân và nông dân.

1. *Sđd*, t.6, tr.159.

- Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, cô lập cao độ kẻ thù, chủ yếu là đế quốc và tay sai phản động; tranh thủ những phần tử trung lập, lừng chừng; tập trung mọi lực lượng, tập trung chống kẻ thù nguy hiểm nhất.

- Nắm vững thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, chủ động sáng tạo trong sử dụng hình thức, phương pháp khởi nghĩa giành chính quyền.

- Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, thống nhất ý chí và hành động.

Câu hỏi 8: Chủ trương và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng để giữ vững thành quả cách mạng trong giai đoạn 1945 - 1946?

Trả lời:

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, chính quyền cách mạng non trẻ đứng trước những thử thách hết sức nghiêm trọng. "Giặc đói", "giặc dốt" hoành hành, nạn "ngoại xâm, nội phản" đe dọa đến sự sinh tử tồn vong của nền độc lập non trẻ. Cách mạng Việt Nam nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc. Vận mệnh dân tộc như "ngàn cân treo sợi tóc". Tình hình đó đòi hỏi Đảng và chính quyền cách mạng phải có đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn mới có thể bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng.

Ngay sau ngày tuyên bố độc lập, Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Chính phủ lâm thời đã đề ra hai nhiệm vụ cấp bách là cứu đói ở miền Bắc và kháng chiến ở miền Nam.

Ngày 25-11-1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*, xác định tính chất của cách mạng lúc này vẫn là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc;

kẻ thù chính của nhân dân ta lúc này là thực dân Pháp, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng.

Nhiệm vụ trước mắt là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân. Nhiệm vụ trung tâm và bao trùm là bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng. Để thực hiện hai nhiệm vụ đó, Đảng đưa ra nhiều biện pháp cụ thể trên các lĩnh vực công tác:

- *Về chính trị*: Đảng xúc tiến việc bầu cử Quốc hội, thành lập Chính phủ, soạn thảo Hiến pháp và tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, kiện toàn bộ máy chính quyền từ Trung ương đến cơ sở. Mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (tức Mặt trận Liên Việt) vào tháng 5-1946 nhằm thu hút cả tầng lớp tư sản và địa chủ yêu nước tiến bộ.

Để bảo toàn lực lượng trước sự công kích của kẻ thù, tháng 11-1945, Đảng tuyên bố tự giải tán mà thực chất là rút vào hoạt động bí mật, chỉ để lại một bộ phận hoạt động công khai dưới danh nghĩa Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác.

- *Về kinh tế, tài chính*: Trước mắt Đảng tổ chức lạc quyền cứu đói. Biện pháp cơ bản và lâu dài là tăng gia sản xuất, phát động phong trào tăng gia sản xuất với khẩu hiệu "Tấc đất tấc vàng", khôi phục các nhà máy, hầm mỏ, mở hợp tác xã, lập ngân hàng quốc gia.

phát hành giấy bạc. Nhờ đó, sản xuất nhanh chóng được khôi phục và phát triển, nạn đói bị đẩy lùi. Đồng thời, Chính phủ ra sắc lệnh tịch thu ruộng đất của địa chủ và Việt gian chia cho dân cày nghèo: chia lại ruộng công cho cả nam lẫn nữ; giảm tô 25%; giảm và miễn thuế cho nhân dân các vùng bị lũ lụt. Phát động nhân dân tự nguyện đóng góp tiền của, hưởng ứng "Tuần lễ vàng", xây dựng "Quỹ độc lập". Ngân sách quốc gia tăng lên hàng chục triệu đồng với hàng trăm kilôgam vàng, nền tài chính độc lập từng bước được xây dựng.

- *Về quốc phòng, an ninh*: Nhanh chóng xoá bỏ bộ máy cai trị của chính quyền cũ, giải tán các đảng phái phản động, trừng trị bọn phản quốc, giáo dục nhân dân tăng cường cảnh giác, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Đảng coi trọng xây dựng và phát triển các công cụ bạo lực của cách mạng. Cuối năm 1946, quân đội thường trực đã lên đến 8 vạn người. Việc quân sự hoá toàn dân được thực hiện rộng khắp, hầu hết các khu phố, xã, hẻm nhỏ đều có đội tự vệ. Đó là "bức tường sắt của Tổ quốc" để bảo vệ thành quả cách mạng.

- *Về văn hoá, xã hội*: Đảng vận động toàn dân xây dựng nền văn hoá mới, xoá bỏ mọi tệ nạn văn hoá nô dịch, thực hiện nền giáo dục mới, phát triển "bình dân học vụ" để diệt "giặc dốt". Chỉ sau một năm, cả nước đã có 2.5 triệu người biết đọc, biết viết.

- Về ngoại giao: Để thoát khỏi "vòng vây đế quốc", tránh tình thế phải đối đầu với nhiều kẻ thù cùng một lúc, Đảng thực hiện sách lược ngoại giao mềm dẻo nhằm ngăn chặn chiến tranh, kéo dài thời gian hoà hoãn để xây dựng lực lượng cách mạng. Những chủ trương đó là:

Thứ nhất: Tạm thời hoà hoãn với Tưởng trên miền Bắc để tập trung sức chống thực dân Pháp ở miền Nam (từ tháng 9-1945 đến tháng 3-1946).

Để đối phó với kẻ thù chính, trước mắt là thực dân Pháp. Đảng chủ trương hoà hoãn, nhân nhượng với Tưởng ở miền Bắc để tập trung sức chống thực dân Pháp ở miền Nam. Tuy nhân nhượng với Tưởng ở một số mặt, nhưng ta vẫn bảo đảm nguyên tắc giữ vững thành quả cách mạng và đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền. Trong khi hoà hoãn, chúng ta không ngừng nâng cao cảnh giác, khi cần thiết thì kiên quyết trấn áp bọn phản động để giữ vững chính quyền cách mạng.

Sách lược ngoại giao sáng suốt trên đã làm thất bại một bước âm mưu chống phá cách mạng của Tưởng và tay sai, giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho quân và dân cả nước tập trung nỗ lực vào cuộc kháng chiến chống Pháp ở miền Nam, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh đẩy lùi (hoặc chí ít cũng làm chậm) nguy cơ chiến tranh lan rộng

ra cả nước, đồng thời chuẩn bị tạo thế và lực để đưa cách mạng phát triển trong điều kiện mới.

Thứ hai: Tạm thời hoà hoãn với thực dân Pháp để đẩy nhanh quân Tưởng về nước (từ tháng 3-1946 đến tháng 12-1946).

Ngày 28-2-1946, Tưởng và Pháp đã ký Hiệp ước Hoa - Pháp thoả thuận để quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân Tưởng "canh giữ tù binh Nhật" và giữ "trật tự" theo "Hiệp ước quốc tế". Tình thế đó đặt cách mạng nước ta trước hai con đường: hoặc cầm súng đánh Pháp, ta sẽ cùng một lúc đối đầu với nhiều kẻ thù trong khi lực lượng cách mạng còn non yếu; hoặc tạm thời hoà hoãn với Pháp ta sẽ tránh được tình thế bất lợi phải chiến đấu với nhiều kẻ thù cùng một lúc, bảo toàn lực lượng, đuổi nhanh quân Tưởng về nước, loại trừ được bọng tay sai của chúng.

Đảng ta chọn con đường thứ hai "hoà để tiến". Tạm thời hoà hoãn, có nhân nhượng cần thiết với Pháp trên nguyên tắc bảo đảm quyền tự chủ của dân tộc. Do vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ký với đại diện Chính phủ Pháp bản *Hiệp định sơ bộ* ngày 6-3-1946. Theo đó, Pháp công nhận nước ta là một quốc gia tự do có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng. Việc quân Pháp vào miền Bắc cũng được quy định rõ về địa điểm, thời gian và số lượng.

Ký Hiệp định sơ bộ là một chủ trương đúng đắn, sáng tạo của Đảng, một mẫu mực tuyệt vời của sách lược leninist về lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch và về nhân nhượng có nguyên tắc¹. Hiệp định không chỉ kéo dài thời gian hoà hoãn để nhân dân ta củng cố thành quả cách mạng đã giành được, chuẩn bị thực lực cho cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp, mà còn tạo cơ sở pháp lý buộc Tưởng rút quân khỏi miền Bắc, tạo điều kiện cho lực lượng kháng chiến trở lại bám trụ thôn, xã miền Nam.

Sau khi ký Hiệp định, Đảng và Chính phủ kiên trì giải quyết quan hệ Việt - Pháp bằng con đường hoà bình. Tuy nhiên, do dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, cuộc đàm phán chính thức tại Phôngtennoblô không đi đến kết quả. Để tranh thủ tối đa khả năng hoà bình, trong thời gian thăm chính thức nước Pháp (từ tháng 5 đến tháng 9-1946), trước khi về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Tạm ước ngày 14-9-1946. Đây là nhân nhượng cuối cùng của ta đối với Pháp. Chúng ta không thể nhân nhượng được nữa, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp đang đến gần.

Với sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946, sự nghiệp

1. Xem: Lê Duẩn: *Tuyên tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr.439.

dấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng, vừa kháng chiến vừa kiến quốc của nhân dân ta không những vượt qua những thách thức hiểm nghèo, củng cố và phát triển thành quả Cách mạng Tháng Tám, đặt nền móng cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, mà còn để lại **những kinh nghiệm** quý cho kho tàng lý luận về chiến tranh nhân dân Việt Nam, đó là:

- Nhanh chóng xác lập những cơ sở pháp lý và tinh hợp hiến của chính quyền cách mạng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và nhân dân trước tình thế sinh tử tồn vong của dân tộc, đặc biệt là bối cảnh "giặc ngoài, thù trong" đồng tâm phá hoại cách mạng.

- Phát huy quyền làm chủ đất nước của nhân dân, vượt qua tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" và giữ vững chính quyền nhân dân.

- Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, chia mũi nhọn cách mạng vào kẻ thù chính, hòa hoãn với kẻ thù có thể hòa hoãn.

- Tận dụng khả năng hòa hoãn để xây dựng lực lượng, củng cố chính quyền nhân dân, sẵn sàng ứng phó với khả năng chiến tranh lan ra cả nước.

Câu hỏi 9: Đường lối của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945 - 1954)?

Trả lời:

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ được đề ra ngay từ đầu cuộc kháng chiến và không ngừng được bổ sung hoàn chỉnh trong quá trình tiến hành kháng chiến.

Đường lối kháng chiến được thể hiện rõ trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng: bắt đầu từ bản Chỉ thị về *Kháng chiến kiến quốc* (ngày 25-11-1945), tiếp đến là *Công việc khẩn cấp bây giờ* (tháng 10-1946), Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* ngày 12-12-1946 và *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*¹ của Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 19-12-1946), những quan điểm cơ bản của đường lối kháng chiến đã hình thành. Giữa năm 1947, Tổng Bí thư Trường Chinh đã viết một loạt bài báo nhằm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr.480

hướng dẫn việc thực hiện đường lối của Đảng, những bài viết này được tập hợp thành cuốn sách *Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*. Tác phẩm *Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi* đã thể hiện những quan điểm cơ bản về đường lối kháng chiến của Đảng. Đó là đường lối: "toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính" để đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta đi đến thắng lợi. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951) tổng kết 5 năm kháng chiến đã bổ sung và phát triển đường lối kháng chiến khi kháng chiến đã phá thế bị bao vây và đế quốc Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Về cơ bản, đường lối chung của cuộc kháng chiến tập trung ở một số nội dung:

Về mục đích kháng chiến: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ là sự kế thừa và phát triển thành quả Cách mạng Tháng Tám nhằm đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành thống nhất, độc lập hoàn toàn.

Tính chất của cuộc kháng chiến: Đảng khẳng định đây là cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa, nó có tính chất toàn dân, toàn diện và lâu dài. Do vậy, đó là cuộc chiến tranh tiến bộ vì tự do, độc lập, dân chủ và hòa bình có tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới. Đảng chủ trương liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp.

đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hoà bình.

Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến: Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trên cơ sở xác định rõ đối tượng của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc và thế lực phong kiến. Đặc biệt, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951) đã chỉ rõ kẻ thù cụ thể trước mắt của cách mạng Việt Nam là đế quốc Pháp, kẻ thù nguy hiểm là đế quốc Mỹ, kẻ thù phụ là các thế lực phong kiến, lúc này là phong kiến phản động, từ đó đề ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam:

- Đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược làm cho Việt Nam hoàn toàn thống nhất và độc lập.

- Xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân.

- Gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

Động lực của cách mạng Việt Nam là nhân dân, chủ yếu là công, nông.

Lãnh đạo cách mạng Việt Nam là giai cấp công nhân. Nông dân là bạn đồng minh "lớn mạnh và chắc chắn" của giai cấp công nhân.

Phương châm kháng chiến: Đảng chủ trương tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện "kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính".

Trong đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, điều cốt lõi nhất và cơ bản nhất là chiến lược *toàn dân kháng chiến*. Đảng tổ chức cả nước thành một mặt trận, tạo nên thế trận cả nước đánh giặc, phát huy sức mạnh của toàn dân và khối đoàn kết toàn dân tộc tham gia kháng chiến với những biện pháp đa dạng phong phú, phù hợp như tuyên truyền giáo dục, động viên chính trị sâu rộng từ đó xác định trách nhiệm đứng lên cứu nước nhà. Chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang với ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích. Từ chiến tranh du kích phát triển lên chiến tranh chính quy, kết hợp du kích chiến với vận động chiến.

Để phát huy sức mạnh tổng hợp của cuộc kháng chiến, Đảng chủ trương *kháng chiến toàn diện* tức là tiến hành tiến công địch trên tất cả các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao tạo thành sức mạnh tổng hợp.

+ *Về chính trị*, phải đoàn kết toàn dân chống Pháp xâm lược, phải thống nhất toàn dân, làm cho mặt trận dân tộc thống nhất ngày càng vững chắc và rộng rãi. Phải củng cố chế độ cộng hoà dân chủ, xây dựng bộ máy kháng chiến vững mạnh, thống nhất quân, dân, chính trong toàn quốc, phát triển các đoàn thể cứu quốc, củng cố bộ máy lãnh đạo kháng chiến toàn dân. Phải cô lập kẻ thù, kéo thêm nhiều bạn, làm cho nhân dân Pháp và

nhân dân các thuộc địa Pháp tích cực ủng hộ ta, chống lại thực dân phản động Pháp. Coi trọng xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhà nước và Mặt trận dân tộc thống nhất vững mạnh. Thống nhất Việt Minh, Liên Việt thành mặt trận Liên Việt (1951).

+ *Về quân sự*, triệt để dùng “du kích vận động chiến”, tiến công địch ở khắp nơi, vừa đánh địch vừa xây dựng lực lượng; tản cư nhân dân ra xa vùng chiến sự. Xây dựng căn cứ địa kháng chiến và hậu phương vững mạnh. Chủ động làm thất bại các kế hoạch chiến tranh lớn của địch, phối hợp chặt chẽ các chiến trường với sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất.

+ *Về kinh tế*, xây dựng nền kinh tế kháng chiến theo nguyên tắc vừa kháng chiến vừa kiến quốc, toàn dân tăng gia sản xuất, tự túc tự cấp về mọi mặt; ra sức phá kinh tế địch không cho chúng thực hiện mưu đồ lấy chiến tranh nuôi chiến tranh. Kinh tế kháng chiến về hình thức là kinh tế chiến tranh, về nội dung là dân chủ mới, chú trọng phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp. Phát triển các thành phần kinh tế, từng bước thực hiện chính sách ruộng đất đối với nông dân (giảm tô và cải cách ruộng đất). Phát triển kinh tế quốc doanh, gây mầm cho chủ nghĩa xã hội.

+ *Về văn hoá*, thực hiện hai nhiệm vụ: xoá bỏ nền văn hoá nô dịch, ngu dân, xâm lược của thực dân Pháp

và xây dựng nền văn hoá dân chủ mới. dựa trên ba nguyên tắc: *dân tộc hoá, khoa học hoá, đại chúng hoá*. Phát triển giáo dục, đào tạo cả bậc phổ thông, trung học chuyên nghiệp và đại học. Tiến hành cải cách giáo dục. Phát triển văn học, nghệ thuật, coi văn nghệ là một mặt trận và văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận này.

+ *Về đấu tranh ngoại giao*, triệt để cô lập kẻ thù, tranh thủ thêm nhiều bầu bạn. làm cho nhân dân thế giới kể cả nhân dân Pháp hiểu, tán thành và ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ về mọi mặt của các nước xã hội chủ nghĩa nhất là Liên Xô, Trung Quốc. Năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: Việt Nam là bạn của các nước dân chủ trên thế giới, không gây thù oán với một ai.

Kháng chiến lâu dài: Xuất phát từ sự so sánh lực lượng, ban đầu địch mạnh, ta yếu nên Đảng chủ trương đánh lâu dài. Vừa đánh vừa xây dựng, phát triển lực lượng, đồng thời tích cực tiêu hao, tiêu diệt địch để so sánh lực lượng sẽ dần có lợi cho ta và ta sẽ chuyển từ yếu thành mạnh, tiến tới đánh thắng kẻ thù. Song, Đảng khẳng định đánh lâu dài nhưng phải tạo thế chủ động phát triển thế và lực, tạo thời cơ giành thắng lợi quyết định.

Dựa vào sức mình là chính: là dựa vào sức lực của toàn dân, vào đường lối đúng đắn của Đảng, vào các

điều kiện thiên thời, địa lợi, nhân hoà của đất nước, đồng thời ra sức tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ quốc tế để chiến thắng kẻ thù.

Đường lối kháng chiến của Đảng là sự kế thừa và nâng lên tầm cao mới tư tưởng quân sự truyền thống của dân tộc, là sự vận dụng lý luận chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm nước ngoài vào điều kiện Việt Nam. Đường lối đó là ngọn cờ dẫn dắt và là động lực chính trị tinh thần đưa quân và dân ta tiến lên chiến đấu và chiến thắng thực dân Pháp xâm lược. Với đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ngày càng phát triển và giành thắng lợi vẻ vang. Sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường, Nhà nước dân chủ nhân dân ngày càng vững mạnh, mặt trận Việt Minh, Liên Việt và các đoàn thể cách mạng đã tập hợp rộng rãi khối đại đoàn kết dân tộc. Kinh tế phát triển nhất là nông nghiệp, xây dựng. Văn hóa, giáo dục có nhiều thành công. Ngoại giao từng bước phá thế bị bao vây, tranh thủ được sự ủng hộ về mọi mặt của đồng chí, bè bạn trên thế giới. Đặc biệt, trên mặt trận quân sự, quân đội và nhân dân Việt Nam đã lần lượt đánh bại các kế hoạch chiến tranh lớn của thực dân Pháp: đánh bại kế hoạch chiến tranh chớp nhoáng của địch với chiến thắng Việt Bắc thu đông (1947); làm thất bại kế hoạch Rove với chiến thắng

Biên giới (1950); đánh bại kế hoạch Đ.Tátxinhi với chiến thắng Hòa Bình (1951), Tây Bắc (1952) và làm phá sản kế hoạch Nava với chiến thắng vĩ đại ở Điện Biên Phủ (ngày 7-5-1954), buộc thực dân Pháp ký Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh, rút quân Pháp về nước. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân vì mục tiêu giành độc lập, thống lợi hoàn toàn.

Câu hỏi 10: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng và Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (tháng 2-1951)?

Trả lời:

Qua hơn 5 năm chiến đấu, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam đã liên tiếp thu được nhiều thắng lợi. Đặc biệt, chiến thắng Biên giới (1950) đã đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta chuyển sang thời kỳ mới - thời kỳ giữ vững và phát huy quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính. Nhưng, cũng trong thời gian này, thực dân Pháp đang nỗ lực giành lại quyền chủ động trên chiến trường và đế quốc Mỹ tăng cường viện trợ cho thực dân Pháp và can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương. Do vậy, cuộc chiến tranh càng trở nên gay go quyết liệt.

Về tình hình thế giới: Phong trào cách mạng của nhân dân thế giới ngày càng phát triển nhất là sự lớn mạnh của Liên Xô, thắng lợi của cách mạng Trung Quốc đã trở thành một nhân tố thuận lợi cổ vũ và ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam nói riêng và nhân dân Đông Dương nói chung. Lực lượng

kháng chiến của nhân dân Lào, Campuchia cũng như Đảng bộ Lào và Campuchia trong Đảng Cộng sản Đông Dương đã phát triển và trưởng thành ngày càng có lợi cho cách mạng.

Trước bối cảnh đó, việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Để đáp ứng yêu cầu bức thiết của cuộc kháng chiến. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đã được triệu tập tại xã Vinh Quang (nay là xã Kim Bình), huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951. Dự đại hội có 158 đại biểu chính thức và 33 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho hơn 73 vạn đảng viên.

Đại hội đã nghiên cứu và thảo luận *Báo cáo chính trị* do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày và báo cáo *Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội* do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày.

Báo cáo chính trị đã khái quát những chuyển biến của tình hình thế giới và trong nước những năm nửa đầu thế kỷ XX, dự đoán những triển vọng tốt đẹp của nửa thế kỷ sau. Đồng thời khẳng định những thắng lợi to lớn của quân và dân ta, kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng và rút ra những bài học kinh nghiệm của các thời kỳ vận động cách mạng của Đảng. Từ đó, Báo cáo nêu lên nhiệm vụ chính trong những nhiệm vụ mới của

cách mạng Việt Nam là đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và tổ chức *Đảng Lao động Việt Nam*.

Trong đó nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng lúc này là đưa kháng chiến đến thắng lợi, các nhiệm vụ khác đều phải phụ thuộc vào đó.

Báo cáo chính trị khẳng định: Đảng Lao động Việt Nam là một Đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để. Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động cho nên nó là Đảng của dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, với sự cố gắng không ngừng của toàn thể đảng viên lại được toàn quân và toàn dân thương yêu, tin cậy, ủng hộ, chúng ta sẽ làm trọn nhiệm vụ nặng nề mà vẻ vang của dân tộc.

Báo cáo ***Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội*** là ***Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam***.

Sau khi phân tích tình hình thế giới cũng như xác định rõ tính chất, mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam. Báo cáo khẳng định: Cách mạng Việt Nam là "cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân"¹. Cuộc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội 2001, t.12, tr 134.

cách mạng này nhất định sẽ đưa Việt Nam tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Đối tượng của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc và thế lực phong kiến. Trong đó kẻ thù chính của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc xâm lược. Kẻ thù cụ thể trước mắt của cách mạng Việt Nam lúc này là đế quốc Pháp, kẻ thù nguy hiểm của cách mạng Việt Nam lúc này là đế quốc Mỹ, vì đế quốc Mỹ thúc đẩy và giúp đỡ thực dân Pháp đánh Việt Nam. Kẻ thù phụ của cách mạng Việt Nam nói chung là thế lực phong kiến, lúc này là phong kiến phản động và cụ thể là các hạng bù nhìn làm chó săn cho đế quốc.

Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là "đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân; gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội"¹. Hai nhiệm vụ này có quan hệ mật thiết với nhau. Nhiệm vụ chống phong kiến nhất định phải làm đồng thời với nhiệm vụ chống đế quốc, nhưng phải có kế hoạch, tiến hành từng bước để vừa bồi dưỡng và phát triển lực lượng cách mạng, vừa giữ vững được khối đại đoàn kết toàn dân để kháng chiến.

1. *Sdd*, t.12, tr.434.

Lực lượng cách mạng Việt Nam bao gồm giai cấp công nhân. nông dân. tiểu tư sản thành thị. tiểu tư sản trí thức. tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Trong đó. công. nông là nền tảng.

Động lực của cách mạng Việt Nam là nhân dân. chủ yếu là công. nông.

Lãnh đạo cách mạng Việt Nam là giai cấp công nhân. Nông dân là bạn đồng minh "lớn mạnh và chắc chắn" của giai cấp công nhân. Tiểu tư sản là bạn đồng minh có thể tin cậy. Giai cấp tư sản dân tộc là bạn đồng minh có điều kiện.

Báo cáo khẳng định cuộc cách mạng nhằm đánh đổ đế quốc và phong kiến do nhân dân làm động lực và giai cấp công nhân lãnh đạo là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua một thời gian dài gồm nhiều giai đoạn.

Để động viên, tập hợp sức mạnh toàn dân tộc quyết tâm giành thắng lợi. Báo cáo đã nêu rõ chính sách của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đó là: Đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược và bè lũ tay sai, làm cho cách mạng Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất;

Thi hành từng bước chính sách ruộng đất, xoá bỏ các hình thức bóc lột phong kiến và nửa phong kiến; Xây dựng, củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân về chính trị, kinh tế và văn hoá, chuẩn bị tiến lên giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa; Củng cố Mặt trận thống nhất chống đế quốc xâm lược; Xây dựng và phát triển quân đội nhân dân; Xây dựng chính sách dân tộc; Chính sách đối với ngoại kiều; Chính sách đối ngoại; Ra sức ủng hộ cách mạng Lào và Miên; Tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và độc lập dân tộc của nhân dân thế giới.

Báo cáo cũng dành một phần quan trọng để nói về công tác xây dựng Đảng, trong đó nhấn mạnh: Muốn xây dựng, củng cố và phát triển Đảng, phải làm tốt những việc như: Phát triển phê bình và tự phê bình, làm tốt công tác tư tưởng đi đôi với việc mở rộng dân chủ nội bộ, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng; Đề cao công tác lý luận trong Đảng; Coi trọng điều tra nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm, phải từ trong thực tiễn mà kiểm tra chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng; Xúc tiến công tác tổ chức, chú trọng cải tiến tổ chức Đảng, sửa đổi lề lối làm việc; Ra sức đào tạo cán bộ.

Báo cáo *Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội* là một văn kiện lịch sử có ý nghĩa quan trọng. Những nội dung mà

bản Báo cáo thông qua tại Đại hội là sự phát triển, bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng. Đường lối đó soi sáng cho bước đi cụ thể của cách mạng trong giai đoạn trước mắt và sau này.

Để hoàn thành trọng trách đối với dân tộc, Đại hội đã quyết nghị đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi mới là **Đảng Lao động Việt Nam**, thông qua *Chính cương, Tuyên ngôn và Điều lệ mới* của Đảng. Đồng thời, Đại hội quyết định các Đảng bộ ở Campuchia và Lào sẽ tổ chức ở mỗi nước một Đảng cách mạng riêng, phù hợp với đặc điểm của từng nước.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 19 ủy viên chính thức và 10 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ nhất đã bầu Bộ Chính trị gồm 7 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết, Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu là Chủ tịch Đảng, đồng chí Trường Chinh được bầu lại là Tổng Bí thư của Đảng.

Trong lịch sử đấu tranh anh dũng và vẻ vang của Đảng ta, Đại hội lần thứ II của Đảng là mốc quan trọng đánh dấu sự trưởng thành của Đảng về mọi mặt và sự đóng góp quý báu vào kho tàng lý luận cách mạng nước ta. Nắm vững và vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của

cách mạng Việt Nam. Đại hội đã tổng kết một bước quan trọng lý luận cách mạng Việt Nam, xác định đường lối cách mạng Việt Nam là tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đường lối đúng đắn mà Đại hội đề ra chính là sự bổ sung, phát triển Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng, đồng thời cũng là phương hướng cơ bản của cách mạng nước ta trong thời kỳ mới, là cơ sở để tập hợp đoàn kết và động viên toàn Đảng, toàn dân chiến đấu đưa sự nghiệp kháng chiến đến thắng lợi.

Câu hỏi 11: Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương khoá II (tháng 1-1959) và đường lối cách mạng miền Nam?

Trả lời:

Bối cảnh lịch sử:

- Sau Hiệp định Giơnevơ, ở miền Nam, Mỹ - Diệm thi hành chính sách tàn bạo, phátxít hoá, trắng trợn vi phạm Hiệp định Giơnevơ, tổ chức tổng tuyển cử riêng rẽ, khủng bố, đàn áp dã man phong trào yêu nước của nhân dân miền Nam.

- Qua nghiên cứu, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh của nhân dân miền Nam và bản *Đề cương cách mạng miền Nam* do đồng chí Lê Duẩn khởi thảo từ mùa thu năm 1956, tháng 1-1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương khoá II họp tại Hà Nội ra Nghị quyết về đường lối cách mạng miền Nam.

Nội dung cơ bản:

- Nghị quyết chỉ rõ hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam: *một là*, mâu thuẫn giữa một bên là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, giai cấp địa chủ phong kiến

và bọn tư sản mại bán quan liêu thống trị ở miền Nam và một bên là dân tộc Việt Nam, nhân dân cả nước Việt Nam, bao gồm nhân dân miền Bắc và nhân dân miền Nam; *hai là*, mâu thuẫn giữa con đường xã hội chủ nghĩa với con đường tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai mâu thuẫn này mang tính chất khác nhau, song có quan hệ biện chứng với nhau và tác động mạnh mẽ lẫn nhau.

- Từ sự phân tích mâu thuẫn trên, Nghị quyết chỉ ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh để giữ vững hoà bình; thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước; ra sức củng cố miền Bắc và đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

- Về cách mạng miền Nam, Nghị quyết phân tích tình hình xã hội miền Nam sau năm 1954 có hai mâu thuẫn cơ bản: *một là*, mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam với bọn đế quốc xâm lược, chủ yếu là đế quốc Mỹ; *hai là*, mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam, trước hết là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến. Trong đó, mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Mỹ xâm lược và

tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm là mâu thuẫn chủ yếu trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

+ Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị đế quốc và phong kiến, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

+ Nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ; thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền Nam; thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân, giữ vững hoà bình; thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và trên thế giới.

+ Con đường phát triển cơ bản của cách mạng ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đó là con đường lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thiết lập chính quyền cách mạng của nhân dân.

+ Về khả năng phát triển của tình hình, Nghị quyết dự báo: đế quốc Mỹ là tên đế quốc hiếu chiến nhất,

cho nên trong bất kỳ điều kiện nào, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc khởi nghĩa vũ trang trường kỳ và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta.

+ Về lực lượng cách mạng. Nghị quyết xác định: lực lượng cách mạng là giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc, lấy liên minh công nông làm cơ sở. Nghị quyết chủ trương thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất riêng ở miền Nam, có cương lĩnh phù hợp với tính chất, nhiệm vụ và thành phần nhằm tập hợp rộng rãi tất cả các lực lượng chống đế quốc và tay sai.

+ Về vai trò của Đảng bộ miền Nam. Nghị quyết khẳng định: sự tồn tại và trưởng thành của Đảng bộ miền Nam dưới chế độ độc tài phátxít là một yếu tố quyết định thắng lợi của phong trào cách mạng miền Nam. Vấn đề mấu chốt là phải củng cố, xây dựng Đảng bộ miền Nam vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Trong hoàn cảnh mới, Đảng bộ phải hết sức đề cao công tác bí mật, triệt để lợi dụng khả năng hợp pháp để gìn giữ lực lượng của Đảng... Đề bào vệ cơ quan đầu não và che giấu cán bộ, cần xây dựng ở các địa phương những cơ sở an toàn và khu an toàn.

Ý nghĩa:

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương khoá II (tháng 1-1959) có tầm quan trọng

dặc biệt trong sự phát triển của cách mạng miền Nam. Nó phản ánh đúng và giải quyết kịp thời yêu cầu của cách mạng miền Nam trong việc khẳng định phương pháp đấu tranh dùng bạo lực cách mạng để tự giải phóng mình là đúng đắn, phù hợp với tình thế cách mạng đã chín muồi, khi địch đã dùng bạo lực phản cách mạng thẳng tay giết hại cán bộ và nhân dân ta.

- Nghị quyết đánh dấu bước trưởng thành của Đảng, thể hiện sâu sắc tinh thần độc lập tự chủ, năng động sáng tạo trong đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch, trong vận dụng lý luận Mác - Lênin vào cách mạng miền Nam.

- Nghị quyết 15 đã mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, đã xoay chuyển tình thế, dẫn đến cuộc "Đồng khởi" oanh liệt của toàn miền Nam năm 1960, làm tan rã hàng loạt bộ máy kìm kẹp của chính quyền địch ở thôn xã, từng bước giành quyền làm chủ, tạo tiền đề cho những bước phát triển tiếp theo của cách mạng miền Nam. Có thể nói, Nghị quyết 15 là tiền đề quan trọng dẫn đến thắng lợi hoàn toàn của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Câu hỏi 12: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9-1960)?

Trả lời:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp trong hoàn cảnh lịch sử đất nước và thế giới có những đặc điểm nổi bật sau đây:

Đến cuối năm 1960, sự nghiệp cách mạng ở hai miền nước ta có những bước tiến quan trọng. Ở miền Bắc, công cuộc khôi phục kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa với các thành phần kinh tế đã đạt được những thành tựu quan trọng.

Ở miền Nam, cuộc đấu tranh chống Mỹ - Diệm đã giành được thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trong phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960), làm lung lay chế độ ngụy quyền Sài Gòn. Phong trào cũng đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công.

Trong thời điểm này, tình hình thế giới cũng có nhiều thay đổi, vừa là thuận lợi, vừa là thách thức cho cách mạng Việt Nam. Sự phát triển của hệ thống xã hội

chủ nghĩa, nhất là của Liên Xô và Trung Quốc đã có nhiều ảnh hưởng tích cực đến cách mạng Việt Nam. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước châu Á, châu Phi và Mỹ latin hình phát triển mạnh mẽ. Đó là thuận lợi cơ bản cho cách mạng Việt Nam ở cả hai miền. Tuy nhiên, sự mâu thuẫn trong phong trào cộng sản mà tâm điểm là quan hệ Liên Xô - Trung Quốc đã ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và cũng ảnh hưởng đến cách mạng Việt Nam.

Sự phát triển của cách mạng hai miền Bắc - Nam đòi hỏi Đảng phải nhanh chóng hoạch định đường lối cách mạng cho cả nước, thống nhất ý chí và hành động, định hướng tư tưởng và hoạt động thực tiễn cho cách mạng của hai miền. Mặt khác, đã gần 10 năm kể từ khi diễn ra Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951), cách mạng Việt Nam đã có nhiều thay đổi, thế và lực của đất nước đã phát triển, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra cho cả dân tộc ta trên con đường cách mạng giải phóng dân tộc để đi lên chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, cùng với sự thách thức của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở một nước nghèo nàn, lạc hậu, Đảng và dân tộc Việt Nam đã và đang đối mặt với nhiều vấn đề thực tiễn phức tạp đặt ra yêu cầu cấp thiết Đảng phải sớm khẳng định những nhiệm vụ cụ thể cho sự nghiệp cách mạng ở hai miền đất nước.

Lần đầu tiên sau 30 năm hoạt động trong điều kiện bí mật và chiến tranh, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 5-9-1960 đến ngày 10-9-1960. Tham dự Đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết thay mặt cho hơn 50 vạn đảng viên trong cả nước. Đến tham dự Đại hội còn có đại biểu các đoàn thể và các đảng phái dân chủ trong nước và đại biểu của 16 đoàn quốc tế.

Nội dung chủ yếu của Đại hội:

Trong diễn văn khai mạc Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: *"Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà"*¹.

Đại hội đã nghe Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Lê Duẩn trình bày, thảo luận và thông qua Nghị quyết Về nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới, thông qua Nhiệm vụ và phương hướng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết do Đại hội thông qua Về nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới gồm những vấn đề lớn sau:

1 Sđđ, t 21 tr.486.

- Về đường lối cách mạng chung trong cả nước:

Căn cứ vào tình hình và đặc điểm nước ta. Đại hội đã xác định cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn mới cùng lúc thực hiện hai chiến lược cách mạng khác nhau: chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Hai chiến lược đó có mối quan hệ mật thiết với nhau và có tác dụng thúc đẩy lẫn nhau. Mỗi chiến lược cách mạng ở mỗi miền của đất nước có vị trí và trách nhiệm riêng trong mục tiêu chung là hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Miền Bắc sau khi hoàn toàn giải phóng đã trở thành căn cứ địa cách mạng chung của cả nước. Tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Bắc được tăng cường về mọi mặt, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam, bảo đảm sự phát triển của cách mạng trong cả nước. Vì vậy, "*cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc rõ ràng là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng nước ta, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà của nhân dân ta*"¹.

Trong sự nghiệp hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện thống nhất nước nhà, cách mạng miền Nam "*có tác dụng quyết định*

1. *Sđd*, t.21, tr.510.

trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai"¹.

Trong khi giải quyết yêu cầu cụ thể của mỗi miền, cả hai chiến lược cách mạng ở hai miền đều nhằm giải quyết mâu thuẫn chung của cả nước là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng. thực hiện mục tiêu chung trước mắt là hoà bình thống nhất Tổ quốc.

Từ những nhiệm vụ trên đây. Đại hội vạch ra nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới là: *"Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới"².*

- Về đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà:

Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và

1, 2. *Sđđ*, t 21, tr.511, 512.

phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày cu ruộng, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hoa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Đại hội đề ra "*Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng ở miền Nam là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới*"¹

Cuộc đấu tranh cách mạng nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước. Đó là quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam.

- Về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc:

Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là vấn đề trung tâm thảo luận tại Đại hội. Xuất phát từ các đặc điểm của miền Bắc, trong đó, đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn

1. *Sđd*, t.21, tr.524.

phát triển tư bản chủ nghĩa. Đại hội xác định: cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt, là một quá trình đấu tranh gay go giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng - văn hóa và kỹ thuật.

Về đường lối chung của miền Bắc trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Báo cáo chính trị khẳng định: *"Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no hạnh phúc ở miền Bắc và cùng có miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới"*¹.

Để thực hiện xây dựng chiến lược này. Nghị quyết Đại hội đã xác định: Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội là hai mặt của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cải tạo xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ cơ bản, trong đó, cải tạo nông nghiệp là khâu chính của toàn bộ công cuộc cải tạo nhằm tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm

1. *Sđd*, t.21, tr.558 - 559

trong suốt thời kỳ quá độ, nhằm xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội: "*Thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta là xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cân đối và hiện đại, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp và lấy công nghiệp nặng làm nền tảng, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, nhằm biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước có công nghiệp hiện đại và nông nghiệp hiện đại*"¹.

Cùng với việc phát triển kinh tế, Nghị quyết Đại hội còn đề cập đến việc phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học - kỹ thuật; xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân; tăng cường đoàn kết quốc tế; vấn đề Đảng và công tác tổ chức cán bộ của Đảng.

Căn cứ vào đường lối chung trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Đại hội đã thảo luận và thông qua nhiệm vụ và phương hướng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhằm mục tiêu: "*phấn đấu để thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, làm cho kinh tế miền Bắc nước ta thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa*"².

1. 2. *Sđđ*, t.21, tr.545-546, 566.

Để đạt được mục tiêu trên, Đại hội đề ra năm nhiệm vụ:

- Ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, thực hiện một bước việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện.

- Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa tư doanh.

- Nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng kinh tế và công nhân lành nghề, xúc tiến công tác khoa học và kỹ thuật.

- Cải thiện thêm một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

- Đi đôi với kết hợp phát triển kinh tế, cần ra sức củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự an ninh, bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đại hội xác định rằng, sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm mọi thắng lợi của cách mạng, cho nên Đảng cần phải tăng cường sự lãnh đạo đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đối với cuộc đấu tranh nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc. Muốn thế, "phải nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, cụ thể là phải tăng cường tính chất

giai cấp và tính chất tiên phong của Đảng, phải củng cố sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng"¹.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương khóa III gồm có 47 ủy viên chính thức và 31 ủy viên dự khuyết. Bộ Chính trị gồm 11 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Bí thư gồm có 7 đồng chí. Đồng chí Hồ Chí Minh được bầu lại làm Chủ tịch Đảng. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đánh dấu một bước phát triển mới của cách mạng nước ta do Đảng lãnh đạo. Đại hội đã đề ra được đường lối tiến lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và con đường giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nghị quyết của Đại hội là nguồn ánh sáng mới, là cơ sở để toàn Đảng và toàn dân ta đoàn kết chặt chẽ thành một khối, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và hoàn thành sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà.

1. *Sđd*, t.21, tr.636.

Câu hỏi 13: Chủ trương của Đảng về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tại Hội nghị Trung ương 11 (tháng 3-1965) và Hội nghị Trung ương 12 (tháng 12-1965)?

Trả lời:

Từ năm 1964 đến đầu năm 1965, cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào, chiến sĩ ở miền Nam phát triển nhanh chóng, thu được những thắng lợi ngày càng to lớn, khiến cho chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ bị thất bại nghiêm trọng. Trước tình hình ấy, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược "chiến tranh cục bộ", tìm mọi cách để giữ vững những vị trí chiến lược và lực lượng. Chúng từng bước tăng cường lực lượng chiến đấu của quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam để quyết giữ một số vùng chiến lược quan trọng, đồng thời, mở rộng hoạt động không quân và hải quân, ném bom, bắn phá miền Bắc để gây áp lực hòng làm giảm sức tiến công của ta ở miền Nam.

Trước yêu cầu mới của cách mạng, trong năm 1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 11 (tháng 3-1965), ra Nghị quyết *Về tình hình và*

nhiệm vụ cấp bách trước mắt và Hội nghị lần thứ 12 (tháng 12-1965) với Nghị quyết *Về tình hình và nhiệm vụ mới*.

Chủ trương của Đảng thể hiện ở nội dung cơ bản của hai Nghị quyết:

+ Trên cơ sở phân tích tình hình chiến trường khi Mỹ đưa quân đội viễn chinh và quân đội của các nước phụ thuộc Mỹ trực tiếp tham chiến trên chiến trường miền Nam, Đảng ta nhận định: tính chất cơ bản của cuộc chiến tranh của Mỹ ở miền Nam vẫn là chiến tranh xâm lược thực dân mới. Mỹ tuy có tăng về lực lượng quân sự nhưng lại có nhiều chỗ yếu cơ bản, nhất là về chính trị.

+ Về phía ta, từ một nửa nước có chiến tranh thành cả nước có chiến tranh với mức độ và hình thức khác nhau. Cuộc chiến đấu gay go, quyết liệt hơn nhưng ta đã vững mạnh hơn hẳn trước, đã có sự chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức. Từ đó, Đảng đưa ra kết luận:

Một là, so sánh lực lượng giữa ta và địch căn bản không thay đổi. Vì thế, ta vẫn giữ vững và phát huy chiến lược tiến công.

Hai là, ta tiếp tục tiến công và phản công, kết hợp đấu tranh quân sự và chính trị nhưng đấu tranh quân sự ngày càng có tác dụng quyết định trực tiếp.

Ba là, ta chủ trương đẩy mạnh hơn nữa hoạt động đối ngoại và đấu tranh ngoại giao, tăng cường tiếp xúc

cả công khai và bí mật với nhiều nước trên thế giới. làm rõ chính nghĩa và thiện chí của ta, góp phần hình thành trên thực tế một mặt trận nhân dân chống Mỹ.

+ Hai Hội nghị Trung ương đã khẳng định quyết tâm đánh Mỹ và *kiên quyết đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam.*

+ Nêu rõ nhiệm vụ cấp bách ở miền Bắc lúc này là phải: "Kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới"¹. Đồng thời, Ban Chấp hành Trung ương cũng nêu ra những nhiệm vụ cụ thể của cách mạng miền Bắc là: Kịp thời *chuyển hướng nền kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng* cho kịp với sự phát triển của tình hình; *ra sức tăng cường công tác phòng thủ; trị an, bảo vệ miền Bắc*, kiên quyết đánh bại kế hoạch địch ném bom, bắn phá, phong toả miền Bắc bằng không quân và hải quân; *ra sức chi viện cho miền Nam* để hạn chế địch chuyển "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam thành "chiến tranh cục bộ" và ngăn chặn địch mở rộng "chiến tranh cục bộ" ra miền Bắc; kịp thời *chuyển hướng tư tưởng và tổ chức* cho phù hợp với tình hình mới; *đẩy mạnh công tác đấu tranh ngoại giao* nhằm

1. *Sđđ*, t.26, tr.110.

tranh thủ sự ủng hộ của bè bạn quốc tế, vạch rõ âm mưu mới của đế quốc Mỹ đối với cách mạng miền Nam và miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

+ Phương châm chiến lược chung trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là: *Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh, cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng cách mạng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.*

+ Phương châm đấu tranh là: *kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện ba mũi giáp công (quân sự, chính trị và binh vận), trong đó đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.*

+ Tư tưởng chỉ đạo chiến lược là *giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công.*

+ Đảng ta tiếp tục khẳng định vị trí cách mạng của hai miền Nam - Bắc và mối quan hệ giữa hai miền: miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Hai nhiệm vụ đó không tách rời nhau, mà gắn bó mật thiết với nhau, thực hiện khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước là "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược".

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 và lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương là những văn kiện lịch sử quan trọng đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta, có ý nghĩa quyết định trong giai đoạn phát triển cao của cuộc chiến tranh.

+ Hội nghị lần thứ 11 đã chủ trương tiếp tục xây dựng miền Bắc thành một hậu phương lớn với định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện có chiến tranh. Đó là một chủ trương thích hợp, bảo đảm nuôi Bắc tiếp tục làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11, cách mạng miền Bắc đã có bước chuyển hướng kịp thời về kinh tế, quốc phòng, tư tưởng và tổ chức để tiến lên giành thắng lợi mới trong những giai đoạn tiếp theo của cách mạng.

+ Hội nghị lần thứ 12 đã phân tích một cách khoa học so sánh lực lượng giữa ta và địch, khẳng định thất bại tất yếu của đế quốc Mỹ, vạch rõ nhiệm vụ cụ thể cho cách mạng hai miền, động viên quân đội và nhân dân cả nước giữ vững chiến lược tiến công, nêu cao ý chí tự lực tự cường và ra sức tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của bè bạn quốc tế, tiến lên đánh thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ xâm lược.

Câu hỏi 14: Đường lối của Đảng trong lãnh đạo cách mạng miền Nam và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)?

Trả lời:

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết (tháng 7-1954), cách mạng Việt Nam có những thuận lợi mới nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Yêu cầu bức thiết đặt ra cho Đảng ta là phải hoạch định được đường lối cách mạng đúng đắn, vừa phù hợp với tình hình trong nước, vừa phù hợp xu thế của thời đại.

1. Đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam (1954 - 1964)

Vào giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 7-1954) đã xác định: đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và hiện đang trở thành kẻ thù chính trực tiếp của nhân dân Đông Dương. Như vậy, Đảng ta đã sớm xác định được kẻ thù của cách mạng Việt Nam. Tiếp đó, tháng 9-1954,

Bộ Chính trị ra Nghị quyết về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng. Nghị quyết đã chỉ ra những đặc điểm chủ yếu của tình hình trong lúc cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn mới là: từ chiến tranh chuyển sang hoà bình; nước nhà tạm chia làm hai miền; từ nông thôn chuyển vào thành thị; từ phân tán chuyển đến tập trung.

Tại Hội nghị lần thứ bảy (tháng 3-1955) và lần thứ tám (tháng 8-1955) Trung ương Đảng nhận định: muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Đặc biệt, tháng 12-1957, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 13, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: ta đang đồng thời tiến hành hai chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ củng cố miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội có tính chất quyết định cho toàn bộ thắng lợi cách mạng trong giai đoạn mới. Lực lượng cách mạng ở miền Nam được duy trì và phát triển là nhân tố trực tiếp quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh cách mạng của miền Nam.

Từ năm 1954 đến năm 1959, Mỹ - Diệm trắng trợn vi phạm Hiệp định Giơnevơ, tiến hành tổng

tuyên cứ riêng rẽ, khủng bố, đàn áp dã man phong trào yêu nước của nhân dân miền Nam. Tình hình đó đặt cách mạng miền Nam vào tình trạng hết sức cấp bách. Chính vì vậy, tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương đã triệu tập Hội nghị lần thứ 15 khoá II. Hội nghị họp nhiều đợt, ra Nghị quyết về nhiệm vụ cách mạng ở miền Nam. Những nội dung cơ bản của Nghị quyết gồm:

- Hội nghị xác định cách mạng Việt Nam lúc này có hai *nhiệm vụ chiến lược*: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Hai nhiệm vụ chiến lược đó tuy có tính chất khác nhau, nhưng có quan hệ hữu cơ với nhau, song song tiến hành.

- Nghị quyết chỉ rõ *nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam* là: "*giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập và giàu mạnh*"¹.

- *Phương hướng phát triển của cách mạng miền Nam*: "ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác"², cho nên con đường

1, 2. *Sđđ*, t 20, tr.81, 82.

phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là "khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân... đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"¹.

- Hội nghị dự kiến: "cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trong tình hình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới: đó là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch, và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta"².

- Nghị quyết chỉ rõ ở miền Nam cần có Mặt trận dân tộc thống nhất riêng cho phù hợp với tính chất và nhiệm vụ của cách mạng.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 có ý nghĩa lịch sử to lớn, không những đã mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, mà còn thể hiện rõ bản lĩnh độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng ta trong những năm tháng khó khăn của cách mạng. Có thể nói, đến Hội nghị 15, đường lối cách mạng ở miền Nam đã được hoạch định một cách căn bản. Sau đó, đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (từ ngày 5 đến

1. 2. *Sđđ*, tr.82, 85.

ngày 10-9-1960), Đảng ta đã khẳng định những nội dung căn bản đó. Đại hội đã bổ sung và hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam. Trong đó, Đại hội đã vạch ra nhiệm vụ chung, nhiệm vụ chiến lược, mục tiêu chiến lược của cách mạng, đồng thời nêu bật mối quan hệ giữa hai chiến lược cách mạng ở hai miền.

2. Đường lối của Đảng về kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965 - 1975)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta ở miền Nam đã tập trung sức lực làm thất bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ. Chiến thắng Ấp Bắc (Cai Lậy - Mỹ Tho) đầu tháng 1-1963 mở đầu cao trào diệt quân nguy. Chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa) từ ngày 1-12-1964 đến ngày 3-1-1965, chiến thắng An Lão (Bình Định), chiến thắng Ba Gia (Quảng Ngãi) ngày 25-5-1965, chiến thắng Đồng Xoài từ ngày 11-5 đến ngày 22-7-1965 đã làm thất bại hoàn toàn chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ.

Sau thất bại trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt" năm 1965, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân đội viễn chinh Mỹ và quân đội của các nước phụ thuộc Mỹ vào miền Nam Việt Nam nhằm tiến hành chiến lược "chiến tranh cục bộ", đồng thời phát động chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc.

Trước tình hình đó, trong năm 1965, Trung ương Đảng đã tiến hành hai Hội nghị: Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (tháng 3-1965), và Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (tháng 12-1965).

Hai Hội nghị đã phân tích toàn diện, sâu sắc chiến lược mới của Mỹ:

+ Tính chất cơ bản của cuộc chiến tranh của Mỹ ở miền Nam vẫn là chiến tranh xâm lược thực dân mới. Mỹ tuy có tăng về lực lượng quân sự nhưng lại có nhiều chỗ yếu cơ bản, nhất là về chính trị.

+ Về phía ta, từ một nửa nước có chiến tranh thành cả nước có chiến tranh với mức độ và hình thức khác nhau. Cuộc chiến đấu gay go, quyết liệt hơn nhưng ta đã vững mạnh hơn hẳn trước, đã có sự chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức.

Từ đó, Đảng rút ra kết luận:

Một là, so sánh lực lượng giữa ta và địch căn bản không thay đổi. Vì thế, ta vẫn giữ vững và phát huy chiến lược tiến công.

Hai là, tiếp tục tiến công và phản công, kết hợp đấu tranh quân sự và chính trị nhưng đấu tranh quân sự ngày càng có tác dụng quyết định trực tiếp.

Ba là, chủ trương đẩy mạnh hơn nữa hoạt động đối ngoại và đấu tranh ngoại giao, tăng cường tiếp xúc cả công khai và bí mật với nhiều nước trên thế giới, làm rõ chính nghĩa và thiện chí của ta.

Hội nghị Trung ương lần thứ 11 và 12 là sự phát triển rất quan trọng của đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong tình thế phải trực tiếp đánh đội quân viễn chinh xâm lược Mỹ. Ở đây, ngoài quyết tâm đánh Mỹ thể hiện bản lĩnh vững vàng của Đảng, còn thể hiện sự phát triển kinh nghiệm khoa học, nghệ thuật lãnh đạo chiến tranh cách mạng của Đảng được kế thừa từ các thời kỳ trước.

Với đường lối đúng đắn của Đảng, quân và dân ta trên cả nước đã kết thành một khối. Ở miền Nam, đã giành thắng lợi to lớn trong mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967 và cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 đã làm thất bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ, buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán ở Pari từ ngày 13-5-1968 và từ ngày 1-11-1968 Mỹ buộc phải chấm dứt ném bom miền Bắc.

Sang năm 1969, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" với âm mưu cực kỳ tàn bạo và thâm độc. Trong những năm 1969, 1970, cách mạng miền Nam gặp nhiều khó khăn và tổn thất. Nhưng ý chí và quyết tâm chiến thắng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân không hề suy giảm. Tháng 2-1971, địch mở cuộc hành quân "Lam Sơn 719". Quân ta thắng lớn trong Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào. Chiến thắng này chứng minh quân nguy Sài Gòn không thể đương đầu được với quân giải phóng, nhất là lực lượng

quân chủ lực của miền Bắc. Cuộc tiến công Xuân - Hè 1972 trên toàn chiến trường miền Nam thể hiện ý chí và sức mạnh của quân và dân ta. Để đổi phỏ. Mỹ buộc phải "Mỹ hoá" trở lại cuộc chiến tranh bằng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai đối với miền Bắc bắt đầu từ ngày 6-4-1972 và đỉnh cao nhất là cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972. Thất bại trong trận "Điện Biên Phủ trên không" ở Hà Nội, Hải Phòng. Mỹ phải trở lại Hội nghị đàm phán và ký kết Hiệp định Paris (27-1-1973) chấm dứt sự có mặt của quân viễn chinh Mỹ ở Việt Nam.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, quân Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam (29-3-1973) nhưng đế quốc Mỹ vẫn ra sức viện trợ cho chính quyền Sài Gòn, tiếp tục thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh". Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu được Mỹ trợ giúp đã lấn chiếm, ngoan cố tiến hành chiến tranh, vi phạm những điều khoản của Hiệp định Paris. Tình hình đó cho thấy con đường phát triển của cách mạng ở miền Nam vẫn phải là tiến hành chiến tranh cách mạng đánh bại nguy quân, nguy quyền để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Để thúc đẩy sự phát triển của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương khoá III có tầm quan trọng đặc biệt.

Hội nghị đợt I từ ngày 19-6 đến ngày 6-7-1973 và đợt II từ ngày 1-10 đến ngày 4-10-1973 với những nội dung chủ yếu sau:

- Hội nghị đã tổng kết 18 năm chiến đấu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và đề ra nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Đó là sự tổng kết có giá trị sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn, làm cơ sở cho những quyết sách trong giai đoạn mới.

- Hội nghị nhận định đế quốc Mỹ vẫn thực hiện "học thuyết Níchxơn", áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta, từ đó khẳng định dù tình hình phát triển như thế nào, con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực. Vì vậy, phải nắm vững thời cơ, giữ vững thế chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng tiến lên.

- Hội nghị Trung ương lần thứ 21 cũng dự kiến hai khả năng phát triển của cách mạng miền Nam, tuy nhiên Trung ương Đảng cũng cho rằng: Dù tình hình phát triển theo khả năng nào, con đường tiến lên giành thắng lợi của cách mạng miền Nam chỉ có thể là con đường bạo lực diễn ra dưới hình thức này hay hình thức khác. Ta phải sẵn sàng đối phó chắc thắng với khả năng xấu nhất là địch gây lại chiến tranh. Đồng thời, Nghị quyết Trung ương lần thứ 21 cũng đề ra những biện pháp cơ bản để thúc đẩy cách mạng miền Nam phát triển và bảo đảm cho thắng lợi hoàn toàn.

Từ Nghị quyết Trung ương 15 (1959) đến Nghị quyết Trung ương 21 (1973) là sự phát triển đường lối cách mạng của Đảng ở miền Nam và cho thấy quy luật phát triển tất yếu của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực, là chiến tranh cách mạng. Đường lối đó được hoạch định và phát triển trên cơ sở tư duy biện chứng từ thực tiễn của cuộc chiến tranh cách mạng trong thế kỷ XX chống chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ.

Với một đường lối cách mạng đúng đắn, chủ động, sáng tạo, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng miền Nam đã từng bước chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế liên tục tiến công địch và giành được nhiều thắng lợi to lớn. Trải qua quá trình đấu tranh chống lại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, từ việc làm thất bại hình thức điển hình của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam (1954 - 1960), đến làm phá sản chiến lược "chiến tranh đặc biệt" (1961 - 1965), chiến lược "chiến tranh cục bộ" (1965 - 1968) và chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" (1969 - 1975) của đế quốc Mỹ, buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari (27-1-1973), công nhận những quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam. Cách mạng miền Nam đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác mà đỉnh cao là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 bắt đầu bằng chiến dịch Tây Nguyên đánh vào Buôn Ma Thuột lúc 1 giờ 35 phút ngày 10-3-1975. Trước tình hình thắng lớn ở Tây Nguyên, cuộc họp Bộ Chính trị ngày 18-3-1975 đã quyết định: giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Phối hợp với chiến trường Tây Nguyên, ngày 21-3-1975, chiến dịch Huế - Đà Nẵng đã bắt đầu. Ngày 26-3, ta giải phóng Huế, ngày 29-3, giải phóng Đà Nẵng. Trên đà thắng lợi của mặt trận Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, ngày 25-3-1975, Bộ Chính trị họp và chủ trương: tập trung nhanh nhất lực lượng binh khí kỹ thuật và vật chất, giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa.

Sau khi làm tan rã quân đoàn I và II, giải phóng hoàn toàn quân khu I và II, ngày 1-4-1975, Bộ Chính trị quyết định: giải phóng miền Nam trong tháng 4-1975.

Sau khi tạo thế và lực, ngày 26-4-1975, Chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định bắt đầu. Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ cách mạng đã tung bay trên nóc Phủ Tổng thống nguy (Dinh Độc lập). Toàn bộ lực lượng quân sự và bộ máy chính quyền địch ở quân khu III, quân đoàn III bị tiêu diệt. Ngày 2-5-1975, cuộc chiến đấu để giải phóng các vùng đất còn lại và các đảo ngoài biển đều thắng lợi.

chế độ nguy quyền sụp đổ hoàn toàn. Sau 117 năm bị đô hộ, đất nước Việt Nam sạch bóng quân xâm lược, Nam Bắc liền một dải.

Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Thắng lợi đó đã kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị kéo dài hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân, đế quốc trên đất nước ta, hoàn thành về cơ bản cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước, bảo vệ và phát triển những thành tựu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, hoàn thành thống nhất đất nước. Thắng lợi đó đã mở ra một thời kỳ mới cho dân tộc Việt Nam: đất nước độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội, chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần làm tăng thêm sức mạnh và thế tiến công cách mạng trên thế giới, động viên, cổ vũ hàng trăm triệu người đang đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976) đã nhận định: "Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp

kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc"¹.

1. *Sđđ*, t.37, tr.471

Câu hỏi 15: Nội dung và ý nghĩa của Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 khoá III (tháng 7-1973)?

Trả lời:

Hiệp định Pari được ký kết ngày 27-1-1973 mở ra thuận lợi mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. quân và dân ta đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử "đánh cho Mỹ cút", tạo điều kiện cơ bản để "đánh cho ngụy nhào".

Thực hiện Hiệp định Pari, mặc dù phải rút hết quân Mỹ và quân các nước đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam (29-3-1973), nhưng Mỹ vẫn tiếp tục tăng cường tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh vào miền Nam. Ngụy quyền Sài Gòn gấp rút xây dựng thêm lực lượng ngụy quân, kể cả không quân và hải quân, để có đủ sức thay quân viễn chinh Mỹ, cố giành lại quyền chủ động trên chiến trường, biến miền Nam thành một "quốc gia" thân Mỹ mà thực chất là thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Mục tiêu trước mắt là mở rộng vùng chiếm đóng và bình định vùng chúng đang kiểm soát, tiêu diệt một bộ phận lực lượng cách mạng.

đẩy lực lượng cách mạng ra sát biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia.

Trong những tháng đầu năm 1973, do chậm phát hiện âm mưu và chính sách gây chiến của địch, một bộ phận cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta còn đặt hy vọng vào khả năng thi hành Hiệp định Pari, do đó không phát huy được khí thế chiến thắng của cách mạng sau khi Mỹ rút quân. Trong thời gian này, địch đã lần chiếm hầu hết vùng mới giải phóng và một số vùng giải phóng cũ, kiểm soát hơn 1 triệu dân.

Trước tình hình đó, ngày 24-5-1973 Bộ Chính trị họp hội nghị mở rộng với đại biểu của các chiến trường để nghiên cứu, thảo luận, phân tích âm mưu, hành động Mỹ - ngụy, đánh giá thực trạng của miền Nam sau Hiệp định Pari, đánh giá lực lượng giữa ta và địch, dự kiến khả năng phát triển tình hình cũng như nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam. Tiếp sau Hội nghị Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 21 (Hội nghị được tiến hành trong hai đợt: đợt I từ ngày 19-6 đến ngày 6-7-1973 và đợt II từ ngày 1-10 đến ngày 4-10-1973). Hội nghị đã ra Nghị quyết *Về việc triệu tập Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV* và Nghị quyết *Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam Việt Nam trong giai đoạn mới*.

Nội dung cơ bản của Nghị quyết *Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam Việt Nam trong giai đoạn mới*:

Nghị quyết đã phân tích thắng lợi của 18 năm tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta từ năm 1954 đến khi quân đội Mỹ và chư hầu rút khỏi Việt Nam sau Hiệp định Paris. Nghị quyết khẳng định: "cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta trở thành *cuộc đọ sức điển hình, thành tiêu điểm của cuộc đấu tranh vô cùng quyết liệt giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới, là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc mang tính chất thời đại rất sâu sắc*". Nghị quyết đã rút ra những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi, trong đó: "Nhân tố quyết định thắng lợi của chúng ta là *luôn luôn giữ vững, củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng*"². Đồng thời Nghị quyết đã bước đầu tổng kết những bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đó là: Giữ vững tư tưởng chiến lược tiến công; nắm vững quan điểm cách mạng bạo lực; gương cao ngạo cờ dân tộc dân chủ và ngọn cờ xã hội chủ nghĩa; biết thắng từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn; có phương pháp cách mạng thích hợp.

1, 2. *Sđđ*, t.34, tr 213, 223

Về tình hình miền Nam sau Hiệp định Pari. Nghị quyết chỉ rõ: mặc dù Mỹ đã rút quân nhưng ở miền Nam vẫn chưa có ngừng bắn, hoà bình chưa thật sự được lập lại: nguy quyền Sài Gòn được Mỹ giúp đỡ tiếp tục làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. "*Chính sách cơ bản của đế quốc Mỹ ở Việt Nam vẫn là thực hiện "học thuyết Nixon", áp đặt chủ nghĩa thực dân mới kiểu Mỹ ở miền Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta"*¹.

Về phía ta, "Thế và lực của cách mạng miền Nam hiện nay mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào từ năm 1954 đến nay"². Lực lượng vũ trang nhân dân ở miền Nam là lực lượng chiến thắng đang đứng vững trên các địa bàn chiến lược. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam có uy tín cao ở trong nước và trên thế giới. Hơn nữa, cách mạng miền Nam có chỗ dựa vững chắc là khối liên minh công nông, có khả năng thực hiện công nông binh liên hiệp...

Nghị quyết chỉ ra những khuyết điểm trong việc đối phó với những âm mưu và hành động phá hoại của địch, đặc biệt là phê phán thái độ lừng chừng, khiến địch thừa cơ lấn tới, chiếm thêm đất, kim kẹp thêm dân ở một số vùng. Đồng thời nhận định tình hình miền Nam có thể phát triển theo hai khả năng: *một là*, do ta

1. 2. *Sđđ*, t.34, tr.227, 229.

tích cực đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao buộc địch từng bước thực hiện Hiệp định Pari: *hai là*, do địch ngoan cố gây chiến, ta lại phải tiến hành chiến tranh cách mạng gay go, quyết liệt để đánh bại địch, giành thắng lợi hoàn toàn.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 nhấn mạnh: chúng ta hết sức tranh thủ khả năng thứ nhất và chuẩn bị sẵn sàng cho khả năng thứ hai. Song, dù phát triển theo khả năng nào, "Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên"¹.

Hội nghị xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là: "tiếp tục thực hiện chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân... thực hiện một miền Nam Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, trung lập, phồn vinh, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà"².

Nghị quyết chỉ rõ: "*Kẻ thù chính* của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là đế quốc Mỹ và tập đoàn thống trị tư sản mại bản, quan liêu, quân phiệt, phátxít, tay sai đắc lực của đế quốc Mỹ, đại biểu quyền lợi cho giai cấp tư sản mại bản và bọn địa chủ phong kiến

1, 2. *Sđd*, t.34, tr.232, 233.

thân Mỹ phản động nhất. *Để quốc Mỹ là kẻ chủ mưu và là chỗ dựa của bọn tay sai đang thống trị trong vùng chưa giải phóng ở miền Nam*"¹. Từ đó, Hội nghị vạch rõ nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là: "Đoàn kết toàn dân, *đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao* một cách hết sức chủ động, linh hoạt, tùy theo từng lúc, từng nơi mà kết hợp giữa các mặt trận đó cho thích hợp, để *buộc địch phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Pari về Việt Nam, không ngừng giữ vững và phát triển lực lượng của cách mạng về mọi mặt, thắng địch từng bước và chủ động trong mọi tình huống, đưa cách mạng miền Nam tiến lên*"².

Về cách mạng miền Bắc. Hội nghị Trung ương chỉ rõ: miền Bắc một mặt phải tranh thủ những điều kiện thuận lợi hiện có, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế quốc dân, đồng thời "*phải tiếp tục làm tròn nhiệm vụ hậu phương lớn đối với cách mạng miền Nam và tích cực đấu tranh để Hiệp định Pari về Việt Nam được thi hành nghiêm chỉnh*"³.

Để bảo đảm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cơ bản và nhiệm vụ trước mắt, Hội nghị vạch ra những công tác cho cách mạng hai miền: nắm vững lực lượng vũ trang đi đôi với việc xây dựng lực lượng chính trị mạnh

1, 2, 3. *Sđd*, t.34, tr.233 - 234, 237, 241 - 242.

để bảo vệ thành quả cách mạng và đưa cách mạng tiếp tục tiến lên: giành dân và giành quyền làm chủ của nhân dân ở khắp nông thôn và thành thị miền Nam; công tác binh vận là một mũi tiến công rất quan trọng để làm tê liệt và tan rã chính quyền địch; đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở đô thị đòi hoà bình, dân chủ, dân sinh, đòi thi hành Hiệp định Pari; ra sức củng cố vùng giải phóng; tăng cường công tác mật trận và công tác của Chính phủ Cách mạng lâm thời; công tác ngoại giao phải nắm vững pháp lý của Hiệp định Pari về Việt Nam, kiên quyết và kịp thời vạch trần âm mưu và hành động vi phạm Hiệp định của địch trước dư luận trong nước và dư luận quốc tế; về công tác Đảng, ra sức nâng cao công tác tổ chức của Đảng lên ngang tầm nhiệm vụ chính trị trước mắt.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 về *Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam Việt Nam trong giai đoạn mới* là Nghị quyết cơ bản và quan trọng nhất kể từ sau Hiệp định Pari, trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong giai đoạn quyết định.

Trên cơ sở tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau 18 năm, bước đầu rút ra những kinh nghiệm chủ yếu cho cách mạng miền Nam. Nghị quyết đã đề ra chủ trương, biện pháp cơ bản khi cách mạng bước sang

một giai đoạn mới, mở ra con đường đưa sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thực hiện thống nhất đất nước tiến sang giai đoạn quyết định.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng, quân và dân miền Nam đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống lại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" sau Hiệp định Paris về Việt Nam của Mỹ do ngụy tiến hành, làm thay đổi hẳn cục diện chiến trường miền Nam. Khi thời cơ đến, vào nửa cuối năm 1974, tình hình trong nước và quốc tế đã diễn ra nhiều sự kiện lớn tác động đến sự chỉ đạo chiến lược của ta. Các chiến trường ở miền Nam đều tạo được thế và lực mới. Quân ngụy suy yếu rõ rệt. Tại nước Mỹ, Quốc hội Mỹ bác bỏ đề nghị của tổng thống Níchxơn viện trợ cho chính quyền Sài Gòn, vì vậy buộc ngụy phải đánh theo "kiểu con nhà nghèo". Vụ Oatoghết (Watergate) làm náo động chính trường nước Mỹ, khiến Mỹ càng khó có điều kiện trở lại miền Nam Việt Nam. Ngày 9-8-1974, Níchxơn buộc phải tuyên bố từ chức. Đây là đỉnh cao của cuộc khủng hoảng nội bộ của nước Mỹ, buộc giới cầm quyền Mỹ phải điều chỉnh chiến lược trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Trên cơ sở các phương hướng chính của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21, tháng 10-1974 Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương cùng các đồng chí lãnh đạo chủ chốt trên các chiến trường xác định thời cơ đã đến, thống nhất kế hoạch chiến lược giải phóng

miền Nam trong vòng hai năm 1975 - 1976. Bộ Chính trị còn dự kiến khả năng nếu thời cơ đến thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Thực hiện kế hoạch trên, ngay từ những tháng cuối năm 1974, quân ta kiên quyết phản công địch, chủ động mở những cuộc tiến công mới nhằm hoàn thiện thế trận, tạo điều kiện thực hiện các đòn tiến công chiến lược lớn, mở ra thời kỳ phát triển nhảy vọt của cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Câu hỏi 16: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12 - 1976)?

Trả lời:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu thay mặt cho 1,5 triệu đảng viên trong cả nước và 29 đoàn đại biểu quốc tế. Đại hội lần thứ IV của Đảng có nhiệm vụ tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta; xác định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; đề ra những nhiệm vụ trọng tâm trước mắt nhằm khắc phục hậu quả 30 năm chiến tranh; tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới để xây dựng lại đất nước; phá tan âm mưu bao vây, cô lập của đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch; chuyển đổi phương thức lãnh đạo của Đảng từ thời chiến sang thời bình, từ lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập sang lãnh đạo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trọng như: *Báo cáo chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng;

Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976 - 1980); Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng. Nội dung cơ bản của những văn kiện đó là:

- Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương đã tổng kết quá trình đấu tranh anh dũng, liên tục, bền bỉ của quân và dân ta chống lại cuộc chiến tranh xâm lược lớn nhất và vô cùng ác liệt của đế quốc Mỹ để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc. Báo cáo cũng chỉ rõ nguyên nhân quyết định dẫn đến thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là đường lối chính trị, đường lối quân sự, đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta. Đảng ta đã vạch ra đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Tình đoàn kết, liên minh chiến đấu của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia, sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, của giai cấp công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc cũng đã góp phần không nhỏ cho thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước còn có vai trò to lớn của miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Trong khói lửa của hai cuộc chiến tranh phá hoại, nhân dân miền Bắc vẫn vững "tay cày, tay súng" chiến đấu và lao động sản xuất, tất cả vì miền Nam ruột thịt, tất cả cho tiền tuyến: "... không thể nào có thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nếu không có miền Bắc xã hội chủ nghĩa, suốt mười sáu năm qua, luôn luôn cùng một lúc phải làm hai nhiệm vụ chiến lược"¹.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước để lại nhiều bài học lịch sử quý giá cho Đảng và nhân dân ta. Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX.

- Xác định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới trên cả nước.

Trên cơ sở phân tích tình hình mọi mặt của đất nước, chỉ rõ những đặc điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đại hội nhấn mạnh: "... nước ta vẫn đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.490.

giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa"¹. Cơ sở vật chất - kỹ thuật còn nhỏ yếu, tuyệt đại bộ phận lao động là thủ công, năng suất lao động xã hội thấp, phân công lao động chưa phát triển. Công nghiệp lớn, nhất là công nghiệp nặng còn ít, rời rạc. Nông nghiệp chủ yếu vẫn là trồng lúa. Cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý lạc hậu, kém hiệu lực, tính kế hoạch của nền kinh tế chưa cao. Đây là đặc điểm lớn nhất của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới.

Từ những đặc điểm trên, Đại hội đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta là: *"Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh*

1. *Sđd*, tr 505-506.

giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa"¹. Cơ sở vật chất - kỹ thuật còn nhỏ yếu, tuyệt đại bộ phận lao động là thủ công, năng suất lao động xã hội thấp, phân công lao động chưa phát triển. Công nghiệp lớn, nhất là công nghiệp nặng còn ít, rời rạc. Nông nghiệp chủ yếu vẫn là trồng lúa. Cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý lạc hậu, kém hiệu lực, tính kế hoạch của nền kinh tế chưa cao. Đây là đặc điểm lớn nhất của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới.

Từ những đặc điểm trên, Đại hội đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta là: *"Năm vừng chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh*

1. Sđd, tr.505-506.

chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc dân chủ và chủ nghĩa xã hội”¹.

Trên cơ sở đường lối chung, từ yêu cầu của việc xây dựng đất nước sau chiến tranh, Đại hội cũng đã đề ra đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nước ta là: *“Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng; tăng cường quan hệ phân công, hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với*

1. *Sđđ.* t.37, tr.523 - 524.

các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi; làm cho nước Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hoá và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh, hạnh phúc"¹.

So với Đại hội III, Đại hội IV của Đảng đã có những điều chỉnh về phương châm công nghiệp hoá. Nếu Đại hội III xác định: "Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện và ra sức phát triển công nghiệp nhẹ" thì Đại hội IV của Đảng đã điều chỉnh lại phương châm tiến hành công nghiệp hoá là "Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ"². Đó là sự điều chỉnh cần thiết và đúng đắn trong nhận thức của Đảng về cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm thực tiễn Việt Nam.

· Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) với hai mục tiêu cơ bản:

+ Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công - nông nghiệp.

1. 2. *Sđđ*, t.37, tr.524, 653.

+ Cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động.

- Đại hội đề ra đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại nhằm tranh thủ điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh nhịp độ xây dựng đất nước. Thiết lập và không ngừng mở rộng quan hệ bình thường với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền lãnh thổ, tôn trọng lợi ích quốc gia, giữ vững hòa bình độc lập và phát triển.

- Đại hội xác định nhiệm vụ và phương hướng xây dựng Đảng trong giai đoạn mới: xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác xây dựng Đảng gắn liền với kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước. Đại hội quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 100 ủy viên chính thức và 32 ủy viên dự khuyết. Bộ Chính trị gồm 14 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết. Ban Bí thư gồm 9 đồng chí. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng là Đại hội thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, tiếp tục khẳng định con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn.

Câu hỏi 17: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3-1982) và mục tiêu, nhiệm vụ chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ?

Trả lời:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982, tại Hà Nội. Tham dự Đại hội có 1.033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên của Đảng và 47 đoàn đại biểu quốc tế.

Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm những hoạt động của Đảng từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (tháng 12-1976), đánh giá những thành tựu và khuyết điểm, phân tích thực trạng kinh tế - xã hội nước ta và những nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó, đồng thời chỉ ra những phương hướng cơ bản để tháo gỡ khó khăn, tiếp tục đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội thảo luận và thông qua các văn kiện: *Báo cáo chính trị; Phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong 5 năm (1981-1985) và những năm 80; Báo cáo về xây dựng Đảng và Điều lệ Đảng (bổ sung và sửa đổi)*. Nội dung cơ bản của những văn kiện đó là:

Một là, chỉ ra ba thắng lợi trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IV:

- Nhanh chóng thông nhất đất nước về mặt Nhà nước, thực hiện một bước quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

- Giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở hai đầu biên giới, bảo vệ thành công độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước, giúp đỡ Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, cứu dân tộc Khơme khỏi họa diệt chủng.

- Đạt được những thành tựu đáng kể trên mặt trận kinh tế, bước đầu khắc phục những hậu quả nặng nề do chiến tranh xâm lược và thiên tai liên tiếp xảy ra.

Đồng thời, Đại hội cũng chỉ rõ những khó khăn, yếu kém của kinh tế - xã hội nước ta (các chỉ tiêu đặt ra trong kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) không thực hiện được) và những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong việc xây dựng đường lối và chỉ đạo thực hiện.

Hai là, xuất phát từ thực tiễn, Đại hội đã nêu lên hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược đó quan hệ mật thiết với nhau.

Ba là, đưa ra khái niệm *chặng đường đầu tiên* của thời kỳ quá độ, bao gồm thời kỳ 5 năm (1981 - 1985) và

kéo dài đến năm 1990. "là khoảng thời gian có tầm quan trọng đặc biệt". nhiệm vụ cần thiết trước mắt là ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Trong chặng đường đầu tiên, "*cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý. Đó là những nội dung chính của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt*"¹.

Đại hội khẳng định, trong một thời gian nhất định, ở miền Bắc có ba thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể và cá thể). ở miền Nam còn năm thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể, tư bản tư nhân).

Đây là đóng góp to lớn của Đại hội, thể hiện sự điều chỉnh nhận thức về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Bốn là, chủ trương đổi mới cơ chế quản lý một cách đồng bộ, lấy kế hoạch nhà nước làm trung tâm, đồng thời coi trọng các đòn bẩy kinh tế, vận dụng các quan hệ

1 Sđd, t.43, tr.71.

thị trường, khuyến khích sáng kiến và tài năng, *nâng cao hiệu lực điều hành của các cấp*, làm cho kế hoạch nhà nước thật sự là cương lĩnh thứ hai của Đảng, là công cụ trung tâm của hệ thống quản lý.

Năm là, đề ra một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm (1981 - 1985): sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hàng năm là 6 - 7%, sản xuất công nghiệp tăng bình quân khoảng 4 - 5%, thu nhập quốc dân tăng bình quân 4,5 - 5%, sản lượng lương thực tăng 32%...

Về công tác đối ngoại. Đại hội xác định: ra sức tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế to lớn và nhiều mặt cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Vấn đề hàng đầu trong chính sách đối ngoại là đoàn kết với các lực lượng cách mạng và tiến bộ thế giới, ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước chống chính sách hiếu chiến và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ. Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô; quan hệ đặc biệt với Lào. Thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt Nhà nước, về kinh tế, văn hoá và khoa học, kỹ thuật với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị, xã hội, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.

Về công tác xây dựng Đảng. Đại hội chủ trương xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

làm cho Đảng luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, một đảng thật sự trong sạch, có sức chiến đấu cao và gắn bó chặt chẽ với quần chúng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 116 ủy viên chính thức và 36 ủy viên dự khuyết. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương khoá V bầu Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết; Ban Bí thư gồm 10 đồng chí. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng Bí thư.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V phản ánh tư duy đổi mới từng bước của Đảng trong việc tìm tòi, tổng kết thực tiễn, đề ra những hướng đi sát hợp: xây dựng cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước đang trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Nội dung của chặng đường đầu tiên là chuẩn bị những tiền đề cần thiết về kinh tế, kỹ thuật để đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống của nhân dân.

Tuy nhiên, Đại hội V còn có những hạn chế:

- Chưa phân tích rõ nguyên nhân dẫn đến tình trạng trì trệ của nền kinh tế, vẫn khẳng định đường lối chung là đúng, khuyết điểm là trong khâu tổ chức thực hiện nên đã không có được những sửa chữa đúng mức cần thiết.

- Chưa thấy được sự cần thiết phải duy trì nền kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ, chưa xác định được quan điểm cụ thể về kết hợp kế hoạch với thị trường, công tác quản lý lưu thông phân phối vẫn một chiều do kế hoạch nhà nước quyết định.

- Đại hội coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu nhưng chưa có những chính sách, giải pháp cụ thể để giải phóng lực lượng sản xuất trong nông nghiệp.

- Trên lĩnh vực đối ngoại, Đại hội chưa đưa ra giải pháp hữu hiệu để đưa đất nước thoát khỏi thế bị bao vây cô lập.

Những hạn chế trên chính là nguyên nhân dẫn đến những khó khăn mà đất nước ta phải vượt qua sau Đại hội.

Câu hỏi 18: Đường lối đối mới tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986)?

Trả lời:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986. Dự Đại hội có 1.129 đại biểu thay mặt cho gần 1.9 triệu đảng viên cả nước, 35 đoàn đại biểu các đảng anh em, các tổ chức cách mạng và bầu bạn khắp năm châu. Đại hội đã nghe đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V đọc *Diễn văn khai mạc* Đại hội, đồng chí Trương Chính, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V đọc *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng*, đồng chí Võ Văn Kiệt, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V đọc *Báo cáo phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm (1986-1990)*.

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Báo cáo chính trị khẳng định: Chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng

trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội những năm 1981 - 1985: sản xuất nông nghiệp và công nghiệp đã ngăn chặn được đà giảm sút của những năm 1979 - 1980, và đã đạt được nhiều tiến bộ rõ rệt. Nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,9% (thời kỳ 1979 - 1980 là 1,9%). Sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt 17 triệu tấn (thời kỳ 1976 - 1980 là 13.4 triệu tấn). Sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 9.5% (thời kỳ 1976 - 1980 là 0,6%). Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6.4% (thời kỳ 1976 - 1980 là 0,4%). Về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật những năm 1981 - 1985, đã hoàn thành mấy trăm công trình vừa và nhỏ. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa tiến thêm một bước. Chú trọng chăm lo đời sống nhân dân trong hoàn cảnh nền kinh tế còn nhiều yếu kém. Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh chính trị và thực hiện nghĩa vụ quốc tế đã giành được những thắng lợi to lớn.

Khẳng định những thành tựu các mặt đã đạt được, với tinh thần *nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật*. Báo cáo chính trị nêu rõ tình hình kinh tế - xã hội nước ta đang đứng trước nhiều khó khăn: Sản xuất tăng chậm, không đáp ứng được yêu cầu nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân; nhiều chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 không đạt; hiệu quả đầu tư và sản xuất thấp; tài nguyên chưa được khai thác tốt, bị sử dụng lãng phí; phân phối lưu thông rối ren, căng thẳng.

vật giá tăng nhanh, ngân sách thiếu hụt; sự mất cân đối trong nền kinh tế giữa cung và cầu, giữa thu và chi, xuất khẩu và nhập khẩu chậm được thu hẹp, thậm chí có mặt còn gay gắt hơn trước; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố, vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh suy yếu; đời sống nhân dân, nhất là công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang gặp nhiều khó khăn; những hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển, công bằng xã hội bị vi phạm, pháp luật kỷ cương không nghiêm, quần chúng giảm lòng tin đối với sự lãnh đạo của Đảng và điều hành của Nhà nước.

Tóm lại, "*chúng ta chưa thực hiện được mục tiêu do Đại hội lần thứ V đề ra là về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống của nhân dân*"¹. Đại hội thẳng thắn cho rằng: "*Những sai lầm nói trên là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện*"². Đại hội chỉ rõ "*Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế, xã hội bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân*"³. Từ thực tiễn cách mạng, Đại hội nêu lên những bài học kinh nghiệm quan trọng:

1. *Sđd*, t.47, tr.353.

2. 3. *Sđd*, tr.360.

Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình. Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát triển quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.

Bốn là, phải chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa¹.

Trải qua nhiều tìm tòi khảo nghiệm từ thực tiễn và đổi mới tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn về thời kỳ quá độ và về chủ nghĩa xã hội, những quy luật khách quan đang vận động trong thời kỳ quá độ. Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện với những nội dung cơ bản sau:

Đổi mới tư duy lý luận, nhận thức rõ về chủ nghĩa xã hội, về các quy luật khách quan những đặc trưng của thời kỳ quá độ. Trong nhiều năm qua, những quan niệm lạc hậu về chủ nghĩa xã hội, nhất là về công nghiệp hoá, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối lưu thông chính là nguyên nhân

1. Xem: *Sdd.* t 47, tr.362 - 365

chậm phát triển và cụ thể hoá đường lối chung và đường lối kinh tế trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Vì vậy, phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy. Đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận đã đạt được, phủ nhận những quy luật phổ biến của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phủ nhận đường lối đúng đắn đã được xác định, trái lại chính là bổ sung và phát triển những thành tựu ấy.

Đổi mới quan điểm chính sách kinh tế:

Về đổi mới cơ cấu kinh tế, dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý, có chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế. Chính sách đó cho phép sử dụng nhiều hình thức kinh tế với quy mô và trình độ kỹ thuật thích hợp trong từng khâu của quá trình sản xuất và lưu thông nhằm khai thác mọi khả năng của các thành phần kinh tế liên kết với nhau, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Đại hội xác định rõ các thành phần kinh tế ở nước ta là: Kinh tế xã hội chủ nghĩa (bao gồm khu vực quốc doanh và khu vực tập thể); kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể); kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức mà hình thức cao là công tư hợp doanh; kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và các vùng núi cao khác.

Cùng với chính sách kinh tế nhiều thành phần, Đại hội VI còn chủ trương bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư, tập trung thực hiện cho được ba chương trình mục tiêu về *lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*. Các chương trình đó là sự cụ thể hoá nội dung chính của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu.

Về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, Đại hội VI cho rằng, việc bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Đảng đã thẳng thắn chỉ ra rằng: Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay đã không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu nền kinh tế, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông và để ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Phong cách quản lý quan liêu, cửa quyền, tư duy mang nặng tính chất chủ quan, duy ý chí. Vì vậy, “Phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã được khẳng định là xoá bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và với trình độ phát triển của nền kinh tế”¹. Thực chất của cơ chế mới về quản lý kinh tế là cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chủ trọng

1. *Sđđ*, t.47, tr.396-397.

tính kế hoạch; sử dụng đầy đủ và đúng đắn quan hệ hàng hoá - tiền tệ, các đơn vị sản xuất có quyền tự chủ sản xuất - kinh doanh, tự chủ về tài chính; sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế.

Đổi mới chính sách đối ngoại, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Nhận thức rõ nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế trong chặng đường đầu, Đại hội VI nhấn mạnh sự cần thiết phải "Công bố chính sách khuyến khích nước ngoài đầu tư vào nước ta dưới nhiều hình thức, nhất là đối với các ngành và cơ sở đòi hỏi kỹ thuật cao, làm hàng xuất khẩu. Đi đôi với việc công bố luật đầu tư, cần có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiều vào nước ta để hợp tác kinh doanh"¹.

Đổi mới về vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước: Để thiết lập cơ chế quản lý mới, cần thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy nhà nước. Tăng cường bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương, có sự phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính - kinh tế với chức năng quản lý sản xuất - kinh doanh, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ. Nhà nước có nhiệm vụ thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách cụ thể. Xây dựng chiến lược kinh tế - xã hội và

1. *Sđđ*, t.47, tr.419.

cụ thể hoá chiến lược đó thành những kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Đổi mới nội dung và phong cách lãnh đạo của Đảng, tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng. Đại hội nêu rõ: "... Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác". Đảng nhấn mạnh, đổi mới tư duy, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân là nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng. Đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý. Đổi mới phong cách làm việc, trong đó tập trung dân chủ là nguyên tắc quan trọng nhất. Đại hội đề ra yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI gồm 124 ủy viên chính thức và 49 ủy viên dự khuyết, bầu Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết, bầu Ban Bí thư gồm 13 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đại hội nhất trí trao trách nhiệm cao cả cho các đồng chí Trường Chinh,

1. *Sdd*, t.47, tr.458.

Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ làm cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội VI của Đảng đã hoạch định đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc và triệt để. Đó là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân và cũng thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của Đảng trước đất nước và dân tộc. Đường lối do Đại hội đề ra thể hiện sự phát triển tư duy lý luận, khả năng tổng kết và tổ chức thực tiễn của Đảng, mở ra thời kỳ mới của sự nghiệp cách mạng nước ta trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu hỏi 19: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991)?

Trả lời:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng diễn ra từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991 tại Thủ đô Hà Nội trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có những diễn biến phức tạp. Dự đại hội có 1.176 đại biểu thay mặt cho hơn 2 triệu đảng viên.

- Tình hình quốc tế: có những thay đổi lớn, tác động sâu sắc đến nước ta. Đang diễn ra cuộc tấn công quyết liệt của các thế lực thù địch đế quốc và phản động vào các lực lượng hoà bình, độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội nhằm tiến tới xoá bỏ chủ nghĩa xã hội bằng mọi thủ đoạn thâm độc; cuộc khủng hoảng toàn diện trong hệ thống xã hội chủ nghĩa dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu (1989 - 1990). Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng và dẫn tới sự thất bại vào nửa cuối năm 1991. So sánh lực lượng diễn ra bất lợi cho lực lượng cách mạng trên thế giới.

- Ở trong nước, sau hơn 4 năm thực hiện đường lối đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội có những chuyển biến

tiếp tục, song vẫn chưa thoát khỏi khủng hoảng. Mặt khác, trước sự khủng hoảng và sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa đã tác động không nhỏ đến lập trường, tư tưởng và niềm tin vào chủ nghĩa xã hội của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Bối cảnh trên đây đặt ra cho Đại hội VII một nhiệm vụ hết sức nặng nề là phải để ra đường lối để đưa đất nước thoát khỏi khó khăn, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Nội dung cơ bản của Đại hội VII

- Đại hội đã đánh giá quá trình thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra trên các lĩnh vực của đời sống xã hội và nhận định: Sau hơn 4 năm đưa Nghị quyết Đại hội VI vào cuộc sống, các chủ trương, chính sách đổi mới bắt đầu mang lại những kết quả nhất định: Tình hình chính trị của đất nước ổn định; nền kinh tế có những bước phát triển, đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trong việc thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế (lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu); kinh tế đối ngoại phát triển nhanh, mở rộng hơn về quy mô, hình thức, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội; bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của

Nhà nước. Quyền dân chủ của nhân dân ngày càng được phát huy. Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được bảo đảm, từng bước phá thế bao vây về kinh tế, chính trị. Quan hệ quốc tế ngày càng mở rộng, tạo ra môi trường thuận lợi để đẩy mạnh công cuộc đổi mới.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, thì những yếu kém và khó khăn còn rất lớn: Đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết như lạm phát cao, lao động thiếu việc làm, nhiều cơ sở sản xuất đình đốn kéo dài. Số lao động thiếu việc làm tăng. Chế độ lương bất hợp lý. Tốc độ dân số còn quá cao; tình trạng vi phạm dân chủ còn nhiều; văn hoá, xã hội có những mặt tiếp tục xuống cấp. Tình trạng tham nhũng, tiêu cực, bất công trong xã hội tăng thêm; an ninh trật tự và an toàn xã hội còn phức tạp, vẫn còn nhân tố gây mất ổn định chính trị. Bộ máy nhà nước, Đảng và các đoàn thể nhân dân công kênh, quan liêu, hoạt động kém hiệu quả.

Đại hội đã làm rõ nguyên nhân của khuyết điểm, yếu kém, đồng thời bước đầu rút ra năm kinh nghiệm trong tiến hành công cuộc đổi mới:

Một là: Phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới.

Hai là: Đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là: Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội.

Bốn là: Phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Năm là: Quan tâm dự báo tình hình, kết hợp phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh. tăng cường tổng kết thực tiễn và không ngừng hoàn chỉnh lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Trên cơ sở kiểm điểm việc thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra và căn cứ vào đặc điểm tình hình đất nước. Đại hội tiếp tục đưa ra *phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong 5 năm 1991 - 1995.*

+ Về mục tiêu: "*... mục tiêu tổng quát của 5 năm tới là vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay*"¹.

+ Đại hội nêu lên *bốn phương châm* chỉ đạo là: Tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân; kết hợp động lực kinh tế với động lực tinh thần. thực hiện hài hoà

1 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội. 2007, t.51, tr.89.

lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và xã hội; tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ, đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu với bước đi vững chắc, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ việc đổi mới các lĩnh vực khác; tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi để mở rộng và tăng cường quan hệ quốc tế về mọi mặt.

+ Đại hội nêu lên *một số nhiệm vụ chủ yếu* để thực hiện tốt mục tiêu đã đề ra như: ổn định và phát triển kinh tế trên cơ sở tập trung đầu tư cả chiều rộng và chiều sâu; xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và đổi mới quản lý kinh tế; kết hợp hài hoà phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân. Củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

+ Đại hội VII của Đảng đã khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

+ Đại hội khẳng định đường lối đối ngoại rộng mở, Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

- Đại hội thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*.

+ *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* đã tổng kết cách mạng Việt Nam từ năm 1930, nêu lên những bài học và đặc biệt là xác định sáu đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng: do nhân dân lao động làm chủ; có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

+ *Cương lĩnh* xác định quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, phải trải qua nhiều chặng đường. Do vậy, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc cần nắm vững bảy phương hướng cơ bản sau đây:

Một là, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân, vì dân, lấy liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nền tảng lãnh đạo.

Hai là, phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Ba là, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng hoá về hình thức sở hữu, phù hợp với sự phát triển lực lượng sản xuất. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Bốn là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa, phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

Năm là, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất. Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước.

Sáu là, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Nâng cao tinh thần cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Bày là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ.

"Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hoá phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh"¹.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 là mốc đánh dấu sự phát triển tư duy chính trị của Đảng ta, thể hiện nhận thức sâu sắc về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về công cuộc đổi mới.

- Đại hội thông qua *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.*

Chiến lược ghi rõ mục tiêu phát triển là "Phát triển kinh tế - xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình thực hiện dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hoá, có kỷ cương, xoá bỏ áp bức, bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc"².

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược đến năm 2000 là: *"ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội,*

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.136, 154.

phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đến năm 2000 tăng khoảng gấp đôi so với năm 1990"¹.

- Đại hội thông qua *Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng*, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng gắn liền với việc xây dựng và thực hiện Cương lĩnh, Chiến lược và công cuộc đổi mới đất nước.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) gồm 146 ủy viên. Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên và Ban Bí thư gồm 9 đồng chí. Đồng chí Đỗ Mười được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội VII là cột mốc mới trong tiến trình cách mạng Việt Nam, đánh dấu bước trưởng thành của Đảng ta. Đại hội đã thực sự làm tròn trách nhiệm mà lịch sử giao phó, đó là "Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết".

- Đại hội đã hoạch định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của Việt Nam và những giải pháp đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đặt cơ sở và quyết định những bước đi

¹ *Sđđ*, t.51, tr.156.

cho sự phát triển mạnh mẽ của đất nước. Từ đó củng cố thêm niềm tin tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với công cuộc đổi mới đất nước.

- Trong bối cảnh quốc tế và trong nước đang diễn ra những biến đổi phức tạp thì *"Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội"* đã thể hiện bản lĩnh vững vàng, sự kiên định về lập trường chính trị của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo cách mạng và tạo niềm tin cho nhân dân ta về sự thắng lợi tất yếu của công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Lần đầu tiên trong lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã có một bản Cương lĩnh toàn diện, khái quát và nêu lên những vấn đề cơ bản trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước, chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong công cuộc đổi mới.

Câu hỏi 20: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996) đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước?

Trả lời:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại Thủ đô Hà Nội, từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996. Dự Đại hội có 1.198 đại biểu đại diện cho 2 triệu 130 nghìn đảng viên và nhiều đoàn đại biểu quốc tế. Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trọng: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000; Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi) và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Đại hội VIII của Đảng có nhiệm vụ quan trọng là kiểm điểm kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và tổng kết 10 năm đổi mới, đề ra những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đại hội khẳng định, sau 10 năm đổi mới đất nước, chúng ta đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng: Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm; tạo ra được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội; giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh; thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị; phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá vỡ thế bị bao vây cấm vận, mở rộng hợp tác và tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế.

Đồng thời, Đại hội cũng chỉ rõ những tồn tại và yếu kém: Nước ta còn nghèo và kém phát triển. Chúng ta lại chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dành vốn cho đầu tư, phát triển. Tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết. Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất có phần vừa lúng túng, vừa buông lỏng. Quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội còn nhiều thiếu sót; hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm.

Đại hội nhất trí đánh giá tổng quát: **"Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991 - 1995 đã được hoàn thành về cơ bản.**

Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng còn một số mặt chưa vững chắc.

Nhiệm vụ để ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiến để cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm, lệch lạc lớn và kéo dài dẫn đến chệch hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở mức độ này hay mức độ khác"¹.

Từ những thành tựu và hạn chế của chặng đường 10 năm đổi mới, Đại hội VIII của Đảng nêu lên một số bài học chủ yếu:

Một là, trong quá trình đổi mới, phải giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm vững

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.67 - 68.

hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

Ba là, xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò trong quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

Bốn là, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

Năm là, mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Sáu là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Đại hội đã phân tích những đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới, nêu rõ những thời cơ và thách thức, từ đó định ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2000 và 2020 của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đó là "**... cần tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mục tiêu của công nghiệp hoá,**

hiện đại hoá là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp"¹.

Từ mục tiêu chung. Đại hội đề ra định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu:

- Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Quán triệt các quan điểm và nội dung cơ bản của công nghiệp hoá. hiện đại hoá. đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn.

- Nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả kinh tế nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo, đồng thời phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế bao gồm: việc tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; hoàn chỉnh

1. *Sđđ.* tr.80.

hệ thống pháp luật về kinh tế: tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch hoá; đổi mới các chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả; nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước.

- Phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Giải quyết một số vấn đề xã hội, trước mắt là tập trung sức tạo việc làm, thực hiện xoá đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, bảo vệ sức khoẻ nhân dân, đẩy mạnh công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình, đẩy lùi tệ nạn xã hội.

- Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, xây dựng cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

- Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng.

- Tăng cường quốc phòng và an ninh, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, kết hợp thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân.

- Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, chính sách rộng mở, đa phương hoá và đa dạng hoá quan hệ đối ngoại.

Đại hội cũng thông qua phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 với những chỉ tiêu cụ thể trong các chương trình và lĩnh vực phát triển.

Đại hội đã thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII gồm 170 ủy viên. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương đã bầu Bộ Chính trị gồm 19 đồng chí. Đồng chí Đỗ Mười được bầu lại làm Tổng Bí thư. Ủy ban Kiểm tra Trung ương gồm 7 đồng chí. Bộ Chính trị cử ra Thường vụ Bộ Chính trị gồm 5 đồng chí: Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Lê Khả Phiêu, Nguyễn Tấn Dũng. Các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công tiếp tục làm cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu cột mốc mới trong tiến trình phát triển của cách mạng nước ta. là Đại hội tiếp tục đổi mới vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Câu hỏi 21: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?

Trả lời:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001. Đại hội có 1.168 đại biểu thay mặt cho 2.479.719 đảng viên toàn Đảng. Đại hội đã nghe đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị đọc *Diễn văn khai mạc Đại hội*, đồng chí Lê Khả Phiêu, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đọc *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII)* về các văn kiện trình Đại hội IX. Đại hội Đảng lần thứ IX có nhiệm vụ tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết của Đại hội VIII, 10 năm thực hiện *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000* và tổng kết 15 năm tiến hành công cuộc đổi mới. Đại hội IX kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng,

đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng ngang tầm với đòi hỏi của dân tộc trong thời kỳ mới, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới.

Đánh giá tình hình Việt Nam trong thế kỷ XX và triển vọng trong thế kỷ XXI, Báo cáo chính trị khẳng định: Đối với dân tộc ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Đảng ra đời là một bước ngoặt của cách mạng Việt Nam, lãnh đạo nhân dân ta liên tiếp giành những thắng lợi vĩ đại: thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội IX dự báo: "Thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ nhân dân ta tiếp tục giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đưa đất nước ta sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới"¹.

Đại hội IX của Đảng đã tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 10 năm thực hiện Chiến lược

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.68

ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 và tổng kết 15 năm đổi mới. Những thành tựu đó là:

Một là, kinh tế tăng trưởng khá, ổn định, bền vững. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế ngày càng cao: tốc độ tăng GDP bình quân thời kỳ năm 1986 - 1990 là 3.9%; năm 1991 - 1995 là 8.2%; năm 1996 - 2000 là 7%. Lạm phát giảm từ 774,7% năm 1986 xuống còn 67,4% năm 1990; 12,7% năm 1995; 0,1% năm 1999 và 0% năm 2000. Năm 2000 đã chặn được đà giảm sút mức tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra.

Hai là, văn hoá, xã hội có những tiến bộ, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô và cơ sở vật chất. Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân được nâng lên. Nước ta đã đạt chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Những nhu cầu thiết yếu của nhân dân được đáp ứng tốt hơn. Mỗi năm hơn 1,2 triệu lao động có việc làm mới. Công tác xoá đói giảm nghèo trên phạm vi cả nước đạt kết quả cao. Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình có nhiều thành tích được Liên hợp quốc tặng giải thưởng. Các hoạt động "Uống nước nhớ nguồn", "Đền ơn đáp nghĩa" được cả xã hội quan tâm hưởng ứng.

Ba là, tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường. Các lực lượng vũ trang nhân dân làm tốt nhiệm vụ bảo vệ độc lập,

chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh quốc gia. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội, thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Bốn là, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng; hệ thống chính trị được củng cố. Toàn Đảng thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp tục được cải cách một bước. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hoá được phát huy.

Năm là, phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Phá thế bị bao vây cấm vận, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế; tham gia các hoạt động thúc đẩy sự hợp tác cùng có lợi trong Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), có quan hệ thương mại với hơn 140 nước, quan hệ đầu tư với gần 70 nước và vùng lãnh thổ, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.

Sáu là, nhận thức lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn,

tức là rõ hơn về mô hình, về chặng đường, về bước đi, về quy luật vận động và về giải pháp cụ thể. Đảng đã từng hoạch định một hệ thống quan điểm, những nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới, khẳng định độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và phác họa được mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với 6 đặc trưng, xác định chủ trương xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội IX cũng chỉ rõ những yếu kém, khuyết điểm trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII: Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp; một số vấn đề văn hoá - xã hội bức xúc và gay gắt chưa được giải quyết; cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển; tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

Đại hội IX đã khẳng định những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên vẫn có giá trị lớn và nhấn mạnh những bài học chủ yếu sau:

"Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo.

Ba là, đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Bốn là, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới"¹.

Đại hội IX của Đảng coi trọng công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, thảo luận và quyết định nhiều vấn đề lớn của đất nước như: Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; đường lối và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; tăng cường quốc phòng và an ninh; mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế; xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Đại hội nhấn mạnh: "Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh"². Đại hội đã đề cập nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh một cách toàn diện và có hệ thống. Con đường

1. 2. *Sđd.*, tr.81 - 82, 83.

đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Đi lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những thay đổi to lớn về kinh tế - xã hội. Mục tiêu chung là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bao đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.

Trên cơ sở đánh giá khách quan tình hình trong nước và bối cảnh quốc tế. Đại hội IX của Đảng đã hoạch định *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010* với mục tiêu tổng quát là: *"Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao"*¹. Đưa GDP năm 2010 lên ít nhất gấp đôi năm 2000.

Đại hội đã thông qua *Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005* với mục tiêu tổng quát là: *"Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo*

1 *Sđđ*, tr.159.

hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm; cơ bản xoá đói, giảm số hộ nghèo; đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia"¹.

Trên cơ sở các mục tiêu đó, Đại hội đã đề ra những nhiệm vụ và chỉ tiêu cụ thể định hướng phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu trong giai đoạn 2001 - 2005 và đưa ra dự báo cân đối lớn thời kỳ 5 năm 2001 - 2005; định hướng phát triển các ngành, các lĩnh vực và vùng; định hướng cơ chế chính sách và các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005.

Đại hội IX của Đảng đã thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi gồm 12 chương, 48 điều. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 150 ủy viên. Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất đã bầu Bộ

1. *Sđđ*, tr.261 - 262.

Chính trị gồm 15 đồng chí và Ban Bí thư gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng có ý nghĩa lịch sử trọng đại, mở đường cho đất nước ta nắm lấy cơ hội, vượt qua thách thức tiến vào thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, thực hiện mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Câu hỏi 22: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4-2006). Thành tựu và bài học của 20 năm đổi mới?

Trả lời:

Đại hội X của Đảng họp từ ngày 18 đến ngày 25-4-2006 tại Thủ đô Hà Nội với 1.176 đại biểu đại diện cho hơn 3,1 triệu đảng viên. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng diễn ra trong thời điểm lịch sử có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã trải qua 20 năm. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vừa kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, cũng là 5 năm đầu tiên của thế kỷ XXI. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm, đánh giá khách quan, toàn diện những thành tựu và yếu kém, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm qua việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005); Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và nhìn lại 20 năm đổi mới.

Chủ đề của Đại hội X (cũng là tiêu đề của Báo cáo chính trị) là: *"Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức*

chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển". Báo cáo dành phần đầu Đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và nhìn lại 20 năm đổi mới.

Báo cáo chỉ rõ 5 năm qua, bên cạnh những thuận lợi cơ bản: những kết quả của quá trình đổi mới đã đưa nước ta ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nhiều năm; tình hình chính trị - xã hội ổn định, uy tín và vị thế của đất nước được nâng cao... nước ta gặp không ít khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế trình độ thấp, thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi... Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và đã đạt những thành tựu rất quan trọng:

Một là, nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện: bình quân trong 5 năm (2001 - 2005) là 7,51%; sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh.

Hai là, văn hoá và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt: việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện.

Ba là, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới.

Bốn là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy.

Năm là, công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tích cực.

Bên cạnh những thành tựu đạt được. Báo cáo chính trị chỉ rõ những khuyết điểm và yếu kém:

- Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.

- Cơ chế, chính sách về văn hoá - xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt.

- Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế.

- Tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới.

- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu.

Báo cáo chính trị cũng chỉ ra những nguyên nhân khách quan và chủ quan của những khuyết điểm, yếu kém đó.

Đại hội X khái quát những thành tựu, hạn chế và bài học của 20 năm đổi mới. Về thành tựu của 20 năm đổi mới, Đại hội nhấn mạnh: "Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt **những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử**"¹.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã thông qua mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2006 - 2010. Đại hội nhấn mạnh: 5 năm 2006 - 2010 có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành thắng lợi *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010)* do Đại hội IX của Đảng đề ra. Đại hội xác định mục tiêu, phương hướng tổng quát của 5 năm 2006 - 2010 là: "*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phát triển văn hoá; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2006, tr.67.

chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại"¹.

Đại hội X chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Đại hội X của Đảng đã thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi gồm 12 chương, 48 điều. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X gồm 160 ủy viên chính thức và 21 ủy viên dự khuyết. Bộ Chính trị gồm 14 đồng chí, Ban Bí thư gồm 8 đồng chí. Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu lại làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá X.

1. *Sđd*, tr.23.

Những thành tựu và bài học của 20 năm đổi mới (1986 - 2006):

Qua 20 năm đổi mới với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.

- *Về tăng trưởng, phát triển kinh tế:* Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân tăng hàng năm trong giai đoạn 1986 - 1990 là 3.9%, giai đoạn 1991 - 1995 là 8.2%, 1996 - 2000 là 7%, 2001 - 2005 là 7.5%. Đã phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. *Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* với các loại hình thị trường: thị trường hàng hoá và dịch vụ; thị trường tài chính; thị trường sức lao động; thị trường bất động sản; thị trường khoa học và công nghệ. Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước được đẩy mạnh, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật đáng kể. Phát triển được nhiều ngành kinh tế chủ lực, nhiều vùng kinh tế trọng điểm và khu công nghiệp, chế xuất. Kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh. Nội lực của nền kinh tế được phát huy có

hiệu quả. Hội nhập kinh tế có bước tiến mới rất quan trọng. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng.

- *Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, những vấn đề về phát triển văn hoá, xã hội, con người có nhiều tiến bộ.* Mức sống về vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân, các khu vực dân cư đều có bước cải thiện đáng kể. Tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 19,5% năm 2004 và còn 7% năm 2005. Nhiều chính sách xã hội được thực hiện tích cực về lao động, việc làm, chăm sóc sức khoẻ, không chế, đẩy lùi thành công một số dịch bệnh nguy hiểm; đền ơn đáp nghĩa những người và gia đình có công trong cách mạng và kháng chiến; giải quyết những hậu quả của chiến tranh, với những người tàn tật, nhiễm chất độc màu da cam, chống các tệ nạn xã hội. Hoạt động văn hoá, thông tin, báo chí, thể dục thể thao có tiến bộ. Sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển ở tất cả các cấp học. Đã hoàn thành xoá mù chữ, phổ cập tiểu học tiến tới phổ cập trung học cơ sở. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng từ 67,8 (năm 2000) lên 71,5 (năm 2005).

- *Chính trị - xã hội ổn định. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường.* Đất nước đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức tác động từ bên ngoài, và sự chống phá của các thế lực

thù địch, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng và an ninh được tăng cường. Giữ vững độc lập, thống nhất chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có nhiều thành tích trong xây dựng lực lượng, nâng cao tinh thần chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng ở một số địa bàn có hiệu quả. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố. Hệ thống chính trị được tăng cường sức mạnh từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý, điều hành có hiệu lực, hiệu quả của chính quyền nhà nước các cấp, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp.

- *Quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới và ngày càng mở rộng trong khu vực và trên thế giới.* Việt Nam có quan hệ ngoại giao với hơn 170 nước trên thế giới, quan hệ đầy đủ với các nước phát triển hàng đầu (nhóm G8), là thành viên của ASEAN, tham gia nhiều tổ chức và diễn đàn quốc tế. Tích cực chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia vào quá trình toàn cầu hoá. Ngày 7-11-2006, Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Đã thực hiện thành công đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước.

Hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và nhân dân phát triển mạnh, góp phần giữ vững môi trường hoà bình, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Đã giải quyết được một số vấn đề về biên giới, lãnh thổ, vùng chồng lấn biển với một số quốc gia; chủ động và tích cực tham gia các diễn đàn thế giới; tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế và khu vực tại Việt Nam.

- *Về phát triển nhận thức lý luận và tổng kết thực tiễn.* Quá trình đổi mới là quá trình đẩy mạnh nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn. "Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản"¹. Đã sáng tỏ hơn về thời kỳ quá độ với nhiều chặng đường và bước đi, với nhiều thành phần kinh tế và chế độ sở hữu, với sự vận động của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sáng tỏ hơn về khả năng bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội với việc bỏ qua việc thiết lập kiến trúc thượng tầng và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Sáng tỏ hơn về những giải pháp, hình thức, bước đi để thực hiện mục tiêu và mô hình xã hội

1. *Sđd.*, tr. 68.

xã hội chủ nghĩa gồm 8 đặc trưng mà Đại hội X đã tổng kết trên cơ sở Cương lĩnh của Đảng năm 1991.

Trong khi khẳng định những thành tựu nói trên, Đại hội X nêu bật những hạn chế: “cho đến nay *nước ta vẫn trong tình trạng kém phát triển*. Kinh tế còn lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, còn nhiều yếu kém. Lý luận chưa giải đáp được một số vấn đề của thực tiễn đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đặc biệt là trong việc giải quyết các mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa đổi mới với ổn định và phát triển; giữa độc lập tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”¹.

Từ thực tiễn của hơn 20 năm đổi mới Đảng và Nhà nước ta đã tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Có thể nêu rõ *một số bài học chủ yếu sau đây*:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới không phải là từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.69.

mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức đúng đắn hơn và được xây dựng có hiệu quả hơn. Đổi mới không phải xa rời mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. lấy đó làm nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Phải đổi mới từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị. Đổi mới tất cả các mặt của đời sống xã hội nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm, có những bước đi thích hợp; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa ba nhiệm vụ: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân có vai trò quan trọng trong việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Dựa vào nhân dân, xuất phát từ thực tiễn và thường xuyên tổng kết thực tiễn.

phát hiện nhân tố mới, từng bước tìm ra quy luật phát triển, đó là chìa khoá của thành công.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Phát huy nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển; đồng thời coi trọng huy động các nguồn ngoại lực, thông qua hội nhập và hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát huy nội lực mạnh hơn, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững, trên cơ sở giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là khâu then chốt, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là yêu cầu bức thiết của xã hội; Nhà nước phải thể chế hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

Câu hỏi 23: Đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước?

Trả lời:

1. Đường lối công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới (trước năm 1986)

Sau 5 năm thực hiện khôi phục kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9-1960) đã khẳng định: "... miền Bắc nước ta cần phải tiến ngay vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, và có đủ điều kiện để bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội"¹.

Mục tiêu cơ bản của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc được xác định tại Đại hội lần thứ III của Đảng là: "Xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cân đối và hiện đại, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp và lấy công nghiệp nặng làm nền tảng, ưu tiên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002. t.21, tr.531.

phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. nhằm biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước có công nghiệp hiện đại và nông nghiệp hiện đại¹. Thực hiện chủ trương đó. Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (khoá III) đề ra phương hướng xây dựng và phát triển công nghiệp là: Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý; kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp; ra sức phát triển công nghiệp nhẹ song song với việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng; ra sức phát triển công nghiệp trung ương, đồng thời đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương.

Ngày 30-4-1975, miền Nam được giải phóng, đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất cùng quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trước tình hình trong nước và quốc tế có nhiều thay đổi, trên cơ sở những nhận thức cơ bản về công nghiệp hoá ở miền Bắc, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976) đã đề ra đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa: "Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ

1. *Sđd*, t.21, tr.545 - 546.

nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất"¹.

Sau 5 năm thực hiện đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa do Đại hội IV đề ra (1976 - 1981), Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3-1982) đã có sự điều chỉnh: "*Cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý*"². Đó là sự điều chỉnh đúng đắn, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, trong những năm 1960 - 1985, chúng ta đã không làm đúng sự điều chỉnh chiến lược quan trọng này.

1. *Sđd*, t.37, tr.653.

2. *Sđd*, t.43, tr.71.

2. Đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới (từ năm 1986)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986) với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật" đã nghiêm khắc chỉ ra những sai lầm trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hoá thời kỳ năm 1960 - 1985: chúng ta đã phạm sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế. Do tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội muốn bỏ qua những bước đi cần thiết nên chúng ta đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hoá trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết: trong bố trí cơ cấu kinh tế, xuất phát từ mong muốn đi nhanh, không kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu hợp lý, thiên về xây dựng công nghiệp nặng, không tập trung sức giải quyết về căn bản các vấn đề lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Kết quả là đầu tư nhiều nhưng hiệu quả thấp; không thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Đại hội V, chưa coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, công nghiệp nặng không phục vụ kịp thời nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Từ việc chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã cụ thể hoá

những nội dung chính của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên được Đại hội lần thứ V của Đảng xác định là "phải thật sự tập trung sức người, sức của vào việc thực hiện cho được ba chương trình mục tiêu về *lượng thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*"¹.

Hội nghị Trung ương 7 khoá VII (tháng 1-1994) đã có bước đột phá mới về phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Theo đó "công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao"².

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996) đã khẳng định: "Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Nhiệm vụ để ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang

1. *Sđđ*, t.47, tr.380-381.

2. *Sđđ*, t.53, tr.554.

thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước¹. Đồng thời Đại hội đề ra các quan điểm về công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng như những nội dung cơ bản của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm còn lại của thập kỷ 90 thế kỷ XX.

Tiếp đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4-2006) tiếp tục bổ sung một số điểm mới về công nghiệp hoá:

- Con đường công nghiệp hoá ở nước ta cần và có thể tận dụng những kinh nghiệm, công nghệ và thành quả của các nước đi trước nhằm rút ngắn thời gian, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta là phải phát triển nhanh và có hiệu quả các sản phẩm, các ngành, các lĩnh vực có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nghĩa là phải tiến hành công nghiệp hoá trong một nền kinh tế mở, hướng ngoại.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.67-68.

- Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn hướng vào việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

3. Về mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (tháng 1-1994) đã đánh dấu bước đột phá về phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hội nghị nêu rõ "*Mục tiêu lâu dài* của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng - an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh"¹. Hội nghị chỉ rõ: từ nay đến năm 2000, việc đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải nhằm đạt và vượt các mục tiêu đã xác định trong chiến lược kinh tế - xã hội năm 1991 - 2000. Tiếp đó, ở mỗi giai đoạn phát triển Đảng ta đã có những mục tiêu cụ thể. Đại hội X của Đảng xác định mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội. 2007. t.53, tr.558.

hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Về quan điểm chỉ đạo phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã được Đảng ta đề ra tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (tháng 1-1994) và tiếp tục được phát triển, bổ sung ở các Đại hội VIII, Đại hội IX và Đại hội X của Đảng. Các quan điểm cơ bản đó là:

- Công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá và công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và của công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

- Khoa học và công nghệ là nền tảng và là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

Đại hội XI của Đảng xác định phải “đổi mới mô hình

tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh, bền vững”¹.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung phát triển năm 2011) (gọi tắt là Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)) khẳng định: “*Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”².

Để thực hiện mục tiêu trên, Cương lĩnh chỉ ra tám phương hướng cơ bản trong đó phương hướng đầu tiên là “đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường”³. Như vậy, so với Đại hội X, về vấn đề này Đảng ta đã bổ sung là phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, *bảo vệ tài nguyên và môi trường*.

4. Nội dung và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

Nội dung:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 191.

2. 3. *Sđd* tr. 71, 72.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4-2006) xác định rõ: "Chúng ta tranh thủ các cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Phải coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hoá, hiện đại hoá"¹. Cụ thể là: Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức; coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước; xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ; giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động của tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là các ngành, lĩnh vực có sức cạnh tranh cao.

Định hướng phát triển:

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân.
- Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.28-29.

- Phát triển kinh tế vùng.
- Phát triển kinh tế biển.
- Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ.
- Bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên.

Về định hướng phát triển Đại hội XI bổ sung: “Phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, tiếp tục tạo nền tảng cho một nước công nghiệp và nâng cao khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế”¹, “Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn”²; “Ưu tiên phát triển và hiện đại hóa các dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, du lịch, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ”³.

Sau hơn 25 năm thực hiện đường lối đổi mới, đất nước ta đã thu được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, đặc biệt là những thành tựu nổi bật của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Điều đó có ý nghĩa hết sức quan trọng là cơ sở phấn đấu để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

1. 2. 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.193, 195, 198.

Câu hỏi 24: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

Trả lời:

1. Quá trình hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường trong thời kỳ đổi mới

Trước đổi mới, nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hoá, tập trung, hành chính và bao cấp, do đó đã nhận thức không đúng về cơ chế thị trường, về sản xuất hàng hoá và vai trò của các thành phần kinh tế.

Xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới, sau một thời gian tìm tòi, khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn, Đại hội VI của Đảng (1986) kiên quyết xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thừa nhận sự tồn tại khách quan của sản xuất hàng hoá và vai trò của thị trường. Đến Đại hội VII (1991), Đảng tiếp tục bổ sung tư duy khoa học về kinh tế hàng hoá: "*Phát triển một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường*

có sự quản lý của Nhà nước"¹. Đại hội VIII của Đảng (1996) đưa ra quan niệm mới, rất quan trọng về kinh tế hàng hóa và chủ nghĩa xã hội: "Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng"². Nhưng vào thời điểm Đại hội VIII, vẫn chưa gọi là kinh tế thị trường. Như vậy, từ Đại hội VI (1986) đến hết nhiệm kỳ Đại hội VIII (2001) là thời kỳ đổi mới toàn diện, cả về cấu trúc và cơ chế vận hành của nền kinh tế với nội dung chính là nhận thức đúng hơn về kế hoạch hoá, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đến Đại hội IX (2001) khai niệm "kinh tế thị trường" mới chính thức được nêu trong văn kiện của Đảng "... thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước

1. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.11, 12.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.97.

theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"¹ và xem đó là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Như vậy, lần đầu tiên sau 15 năm đổi mới, Đảng đã trình bày một cách sáng rõ và có hệ thống về cấu trúc tổng thể của mô hình kinh tế nước ta - đó là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa với tính hướng đích, chế độ sở hữu, vai trò của các thành phần kinh tế, chế độ quản lý, chế độ phân phối, vai trò của Nhà nước... Đây là bước chuyển quan trọng từ nhận thức kinh tế thị trường như một công cụ, một cơ chế quản lý sang nhận thức mới, coi kinh tế thị trường như một chính thể, là cơ sở kinh tế của sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội X (2006) Đảng tiếp tục khẳng định: "*Để đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá...*"². Kế thừa tư duy Đại hội IX, Đại hội X của Đảng đã làm sáng tỏ thêm một

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2001, tr.86.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2006, tr.69.

bước *nội dung cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa* trong phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta, gồm bốn nội dung sau:

Thứ nhất, về mục tiêu: Nhằm thực hiện "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

Thứ hai, về phương hướng phát triển: Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), nhiều thành phần kinh tế (kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) nhằm giải phóng sức sản xuất, giải phóng tiềm năng phát triển của mỗi thành phần kinh tế, mỗi cá nhân, mỗi vùng miền.... là cách để phát huy tối đa nội lực, tạo sức bật để phát triển nhanh và bền vững. Trong nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là công cụ chủ yếu để Nhà nước điều tiết nền kinh tế, định hướng cho sự phát triển vì mục tiêu, thể hiện định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế; kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Thứ ba, về định hướng xã hội và phân phối: Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển: tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

Thứ tư, về định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực quản lý: Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tiêu chí này thể hiện sự khác biệt cơ bản giữa nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa với kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá X (tháng 1-2008) đã đề ra mục tiêu, quan điểm, chủ trương và giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Mục tiêu cơ bản: Làm cho các thể chế phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường, thúc đẩy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật bảo đảm cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển thuận lợi; phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước đi đôi với phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; hình thành một số tập đoàn kinh tế, các tổng công ty đa sở hữu, áp dụng mô hình quản trị hiện đại, có năng lực cạnh tranh quốc tế; đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công; phát triển đồng bộ, đa dạng theo định hướng thống nhất các loại thị trường cơ bản trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới; giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hoá, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; nâng cao hơn hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và nhân dân trong quản lý phát triển kinh tế - xã hội.

Giai đoạn từ năm 2010 - 2020: Tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao trình độ phát triển của nền kinh tế, hoàn thành về cơ bản mục tiêu chung nêu trên.

Các quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

- Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế. Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá và bảo vệ môi trường.

- Chủ động, tích cực với quyết tâm chính trị cao, tập trung giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, bức xúc, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm, vừa tổng kết, rút kinh nghiệm.

- Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới của nước ta: chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

a) Thống nhất nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Kinh tế thị trường là kiểu tổ chức kinh tế dựa trên cơ sở đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh. Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại, được phát triển tới trình độ cao dưới chủ nghĩa tư bản, nhưng tự bản thân kinh tế thị trường không phải là sản phẩm hay đặc trưng riêng có của chủ nghĩa tư bản.

- Cần thiết sử dụng kinh tế thị trường được sử dụng làm phương tiện xây dựng chủ nghĩa xã hội; kinh tế thị trường là cơ sở kinh tế của sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; là nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội và các yếu tố bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp.

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu: Thừa nhận về mặt pháp lý sự tồn tại khách quan, khuyến khích sự phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các loại hình doanh nghiệp, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu trong nền kinh tế; xây dựng,

hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản mới như: trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước, khoáng sản...

- Hoàn thiện thể chế về phân phối: Thể chế phân phối bảo đảm tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách phát triển; bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, người lao động và doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động, doanh nghiệp và bảo đảm lợi ích quốc gia.

- Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế.

- Phát huy quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân để làm giàu cho bản thân và đóng góp cho xã hội. Mọi thành phần kinh tế, các chủ thể tham gia thị trường đều được coi trọng, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và văn minh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo¹.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật².

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 205, 209.

c) Hoàn thiện thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường: Tiếp tục hoàn thiện thể chế về giá, về cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh; hoàn thiện khung pháp lý cho ký kết, thực hiện hợp đồng, cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển, hoàn thiện thể chế giám sát, điều tiết thị trường và xúc tiến thương mại, đầu tư, giải quyết tranh chấp.

- Hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các loại thị trường:

+ Hoàn thiện thể chế thị trường hàng hoá, dịch vụ. Đa dạng hoá các loại thị trường hàng hoá, dịch vụ theo hướng văn minh, hiện đại, chú trọng phát triển thị trường dịch vụ. Thực hiện tự do hoá thương mại và đầu tư phù hợp với các cam kết quốc tế. Tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hoá và dịch vụ, nhất là những hàng hoá, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống nhân dân.

+ Hoàn thiện thể chế thị trường tài chính: Phát huy tốt hơn vai trò điều hành thị trường tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát. Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách cho hoạt động và phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán. Có chính sách, biện pháp đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các sản phẩm bảo hiểm.

+ Hoàn thiện thể chế thị trường bất động sản: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bất động sản, sửa đổi Luật đất đai..., làm cho các quyền về đất đai và bất động sản được vận động theo cơ chế thị trường.

+ Hoàn thiện thể chế thị trường lao động: Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, chính sách về tiền lương, tiền công, trong đó tiền lương được coi là giá cả của sức lao động hình thành theo quy luật của thị trường, dựa trên cung cầu về sức lao động.

+ Hoàn thiện thể chế thị trường công nghệ: Xây dựng đồng bộ luật pháp, cơ chế, chính sách quản lý và hỗ trợ phát triển các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ và nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp; đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý khoa học và công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường. Hoàn thiện tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý thị trường công nghệ.

d) Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường.

Thực hiện chính sách khuyến khích làm giàu đi đôi với tích cực thực hiện giảm nghèo. Gắn giảm nghèo với đẩy mạnh tăng trưởng và phát triển, coi chính sách giảm nghèo không chỉ nhằm mục tiêu ổn định mà còn tạo động lực cho sự phát triển. Xây dựng một hệ thống bảo hiểm xã hội đa dạng và linh hoạt, phù hợp với

yêu cầu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, chính sách về bảo vệ môi trường, giám sát chặt chẽ việc thực hiện; có chế tài đủ mạnh đối với các trường hợp vi phạm.

e) Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Vai trò lãnh đạo của Đảng về kinh tế là chỉ đạo nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để xác định rõ, cụ thể và đầy đủ hơn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tổ chức tốt việc tuyên truyền, giáo dục nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

- Đổi mới, nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước: Phát huy mặt tích cực và hạn chế, ngăn ngừa mặt trái của cơ chế thị trường, tạo điều kiện thuận lợi để nền kinh tế thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả.

- Nhà nước tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để các tổ chức dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và của nhân dân tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát thực hiện luật pháp và các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

3. Thành tựu, hạn chế của quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- *Thành tựu:*

Sau 25 năm đổi mới, đất nước ta đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đổi mới của Đảng đã được thể chế hóa thành Hiến pháp, pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển.

Chế độ sở hữu và cơ cấu các thành phần kinh tế được đổi mới cơ bản. Điều đó đã tạo ra động lực và điều kiện thuận lợi cho giải phóng sức sản xuất, khai thác tiềm năng trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội.

Các loại thị trường cơ bản đã ra đời và từng bước phát triển thống nhất trong cả nước, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã đi vào cuộc sống. Quản lý nhà nước về kinh tế được đổi mới, chuyển từ can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính sang quản lý bằng luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ điều tiết vĩ mô khác.

Việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, xóa đói, giảm nghèo được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả tích cực.

- *Hạn chế:*

Quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta còn chậm. Chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế: hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, đồng bộ và thống nhất; chưa lường hết tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, nhất là trong lĩnh vực xã hội để có biện pháp hữu hiệu hạn chế và ngăn ngừa...

Nguyên nhân của những hạn chế: Việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là hoàn toàn mới, phải vừa làm, vừa tổng kết, rút kinh nghiệm. Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều hạn chế. Công tác lý luận chưa theo kịp đòi hỏi của thực tiễn. Nền kinh tế vẫn còn trong tình trạng kém phát triển; sự chênh lệch giữa các vùng, miền, các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư còn cao. Năng lực thể chế hóa và quản lý, tổ chức thực hiện của Nhà nước còn hạn chế. Vai trò tham gia hoạch định chính sách, thực hiện và giám sát thực hiện chính sách của các tổ chức dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp còn yếu.

Câu hỏi 25: Đường lối của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị ở nước ta?

Trả lời:

Trong mỗi giai đoạn cách mạng, từ khi Đảng Cộng sản cầm quyền sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khái niệm hệ thống chính trị được diễn đạt bằng những thuật ngữ khác nhau. Trước năm 1986 và trong những năm đầu của quá trình đổi mới, trong các văn kiện Đảng sử dụng khái niệm "chuyên chính vô sản", "hệ thống chuyên chính vô sản". Từ Hội nghị Trung ương 6, khoá VI (tháng 3-1989), Đảng ta chính thức sử dụng khái niệm "hệ thống chính trị".

Hệ thống chính trị của chủ nghĩa xã hội được quan niệm là hệ thống của các tổ chức chính trị - xã hội mà nhờ đó nhân dân lao động được thực thi quyền lực của mình trong xã hội. Hệ thống chính trị này bao trùm và điều chỉnh mọi quan hệ chính trị giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội; giữa các dân tộc trong cộng đồng xã hội; giữa các yếu tố xã hội. tập thể và cá nhân về vấn đề quyền lực, về hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển xã hội.

Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay bao gồm bộ máy tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và 5 đoàn thể chính trị - xã hội (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Hội Nông dân Việt Nam) và các mối quan hệ giữa các thành tố trong hệ thống.

1. Đường lối của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị từ năm 1945 - 1986

- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, đánh dấu sự hình thành ở nước ta một hệ thống chính trị cách mạng dựa trên nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, có nhiệm vụ thực hiện đường lối vừa kháng chiến, vừa kiến quốc (1945 - 1954), vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa thực hiện đấu tranh thống nhất nước nhà (1954 - 1975), đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết; có một chính quyền tự xác định là công bộc của dân, coi dân là chủ và dân làm chủ, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

- Sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (tháng 4-1975), cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước. Do đó, hệ thống chính trị của nước ta cũng chuyển sang giai đoạn mới: từ hệ thống

chuyên chính dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản ở miền Bắc (1954 - 1975) sang hệ thống chuyên chính vô sản hoạt động trên phạm vi cả nước theo quan điểm của Đại hội Đảng lần thứ IV (tháng 12-1976): "... *điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*"¹.

Hệ thống chính trị chuyên chính vô sản ở nước ta được hình thành trên những cơ sở:

- Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ và về chuyên chính vô sản, trong đó khẳng định: muốn chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội phải có một thời kỳ chuyên chính vô sản lâu dài. Chuyên chính vô sản là một tất yếu của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Bản chất của chuyên chính vô sản là tiếp tục đấu tranh giai cấp dưới hình thức mới. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các quốc gia cần vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện lịch sử cụ thể của nước mình.

- Xuất phát từ đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, Đại hội IV của Đảng xác định: "... nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr 988-989.

tập thể của nhân dân lao động, đẩy mạnh *ba cuộc cách mạng*: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật và cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt¹. Đường lối này tiếp tục được khẳng định tại Đại hội V của Đảng (tháng 3-1982).

- Cơ sở chính trị của hệ thống chuyên chính vô sản được hình thành từ năm 1930 và bất rã vững chắc trong lòng dân tộc và xã hội. Điểm cốt lõi của cơ sở chính trị đó là sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của Đảng.

- Cơ sở kinh tế của hệ thống chuyên chính vô sản là nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp.

- Cơ sở xã hội của hệ thống chuyên chính vô sản là liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

Xuất phát từ cơ sở kinh tế, chính trị và xã hội của hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta, đường lối xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản mang đặc điểm Việt Nam đã hình thành, trong đó khẳng định: Xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tức là xây dựng hoàn chỉnh các quan hệ xã hội, thể hiện ngày càng đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân lao động trên tất cả các mặt với những nội dung cơ bản sau:

1. *Sđđ*, t.37, tr 989.

+ Xác định quyền làm chủ của nhân dân được thể chế hoá bằng pháp luật và tổ chức.

+ Xác định Nhà nước trong thời kỳ quá độ phải thực hiện quyền làm chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và thông qua đó Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với tiến trình phát triển của xã hội. Do vậy, Nhà nước phải là một thiết chế của dân, do dân, vì dân.

+ Đảng là người lãnh đạo toàn bộ hoạt động xã hội trong điều kiện chuyên chính vô sản. Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện cao nhất bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo đảm sự tồn tại và hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

+ Mặt trận và các đoàn thể là tổ chức bảo đảm cho quần chúng tham gia và kiểm tra công việc của Nhà nước, đồng thời là trường học về chủ nghĩa xã hội. Do vậy, các đoàn thể phải không ngừng đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động cho phù hợp với điều kiện mới để thu hút ngày càng đông đảo quần chúng vào các hoạt động chính trị xã hội.

+ Xác định rõ mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và quần chúng nhân dân, trong đó Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đường lối xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản đã nhanh chóng được triển khai, góp phần mang lại thành tựu cơ bản trong 10 năm đầu cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội đầy khó khăn và thử thách. Điểm tìm tòi sáng tạo trong giai đoạn này

của Đảng là đã coi làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là bản chất của hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta, đã xây dựng mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ. Nhà nước quản lý thành cơ chế chung trong hoạt động của hệ thống chính trị ở tất cả các cấp. Tuy nhiên, trong giai đoạn trước đổi mới, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân chưa được xác định thật sự rõ ràng, vì vậy chế độ trách nhiệm không nghiêm, pháp chế xã hội chủ nghĩa còn nhiều thiếu sót.

2. Đường lối của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới

a) Quá trình hình thành đường lối của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới

Quá trình hình thành đường lối của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới xuất phát từ nhận thức mới về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị; nhận thức mới về mục tiêu đổi mới hệ thống chính trị, về đấu tranh giai cấp và về động lực chủ yếu phát triển đất nước trong giai đoạn mới; nhận thức mới về cơ cấu và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị, về xây dựng Nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị và về vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị.

Xuất phát từ tình hình thực tiễn của đất nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986) đã

đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Đảng ta khẳng định đổi mới là một quá trình, bắt đầu từ đổi mới kinh tế. trước hết là tư duy kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới hệ thống chính trị. Đổi mới hệ thống chính trị là điều kiện quan trọng thúc đẩy sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế. Do vậy, cùng với đổi mới kinh tế, trên cơ sở nhận thức về mục tiêu của đổi mới hệ thống chính trị. Đảng đã đề ra đường lối xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới.

b) Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị trong thời kỳ đổi mới

- *Mục tiêu chủ yếu xây dựng hệ thống chính trị của Đảng ta là nhằm thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.*

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “*Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước*”¹. Như vậy, nhân dân thực hiện quyền làm chủ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.84 - 85.

thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

- Để thực hiện mục tiêu đã đề ra, xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay dựa trên các *quan điểm chỉ đạo* sau đây:

+ Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, trong đó lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

+ Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

+ Đổi mới hệ thống chính trị phải tiến hành một cách toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

+ Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội.

c) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam thời kỳ đổi mới

- Vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu trong xây dựng hệ thống chính trị là xây dựng Đảng nhằm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc

Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991) đã xác định: "Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy"¹. Trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các bộ phận cấu thành hệ thống, trong đó vấn đề mấu chốt nhất và khó khăn nhất là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Nghị quyết Trung ương 5 khoá X về *Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị* đã chỉ rõ các mục tiêu giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, nâng cao tính khoa học, năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng và nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Đổi mới phương thức lãnh đạo đối với hệ thống chính trị phải đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tiến hành đồng bộ các mặt của công tác xây dựng Đảng với đổi mới tổ chức hoạt động của cả

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.21.

hệ thống chính trị. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đổi với hoạt động của hệ thống chính trị ở mỗi cấp, mỗi ngành vừa phải quán triệt nguyên tắc chung, vừa phải phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ của từng ngành, từng cấp.

- Xây dựng hệ thống chính trị cần phải tăng cường xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

+ Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và các quyết định của các cơ quan công quyền.

+ Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, hoàn thành cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội. Đổi mới quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh.

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại.

+ Xây dựng cơ quan tư pháp trong sạch, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp.

+ Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp.

- *Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị* để đoàn kết rộng rãi nhân dân, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, đề xuất các chủ trương, chính sách về kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng. Đổi mới hoạt động của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội, khắc phục tình trạng hành chính hoá, nhà nước hoá, phô trương, hình thức, làm tốt công tác dân vận.

d) Đánh giá quá trình thực hiện đường lối xây dựng hệ thống chính trị ở nước ta trong thời kỳ đổi mới

Với đường lối đổi mới đúng đắn, tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta đã có những bước tiến quan trọng.

- Tổ chức bộ máy được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Hoạt động của hệ thống chính trị ngày càng hướng về cơ sở.

- Dân chủ trong xã hội có bước phát triển, trình độ và năng lực làm chủ của nhân dân từng bước được nâng lên.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước được phân định rõ hơn. Nhà nước từng bước được kiện toàn từ cơ cấu tổ chức đến cơ chế hoạt động trên các lĩnh vực

lập pháp, hành pháp và tư pháp. Những quan điểm của Đảng về Nhà nước đã được thể chế hoá trong hiến pháp và các đạo luật cụ thể.

- Quản lý nhà nước bằng pháp luật được tăng cường.
- Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới về cơ cấu, tổ chức và phương thức hoạt động đa dạng.
- Đảng thường xuyên coi trọng việc đổi mới và tự chỉnh đốn, giữ vững, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng.

Những kết quả trên đã khẳng định đường lối đổi mới hệ thống chính trị là đúng đắn và phù hợp với thực tiễn. Tuy nhiên, trong thực tế khi vận hành hệ thống chính trị chúng ta còn nhiều khuyết điểm như: năng lực và hiệu quả hoạt động của Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc cũng như các tổ chức chính trị - xã hội chưa ngang tầm với đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng mới; cải cách hành chính quốc gia còn nhiều hạn chế, tình trạng quan liêu, hách dịch, nhũng nhiễu của một bộ phận công chức nhà nước chưa được khắc phục. Nạn tham nhũng trong hệ thống chính trị còn trầm trọng, quyền làm chủ của nhân dân bị vi phạm; phương thức hoạt động của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội chưa thoát khỏi tình trạng xơ cứng, hành chính; thực hiện vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận cũng như các tổ chức chính trị - xã hội còn yếu, chưa có cơ chế

thật hợp lý; phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị còn chậm đổi mới. Có mặt lúng túng.

Mặc dù còn có những hạn chế, nhưng những kết quả về đổi mới hệ thống chính trị đã góp phần làm nên những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử trong hơn 20 năm đổi mới đất nước.

Câu hỏi 26: Đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc?

Trả lời:

1. Quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng nền văn hoá thời kỳ trước đổi mới

Khái niệm văn hoá chủ yếu được hiểu theo nghĩa hẹp: "Văn hoá là đời sống tinh thần của xã hội", "Văn hoá là hệ các giá trị, truyền thống, lối sống", "Văn hoá là năng lực sáng tạo" của một dân tộc, "Văn hoá là bản sắc" của một dân tộc. là cái để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác. Văn hoá theo nghĩa rộng là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra trong lịch sử.

Lần đầu tiên Đảng ta đề ra chủ trương phát triển văn hoá là tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (đầu năm 1943 tại Võng La, Đông Anh, Phúc Yên) thông qua bản *Đề cương văn hoá Việt Nam* do đồng chí Trường Chinh trực tiếp dự thảo. Đề cương xác định văn hoá là một trong ba mặt trận của cách mạng Việt Nam và đề ra ba nguyên tắc của nền văn hoá mới là *dân tộc hoá, đại chúng hoá và khoa học hoá*.

Tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (ngày 3-9-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra 6 nhiệm vụ cấp bách cần làm ngay, trong đó có 2 nhiệm vụ cấp bách thuộc về lĩnh vực văn hoá, đó là diệt giặc dốt và giáo dục lại tinh thần cho nhân dân, làm cho dân tộc ta trở thành một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng với nước Việt Nam độc lập.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đường lối văn hoá của Đảng được trình bày trong Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* (ngày 25-11-1945), Báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam* (tại Hội nghị văn hoá toàn quốc lần thứ hai tháng 7-1948). Đường lối đó xác định mối quan hệ giữa văn hoá và cách mạng giải phóng dân tộc, cổ động văn hoá cứu quốc, xây dựng nền văn hoá dân chủ mới Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng, tích cực bài trừ nạn mù chữ, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ hủ tục, ngăn ngừa sức thâm nhập của văn hoá thực dân phản động, hình thành đội ngũ trí thức mới đóng góp tích cực cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi văn hoá, văn nghệ là một mặt trận, văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy.

Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối xây dựng và phát triển văn hoá được bắt đầu hình thành từ Đại hội lần thứ III của Đảng (1960) với chủ trương tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và

văn hoá đồng thời với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học - kỹ thuật, xây dựng và phát triển nền văn hoá mới, con người mới. Đại hội IV (1976) và Đại hội V (1982) của Đảng tiếp tục đường lối phát triển văn hoá của Đại hội III, xác định nền văn hoá mới là nền văn hoá có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân. Nhiệm vụ văn hoá quan trọng của giai đoạn này là tiến hành cải cách giáo dục trong cả nước, phát triển mạnh khoa học, văn hoá nghệ thuật, giáo dục tinh thần làm chủ tập thể, chống tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, xoá bỏ ảnh hưởng của tư tưởng văn hoá thực dân mới ở miền Nam.

Công tác tư tưởng, văn hoá của Đảng thời kỳ này đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của cả nước. Cùng với độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, những thành quả về văn hoá là một trong những thành tố của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

2. Quá trình đổi mới tư duy và chủ trương phát triển nền văn hoá của Đảng thời kỳ đổi mới đất nước

Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về chức năng, vị trí, vai trò của nền văn hoá trong phát triển kinh tế -

xã hội và hội nhập quốc tế được hình thành từng bước từ Đại hội VI (1986) đến Đại hội X (2006).

Đại hội VI (1986) xác định: Khoa học - kỹ thuật là động lực to lớn đẩy mạnh quá trình phát triển kinh tế - xã hội, có vị trí then chốt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (1991) đưa ra quan niệm về xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Cương lĩnh chủ trương xây dựng nền văn hoá mới phong phú, đa dạng, dân chủ, tiến bộ, kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của các dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, chống tư tưởng văn hoá phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời xác định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

Tiếp theo Nghị quyết Đại hội VII, VIII, IX, X và nhiều Nghị quyết Trung ương sau đó đã xác định văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội và coi văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển. Khoa học và giáo dục đóng vai trò then chốt trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, là động lực đưa đất nước thoát ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII (tháng 7-1998) ra Nghị quyết về

xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc nhằm đề ra phương hướng chiến lược và các giải pháp cụ thể lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hoá đất nước. Hội nghị đã đề ra các phương hướng, nhiệm vụ và các quan điểm chỉ đạo cơ bản nhằm phát triển nền văn hoá trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Những quan điểm cơ bản đó là:

- Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

- Văn hoá là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Hội nghị cũng đã nêu rõ trong thời gian tới cần phải thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cụ thể sau: Xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới với những đức tính cao đẹp; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh; phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật;

bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá; phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ; phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng; bảo tồn, phát huy và phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số; thực hiện chính sách văn hoá đối với tôn giáo; mở rộng hợp tác quốc tế về văn hoá; củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hoá.

Hội nghị Trung ương 9 khoá IX (tháng 1-2004) tiếp tục bổ sung "phát triển văn hoá đồng bộ với phát triển kinh tế". Hội nghị Trung ương 10 khoá IX (tháng 7-2004) đã nhấn mạnh mối quan hệ giữa văn hoá và công tác văn hoá với các lĩnh vực khác, nhấn mạnh sự kết hợp giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt với nhiệm vụ không ngừng nâng cao văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội. Hội nghị nêu rõ: cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế đã tác động đến mối quan hệ giữa các cá nhân với cộng đồng, thúc đẩy dân chủ hoá đời sống xã hội và làm đa dạng hoá phương thức sinh hoạt văn hoá. Đó chính là những thách thức mới đối với sự lãnh đạo và quản lý công tác văn hoá của Đảng và Nhà nước.

3. Quan điểm và chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hoá

- Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế -

xã hội. Văn hoá phản ánh mọi mặt của đời sống xã hội, tạo nên giá trị, bản sắc riêng của mỗi dân tộc. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam không đơn thuần chỉ là sự tiến triển của các nhân tố kinh tế mà một phần quan trọng là sự phát huy của các giá trị văn hoá dân tộc. Mục tiêu xây dựng xã hội Việt Nam trở thành một xã hội "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"¹ do Đại hội X của Đảng đề ra (tháng 4-2006) chính là mục tiêu văn hoá. Đến Đại hội XI, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển 2011) đã phát triển: "*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*"². Như vậy, Đại hội XI đã chuyển từ "dân chủ" lên trước từ "công bằng", bởi vì, cả lý luận và thực tiễn đều chỉ rõ *dân chủ là điều kiện, tiền đề của công bằng, văn minh*; đồng thời để nhấn mạnh bản chất của xã hội ta là xã hội dân chủ theo đúng tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Vừa giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, vừa mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 77.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 70.

hay, cái tiến bộ của văn hoá thế giới, bắt kịp xu thế phát triển của thời đại. Chủ động tham gia hội nhập và giao lưu văn hoá quốc tế, xây dựng những giá trị mới của văn hoá Việt Nam. Xây dựng Việt Nam trở thành nơi giao lưu văn hoá quốc tế và khu vực.

- Xây dựng nền văn hoá Việt Nam thống nhất trong đa dạng cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Thống nhất bao hàm cả đa dạng, đa dạng nhưng phải thống nhất. Không có đồng hoá hay thôn tính lẫn nhau, kỳ thị bản sắc văn hoá của các dân tộc.

- Xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp chung của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

- Văn hoá là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp cách mạng lâu dài đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Sau 25 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước, chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng kể trong sự nghiệp xây dựng văn hoá. Điều đó đã chứng tỏ đường lối và các chính sách văn hoá của Đảng và Nhà nước đã có tác dụng tích cực, định hướng đúng đắn cho sự phát triển đời sống văn hoá tinh thần của toàn xã hội.

Câu hỏi 27: Đường lối và chủ trương của Đảng giải quyết các vấn đề xã hội?

Trả lời:

Các vấn đề xã hội bao gồm nhiều lĩnh vực như: giải quyết việc làm, thu nhập, bình đẳng xã hội, khuyến khích làm giàu, xoá đói giảm nghèo, chăm sóc sức khoẻ, cung ứng dịch vụ công, an sinh xã hội, cứu trợ xã hội, chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, v.v..

1. Thời kỳ trước đổi mới

a) Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội

Giai đoạn 1945 - 1954: Sau Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp, chính sách xã hội của Đảng được thực hiện theo tinh thần:

Làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân có học hành. Và với chủ trương: làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm. Chủ trương này đã nhanh chóng đi vào cuộc sống và đạt được những hiệu quả thiết thực.

Các vấn đề xã hội trong giai đoạn này giải quyết trong điều kiện xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân: Chính phủ có chủ trương và hướng dẫn để các tầng lớp nhân dân chủ động và tự tổ chức giải quyết các vấn đề xã hội của chính mình: chính sách tăng gia sản xuất (tự túc, tự cấp), chủ trương tiết kiệm, khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân, mọi thành phần xã hội phát triển kinh tế. Thực hiện chính sách điều hoà lợi ích giữa chủ và thợ.

- *Giai đoạn 1954 - 1975*: Các vấn đề xã hội được giải quyết theo mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đường lối cũ, trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Chế độ phân phối về thực chất là theo chủ nghĩa bình quân. Nhà nước và tập thể đáp ứng nhu cầu thiết yếu của xã hội, bằng chế độ bao cấp và dựa vào viện trợ của nước ngoài.

- *Giai đoạn 1975 - 1985*: Các vấn đề xã hội được giải quyết theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp, trong hoàn cảnh đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng, nguồn viện trợ giảm dần, đất nước bị bao vây, cô lập và cấm vận.

b) Đánh giá việc thực hiện đường lối

Chính sách xã hội trong 9 năm "kháng chiến, kiến quốc", tiếp đó là thời kỳ thực hiện cơ chế quản lý

tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp (1954 - 1985), tuy có nhiều hạn chế nhưng đã bảo đảm được sự ổn định của xã hội, đồng thời đạt được thành tựu phát triển đáng tự hào trên một số lĩnh vực: văn hoá, giáo dục, y tế, lối sống, đạo đức, kỷ cương và an ninh xã hội, hoàn thành nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

Những thành tựu đó nói lên bản chất tốt đẹp của chế độ mới - chế độ xã hội chủ nghĩa và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, giải quyết các vấn đề xã hội trong điều kiện chiến tranh kéo dài, kinh tế chậm phát triển.

c) Hạn chế và nguyên nhân

Trong xã hội đã hình thành tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể trong cách giải quyết các vấn đề xã hội; chế độ phân phối trên thực tế là bình quân - cào bằng, không khuyến khích được những đơn vị và cá nhân làm tốt, làm giỏi; đã hình thành nên một xã hội đóng, ổn định nhưng kém năng động, chậm phát triển về mọi mặt.

Nguyên nhân cơ bản của hạn chế trên là do chúng ta đặt chưa đúng tầm chính sách xã hội trong quan hệ với các chính sách thuộc các lĩnh vực khác, đồng thời lại áp dụng và duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp.

2. Trong thời kỳ đổi mới

a) Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12-1986), lần đầu tiên Đảng ta nâng các vấn đề xã hội lên tầm chính sách xã hội. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa chính sách xã hội với chính sách kinh tế và chính sách ở các lĩnh vực khác. Đại hội VI cho rằng, trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Do đó, cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế là đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người. Phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, đồng thời thực hiện tốt các chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

Đại hội VIII của Đảng (tháng 6-1996) nêu rõ hệ thống chính sách xã hội phải được hoạch định theo những quan điểm sau:

- Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt

quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất. ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tối năng lực của mình.

- Thực hiện nhiều hình thức phân phối.

- Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói, giảm nghèo.

- Các vấn đề chính sách xã hội phải được giải quyết theo tinh thần xã hội hoá. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) chủ trương các chính sách xã hội phải hướng vào phát triển và làm lành mạnh hoá xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

Đại hội X của Đảng (tháng 4-2006) chủ trương phải kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương. *Chính sách xã hội vì hạnh phúc con người*. Phương hướng lớn của chính sách xã hội là: Phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về

quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển; giữa đời sống vật chất với đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và công bằng xã hội. Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ. Đồng thời coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội.

Đại hội XI của Đảng khẳng định: “Hoàn thiện hệ thống chính sách, kết hợp chặt chẽ các mục tiêu, chính sách kinh tế với các mục tiêu, chính sách xã hội; thực hiện tốt tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững”¹.

b) Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

Một là, khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả các chính sách xoá đói, giảm nghèo.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.124.

Hai là, xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống chính sách, bảo đảm cung ứng dịch vụ công cộng thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân về giáo dục và đào tạo, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, văn hóa thông tin, thể dục thể thao. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng, phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Đa dạng hóa các loại hình cứu trợ xã hội.... tiếp tục đổi mới chính sách tiền lương, chính sách phân phối thu nhập.

Ba là, phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả, bảo đảm mọi người dân đều được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

Bốn là, xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi.

Năm là, thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

Sáu là, chú trọng chính sách ưu đãi xã hội. Vận động toàn dân tham gia các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" đối với các lão thành cách mạng, đối với những người có công với nước, người hưởng chính sách xã hội. Chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của người già, nhất là những người già cô đơn không nơi nương tựa. Giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam, người tàn tật, trẻ mồ côi, lang thang.

Bây là, đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng. Phát triển về quy mô gắn với chất lượng và hiệu quả các dịch vụ công cộng, nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước.

c) Kết quả thực hiện đường lối đổi mới chính sách xã hội

Sau 25 năm đổi mới chính sách xã hội, nhận thức về vấn đề phát triển xã hội của Đảng và nhân dân ta đã có những thay đổi:

- Từ tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể, trông chờ sự viện trợ đã chuyển sang tính năng động, chủ động và tích cực xã hội của tất cả các tầng lớp dân cư.

- Từ chỗ đề cao quá mức lợi ích của tập thể một cách chung chung, trừu tượng: thi hành chế độ phân phối theo lao động trên danh nghĩa nhưng thực tế là bình quân - cào bằng đã từng bước chuyển sang thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp các nguồn lực khác vào sản xuất - kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Nhờ vậy công bằng xã hội được thể hiện ngày càng rõ hơn.

- Từ chỗ không đặt đúng tầm quan trọng của chính sách xã hội trong mối quan hệ tương tác với chính sách kinh tế, đã đi đến thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội.

- Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm.

- Từ chỗ không chấp nhận có sự phân hoá giàu - nghèo đã đi đến khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói, giảm nghèo, coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển.

- Từ chỗ muốn nhanh chóng xây dựng một cơ cấu xã hội "thuần nhất" chỉ còn có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức đã đi đến quan niệm cần thiết xây dựng một cộng đồng xã hội đa dạng, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh.

Qua 25 năm đổi mới, lĩnh vực phát triển xã hội đạt nhiều thành tựu:

- Tính năng động xã hội khác hẳn thời bao cấp. Một xã hội đang dần dần hình thành với những con người không chờ bao cấp, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, không chấp nhận đói nghèo, lạc hậu, biết làm giàu, biết cạnh tranh và hành động vì cộng đồng, vì Tổ quốc.

- Cách thức quản lý xã hội dân chủ, cởi mở hơn, đề cao pháp luật hơn.

- Đã coi phát triển giáo dục và đào tạo, cùng khoa

học và công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

- Có cố gắng thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, tạo điều kiện để ai cũng được học hành, có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo.

d) Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

- Áp lực gia tăng dân số vẫn còn lớn. Chất lượng dân số còn thấp đang là cản trở lớn đối với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. Vấn đề việc làm rất bức xúc và nan giải.

- Sự phân hoá giàu - nghèo và bất công xã hội tiếp tục gia tăng đáng lo ngại.

- Tệ nạn xã hội gia tăng và diễn biến phức tạp, gây thiệt hại lớn về kinh tế và an sinh xã hội.

- Môi trường sinh thái tiếp tục bị ô nhiễm; tài nguyên bị khai thác bừa bãi và tàn phá.

- Hệ thống giáo dục, y tế lạc hậu, xuống cấp, có nhiều bất cập, an sinh xã hội chưa được bảo đảm.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là do:

- Tăng trưởng kinh tế vẫn tách rời mục tiêu và chính sách xã hội, chạy theo số lượng, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bền vững xã hội.

- Quản lý xã hội còn nhiều bất cập, không theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội.

Câu hỏi 28: Đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam?

Trả lời:

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, chủ trương đoàn kết các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp. Đây chính là kim chỉ nam cho việc xác lập tình hữu nghị, đoàn kết, hợp tác với nhân dân các nước, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, góp phần quan trọng vào những thắng lợi của cách mạng Việt Nam suốt gần 80 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, đồng thời cũng là sự khai sinh nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Thông qua *Tuyên ngôn độc lập* (ngày 2-9-1945) và *Thông cáo về chính sách ngoại giao của nước Cộng hòa Dân chủ Việt Nam* (3-9-1945), nhiệm vụ ngoại giao của nước ta là làm rõ trước toàn thế giới ba điều khẳng định:

1. Việt Nam là một nước tự do độc lập.
2. Nhân dân Việt Nam quyết tâm bảo vệ nền tự do độc lập ấy bằng tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải.
3. Nhân dân Việt Nam đoàn kết với nhân dân các nước, phấn đấu duy trì hòa bình, ổn định giữa các nước trong khu vực và thế giới, tôn trọng công lý và luật pháp quốc tế.

Trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975), đường lối đối ngoại của Đảng tuân thủ mục đích bất di, bất dịch là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ; quán triệt quan điểm kiên trì về nguyên tắc, mềm dẻo, linh hoạt về sách lược.

Thời kỳ cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975 - 1986), việc thắt chặt tình hữu nghị và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa là vấn đề hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Trong đó, đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam; củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác đặc biệt Việt Nam - Lào - Campuchia là điều có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của ba dân tộc. Ủng hộ cuộc đấu tranh của các nước Á, Phi, Mỹ latin và phong trào không liên kết; chủ trương thiết lập những quan hệ láng giềng tốt với các nước ASEAN, vì hòa bình và an ninh ở khu vực và trên thế giới, Việt Nam sẵn sàng

cùng các nước ASEAN tiến hành đối thoại và thương lượng tiến tới thực hiện một Đông Nam Á hòa bình và ổn định, hữu nghị và hợp tác.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986) khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Về mặt đối ngoại, hai nhiệm vụ lớn, hết sức cấp bách đặt ra: *một là*, phá vỡ thế bị bao vây, cấm vận; *hai là*, thích ứng bối cảnh khách quan của thế giới đang biến đổi sâu sắc với quá trình toàn cầu hóa kinh tế dưới tác động của cách mạng khoa học và công nghệ, với sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô, với những đảo lộn trong cục diện chính trị thế giới... Chính từ việc xử lý các vấn đề này, Đảng đã đổi mới đường lối đối ngoại, thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ đối ngoại trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ.

Quá trình hình thành và phát triển đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới của Đảng ta được đánh dấu bởi các mốc lớn như sau:

- Nghị quyết số 13 của Bộ Chính trị (khóa VI) tháng 5-1988 là mốc khởi đầu của quá trình đổi mới tư duy, nhận thức và đường lối đối ngoại của Đảng. Nghị quyết nhận định rằng, tình trạng kinh tế yếu kém, tình thế bị bao vây về kinh tế và cô lập về chính trị sẽ thành nguy cơ lớn đối với an ninh và độc lập dân tộc. Từ đó, đề ra nhiệm vụ ra sức tranh thủ các nước anh em, bè bạn và

dư luận rộng rãi trên thế giới, phân hóa hàng ngũ đối phương, làm thất bại âm mưu cô lập nước ta về kinh tế và chính trị; chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ trạng thái đối đầu sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình; ra sức lợi dụng sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - kỹ thuật và xu thế quốc tế hóa cao của kinh tế thế giới, đồng thời tranh thủ vị trí tối ưu trong phân công lao động quốc tế.

- Hội nghị Trung ương 6 (tháng 3-1989), Hội nghị Trung ương 7 (tháng 8-1989) và Hội nghị Trung ương 8 (tháng 3-1990) khóa VI với *"các nguyên tắc cơ bản cần được quán triệt trong quá trình đổi mới"* và các Nghị quyết *"Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay"*, *"Tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta"* đã tập trung đánh giá tình hình thế giới liên quan đến những biến động xảy ra ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, đề ra các quyết sách đối phó với những tác động phức tạp từ diễn biến của tình hình thế giới đối với nước ta và công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

- Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VII, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (tháng 6-1992) thông qua Nghị quyết *Thời cuộc hiện nay và nhiệm vụ của chúng ta*, xác định rõ nhiệm vụ công tác đối ngoại, tư tưởng chỉ đạo chính sách đối ngoại.

các phương châm xử lý các vấn đề quan hệ quốc tế; đề ra chủ trương mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ đối ngoại của Việt Nam, cả về chính trị, kinh tế, văn hóa..., trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ và các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp và bản sắc văn hóa dân tộc... Đây là văn kiện đánh dấu sự hình thành đường lối đối ngoại của Đảng ta cho thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước.

- Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1-1994) và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6-1996) của Đảng chính thức khẳng định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với tinh thần "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển" được đề ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991).

- Đại hội IX của Đảng (tháng 4-2001) khẳng định, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục thực hiện nhất quán

1. Đảng Cộng sản Việt Nam *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.120.

đường lối đối ngoại đó với một tinh thần mạnh mẽ hơn và một tâm thế chủ động hơn bằng tuyên bố: "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"¹.

- Hội nghị Trung ương 8, khóa IX (tháng 7-2003) của Đảng thông qua *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, trong đó đề cập nhiều nội dung hết sức quan trọng về đối ngoại, đặc biệt là ba vấn đề: về các mâu thuẫn của thế giới hiện nay; về lợi ích của Việt Nam; về đối tượng, đối tác. Nhấn mạnh vấn đề cốt lõi trong mọi hoạt động đối ngoại là phải tìm cách thực hiện tối đa lợi ích của đất nước. Do đó, việc nhận thức thật rõ lợi ích của đất nước là điều vô cùng quan trọng. Nghị quyết chỉ rõ: "độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu cơ bản của cách mạng và cũng là lợi ích căn bản của quốc gia". Từ đó, nhấn mạnh "lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc". Về đối tác, đối tượng, Hội nghị Trung ương 8 khóa IX nêu rõ: "những ai chủ trương tôn trọng độc lập chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng cùng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.119.

có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta. Bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh.... Trong mỗi đối tượng vẫn có mặt cân tranh thù, hợp tác; trong một số đối tác, có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta"¹. Đó chính là cơ sở mở rộng và phát triển các mối quan hệ vừa hợp tác vừa đấu tranh với các chủ thể quan hệ quốc tế.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4-2006) tiếp tục khẳng định: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực"².

1. Dẫn theo: Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết lý luận: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006)*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.95.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.112

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã nâng chủ trương: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác lên thành “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” và phát triển chủ trương “là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế” lên thành “là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”².

Với đường lối đối ngoại rộng mở trên. sau 25 năm đổi mới, trên lĩnh vực đối ngoại, nhân dân ta đã giành được những thành tựu quan trọng, góp phần không nhỏ làm nên những thành tựu to lớn của thời kỳ đổi mới:

- Phá thế bị bao vây, cấm vận; mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa; giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia.

Từ chỗ bị bao vây, cấm vận về kinh tế, cô lập về chính trị, chúng ta đã chủ động tham gia giải pháp chính trị vấn đề Campuchia (năm 1989), bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (năm 1991), với Mỹ (năm 1995); gia nhập ASEAN (năm 1995). Lần đầu tiên trong lịch sử, nước ta có quan hệ với tất cả các nước lớn. Hiện nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 235 - 236, 236.

với trên 170 nước trong số hơn 200 nước trên thế giới, có quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư với 165 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Nước ta hiện là thành viên của 63 tổ chức quốc tế và khu vực. Đảng ta có quan hệ ở các mức độ khác nhau với trên 200 chính đảng ở các nước trên khắp các châu lục. Các đoàn thể và tổ chức nhân dân ta có quan hệ với hàng trăm tổ chức nhân dân, tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế.

- *Xác lập quan hệ ổn định với các nước lớn.* Tất cả các nước lớn đều coi trọng vai trò của Việt Nam ở Đông Nam Á. Việt Nam đã ký Hiệp định về hợp tác với EU (năm 1995); Thỏa thuận với Trung Quốc khung khổ quan hệ "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" (năm 1999); Tuyên bố về quan hệ đối tác chiến lược với Nga (năm 2001), khung khổ quan hệ đối tác tin cậy và ổn định lâu dài với Nhật Bản (năm 2002). Từng bước bình thường hóa hoàn toàn quan hệ với Mỹ, mở ra thị trường Mỹ.

- *Giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển, đảo với các nước liên quan, giữ vững môi trường hòa bình,* tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội. Đàm phán thành công với Malaixia về giải pháp "gác tranh chấp, cùng khai thác" ở vùng biển chồng lấn giữa hai nước, sau đó đạt được thỏa thuận về

vùng chồng lấn với Indônêxia, Thái Lan trên cơ sở bình đẳng, hai bên cùng có lợi; thu hẹp diện tranh chấp vùng biển giữa ta và các nước ASEAN. Ký với Trung Quốc Hiệp ước về phân định biên giới trên bộ, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác về nghề cá. Ký Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới năm 1985 với Campuchia; Việt Nam cùng các nước ASEAN và Trung Quốc đã ký kết Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC), thúc đẩy việc giải quyết hòa bình các tranh chấp chủ quyền biển, đảo ở biển Đông.

- Tăng cường quan hệ đoàn kết, hữu nghị và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, các đảng cánh tả, các phong trào cách mạng và tiên bộ trên thế giới; góp phần tích cực vào sự hồi phục của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, vào việc củng cố phong trào Không liên kết, vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển bền vững. Đường lối chính trị của Đảng và những thành tựu đổi mới của Việt Nam được bạn bè quốc tế đánh giá cao. Nhiều đảng cộng sản và công nhân trên thế giới cho rằng, đổi mới của Việt Nam là sự phát triển sáng tạo và có đóng góp lớn về lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, các hoạt động đối ngoại của Đảng, của các đoàn thể và tổ chức nhân dân ta đã góp phần làm cho dư luận thế giới hiểu đúng về Việt Nam, đồng tình và ủng hộ công cuộc đổi mới, tăng cường

hậu thuẫn chính trị quốc tế cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

- *Tranh thủ ODA, thu hút FDI, mở rộng thị trường ngoài nước, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực*: đã tranh thủ được nguồn vốn, khoa học - công nghệ tiên tiến, kỹ thuật quản lý của nước ngoài để phát triển đất nước. Từ năm 1993 - 2004, Việt Nam đã nhận được cam kết tài trợ hơn 20 tỷ USD từ cộng đồng quốc tế, trong đó 85% là vốn vay ưu đãi, còn lại là viện trợ không hoàn lại. Riêng năm 2005, cam kết tài trợ vốn ODA cho Việt Nam là 3,4 tỷ USD. Chúng ta cũng đã tiến một bước dài trong việc hội nhập kinh tế quốc tế thông qua việc gia nhập AFTA, APEC, giữa ASEAN và Trung Quốc (CAFTA), xây dựng quan hệ đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản, Tổ chức thương mại thế giới (WTO) năm 2006, đồng thời thiết lập được quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế, tranh thủ được số lượng đáng kể vốn vay ưu đãi của Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB). Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đã có mặt trên 200 thị trường quốc gia, khu vực và quốc tế. Từ một nước nhập khẩu lương thực, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới.

Với sự ổn định về chính trị - xã hội, truyền thống văn hóa, sự phát triển kinh tế năng động và chính sách

đối ngoại rộng mở, môi trường đầu tư thông thoáng, Việt Nam ngày càng trở thành thị trường hấp dẫn về hợp tác và đầu tư quốc tế. Tính đến hết tháng 7-2005, đã có hơn 5.500 dự án đầu tư nước ngoài từ 64 nước và vùng lãnh thổ đang hoạt động tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 48,7 tỷ USD, trong đó số vốn thực hiện đạt gần 29 tỷ USD. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, đóng góp gần 15% GDP và 4,9% tổng thu ngân sách nhà nước, chiếm trên 30% tổng kim ngạch xuất khẩu, tạo ra hàng vạn công ăn việc làm.

- Tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế, để lại dấu ấn tốt đẹp trong đời sống chính trị quốc tế đương đại, góp phần nâng cao vị thế của đất nước trong khu vực và trên thế giới: Hội nghị Thượng đỉnh Cộng đồng các nước nói tiếng Pháp năm 1997, Hội nghị cấp cao ASEAN năm 1998, Hội thảo quốc tế về hợp tác và phát triển Việt Nam và châu Phi năm 2003, Hội nghị cấp cao ASEM - 5 năm 2004, tổ chức thành công Hội nghị Thượng đỉnh APEC lần thứ 14 tại Hà Nội (tháng 11-2006)...

Những thành tựu nêu trên chứng tỏ đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển của Đảng trong thời kỳ đổi mới là đúng đắn, cần kiên trì thực hiện nhất quán đường lối đó.

Câu hỏi 29: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 1-2011)?

Trả lời:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng họp từ ngày 12 đến ngày 19-1-2011 tại Thủ đô Hà Nội. Dự Đại hội có 1.377 đại biểu, tiêu biểu cho trí tuệ, sự thống nhất ý chí và sức mạnh đoàn kết của toàn Đảng, đại diện cho 3.6 triệu đảng viên. Chủ đề của Đại hội là: *Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.*

Nhiệm vụ của Đại hội là đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng (2006-2011), tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001 - 2010), 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Cương lĩnh năm 1991) và 25 năm đổi mới. Đại hội XI đề ra phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2011 - 2015; chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020;

bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X; bổ sung và sửa đổi Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI (nhiệm kỳ 2011 - 2015).

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X trình bày tại Đại hội đã kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X, nhìn lại 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, khẳng định 6 thành tựu:

1- Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên, nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Tốc độ tăng trưởng nền kinh tế bình quân 5 năm 2006 - 2010 đạt 7%. GDP năm 2010 đạt 101,6 tỷ USD tăng 3,26 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD.

2- Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá và các lĩnh vực xã hội có tiến bộ, bảo vệ tài nguyên, môi trường được chú trọng hơn; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện.

Chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo đạt trên 20% tổng chi ngân sách. Năm 2010 tất cả các tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng, năm 2010 đạt 40%

tổng số lao động làm việc. Trong 5 năm, tạo việc làm cho trên 8 triệu lao động, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm còn dưới 4,5%, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 9,5%.

3- Quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường.

4- Dân chủ xã hội chủ nghĩa có tiến bộ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố.

5- Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh, hiệu lực và hiệu quả hoạt động được nâng lên.

6- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tăng cường, đạt một số kết quả tích cực.

Đại hội cũng chỉ rõ *những hạn chế, khuyết điểm*:

- Kinh tế phát triển chưa bền vững; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, cơ hội và yêu cầu phát triển của đất nước; một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch (không đạt chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế 7,5 - 8% như Đại hội X đề ra).

- Các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, xã hội, môi trường còn nhiều hạn chế, yếu kém, gây bức xúc xã hội.

- Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế.

- Dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đất nước.

· Công tác xây dựng Đảng còn nhiều hạn chế, yếu kém, chậm được khắc phục.

Đại hội XI của Đảng cũng nêu rõ *một số kinh nghiệm*:

1- Trong bất kỳ điều kiện và tình huống nào, *phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.*

2- *Phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững*, nâng cao chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, đồng thời duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.

3- *Phải coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội*; bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là trong tình hình kinh tế khó khăn, suy giảm; gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường quan hệ đối ngoại, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4- *Đặc biệt chăm lo củng cố, xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.*

5- *Trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo phải rất nhạy bén, kiên quyết, sáng tạo*, bám sát thực tiễn đất nước; chú trọng công tác dự báo, kịp thời đề ra các giải pháp phù hợp với tình hình mới; tăng cường công tác

tuyên truyền, tạo sự đồng thuận cao, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội.

Đại hội XI chủ trương tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa và đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm (2011 - 2015).

"*Mục tiêu tổng quát* trong 5 năm tới là: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại"¹.

Đại hội nhấn mạnh những nhiệm vụ chủ yếu về ổn định kinh tế vĩ mô; phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; tiếp tục phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.188.

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2011 - 2015 là 7.0 - 7.5%/năm. Năm 2015, GDP bình quân đầu người khoảng 2.000 USD; cơ cấu GDP: nông nghiệp 17-18%, công nghiệp và xây dựng 41 - 42%, dịch vụ 41 - 42%; sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 35% tổng GDP, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%. Giải quyết việc làm cho 8 triệu lao động. Tỷ trọng lao động nông nghiệp năm 2015 chiếm 40 - 41% lao động xã hội. Thu nhập của người dân nông thôn tăng 1,8 - 2 lần so với năm 2010. Tuổi thọ trung bình năm 2015 đạt 74 tuổi. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 đạt 42 - 43%.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa X tại Đại hội XI đã đề cập những quan điểm, phương hướng phát triển đất nước. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nhanh, bền vững. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức, bảo vệ môi trường. Chăm lo phát triển văn hoá. Thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển. Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Triển khai đồng bộ, toàn diện hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và

sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đẩy mạnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*. Cương lĩnh là sự tổng kết 20 năm thực hiện và bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991. Cương lĩnh đã nêu rõ quá trình cách mạng và những bài học của cách mạng Việt Nam; nêu bật 8 đặc trưng của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng; mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở Việt Nam, quán triệt và thực hiện 8 phương hướng cơ bản. Cương lĩnh đã vạch ra những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Cương lĩnh làm rõ về xây dựng hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng. "Cương lĩnh của Đảng là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và nhân dân ta trong những thập kỷ tới. Thực hiện thắng lợi Cương lĩnh này, nước nhà nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, hạnh phúc"¹.

1. *Sđđ.* tr.90.

Đại hội XI của Đảng cũng đã thông qua *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020*. Chiến lược đã đánh giá tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế, vạch ra những bài học từ thực tiễn thực hiện chiến lược 10 năm qua. Đó là:

- Phát huy dân chủ, khơi dậy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển đất nước.

- Đặc biệt coi trọng chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng.

- Bảo đảm độc lập, tự chủ và chủ quyền quốc gia, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước.

- Bảo đảm gắn kết chặt chẽ, hiệu quả giữa tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

Chiến lược nêu rõ 5 quan điểm phát triển:

- 1- Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong chiến lược.

- 2- Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

3- Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển.

4- Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao; đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

5- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Mục tiêu tổng quát:

"Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau"¹.

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 7 - 8%/năm. GDP năm 2020 theo giá so sánh bằng khoảng 2.2 lần so với năm 2010, GDP bình quân đầu người theo giá thực tế đạt khoảng 3.000 USD. Tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ chiếm khoảng 85% trong GDP. Giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng

1. *Sđd.* tr.103.

45% trong tổng GDP. Tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 30 - 35% lao động xã hội. Tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 45%. Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%.

Đến năm 2020, tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; đạt 9 bác sĩ và 26 giường bệnh trên một vạn dân. Lao động qua đào tạo đạt trên 70%, đào tạo nghề chiếm 55% tổng lao động xã hội, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,5 - 2%/năm. Thu nhập thực tế của dân cư tăng khoảng 3.5 lần so với năm 2010. Tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 70%, bình quân 25m² sàn xây dựng nhà ở tính trên một người dân. Số sinh viên đạt 450 trên một vạn dân. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 45%. Hầu hết cư dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.

Các đột phá chiến lược:

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính.

- Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế:

"Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; phát triển kinh tế tri thức. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh"¹.

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

- Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh.

- Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững.

- Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh.

- Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông.

1. *Sđd.* tr.107.

- Phát triển hài hoà, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới.

- Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hoá, xã hội hài hoà với phát triển kinh tế.

- Phát triển mạnh sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới toàn diện và phát triển nhanh giáo dục và đào tạo.

- Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững.

- Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

- Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm thực hiện thắng lợi chiến lược:

- Thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường.

- Hoàn thiện bộ máy nhà nước, tạo bước chuyển mạnh về cải cách hành chính.

- Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua toàn văn *Điều lệ Đảng* đã được bổ sung, sửa chữa. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI gồm 200 đồng chí, trong đó có 175 uỷ viên chính thức và 25 uỷ viên dự khuyết. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ nhất bầu *Bộ Chính trị* gồm 14 đồng chí và Ban Bí thư gồm một số đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị và 4 đồng chí do Ban Chấp hành Trung ương bầu. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI.

Các đại biểu dự Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam đã thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, dân chủ và nhất trí thông qua những văn kiện rất quan trọng, có ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với sự phát triển của đất nước. Trong diễn văn bế mạc Đại hội, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ: "Thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng tạo nên sức mạnh cổ vũ to lớn toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt lên mọi khó khăn, thách thức, tranh thủ cơ hội mới, phấn đấu vì mục tiêu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại"¹.

1. *Sđđ*, tr.333.

Câu hỏi 30: Nội dung Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)?

Trả lời:

Hai mươi năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, công cuộc đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tình hình đất nước và quốc tế đã có nhiều biến đổi. Nhận thức của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã ngày càng sáng tỏ. Thực tiễn và nhận thức đòi hỏi phải bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 1-2011) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*.

Cương lĩnh đã trình bày khái quát quá trình cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện và nêu bật *những bài học kinh nghiệm lớn*:

(1) *Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

(2) *Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.*

(3) *Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.*

(4) *Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.*

(5) *Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.*

Cương lĩnh đã nêu bật quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến sự phát triển của nhiều nước. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên và cạnh tranh quyết liệt về lợi ích

kinh tế tiếp tục diễn ra phức tạp. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định. Tình hình đó tạo thời cơ phát triển, đồng thời đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước đang và kém phát triển.

Khủng định thành tựu và ảnh hưởng to lớn của chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, Cương lĩnh cho rằng: "Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục"¹. Tuy vậy, các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, tìm cách xoá bỏ chủ nghĩa xã hội.

Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa,

1. *Sđd*, tr.68.

chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản.

Các nước đang phát triển, kém phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp chống nghèo nàn, lạc hậu, chống mọi sự can thiệp, áp đặt và xâm lược để bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, dân tộc. Nhân dân thế giới đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là giữ gìn hoà bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, hạn chế bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo... Việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác với tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các quốc gia dân tộc.

"Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước

tiên mới. *Theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*¹.

Từ sự phân tích tiến trình cách mạng Việt Nam và sự phát triển của thời đại, Cương lĩnh khẳng định: "Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử"².

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và dựa trên thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và điều kiện cụ thể của Việt Nam, *Cương lĩnh* đã phát triển 6 đặc trưng của Cương lĩnh năm 1991 và nêu bật 8 đặc trưng của *xã hội xã hội chủ nghĩa* mà nhân dân ta xây dựng, đó là xã hội:

- (1) Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;
- (2) Do nhân dân làm chủ;
- (3) Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp;
- (4) Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;
- (5) Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện;

1, 2. *Sđd.*, tr.69, 70.

(6) Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển;

(7) Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo;

(8) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, như Cương lĩnh nêu rõ, là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, *nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài* với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen.

Cương lĩnh nêu rõ những thuận lợi cơ bản trong xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, có bản lĩnh chính trị vững vàng và dày dặn kinh nghiệm; dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt; nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, có truyền thống đoàn kết và nhân ái, cần cù lao động và sáng tạo, luôn ủng hộ và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; chúng ta đã từng bước xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng; cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự hình thành và phát triển

kinh tế tri thức cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế là một thời cơ để phát triển.

"Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"¹.

Để thực hiện thành công các mục tiêu nêu trên. *Cương lĩnh đề ra các phương hướng cơ bản sau đây:*

(1) *Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn liền với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.*

(2) *Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

(3) *Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.*

(4) *Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.*

1. *Sđd.*, tr. 71.

(5) Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

(6) Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

(7) Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

(8) Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Cương lĩnh nhấn mạnh, khi thực hiện các phương hướng cơ bản đó cần chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn:

- Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển;
- Quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị;
- Quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa:

- Quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa;

- Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội;

- Quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa:

- Quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế;
- Quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Cương lĩnh đề ra những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

(1) Phát triển *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Các hình thức sở hữu, các yếu tố thị trường, quan hệ phân phối, vai trò quản lý của Nhà nước được xác định rõ. *Phát triển kinh tế* là nhiệm vụ trọng tâm; *Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

(2) *Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, phát triển toàn diện, thống nhất

trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa trở thành nền tảng tinh thần vững chắc. *Con người* là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính. Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam. *Khoa học và công nghệ* giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế. *Bảo vệ môi trường* là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân. Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(3) Mục tiêu, nhiệm vụ của *quốc phòng, an ninh* là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Các nhiệm vụ về tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng Quân đội

nhân dân và Công an nhân dân được xác định cụ thể trong Cương lĩnh.

(4) Thực hiện nhất quán đường lối *đổi ngoại* độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Cương lĩnh nêu rõ quan điểm về xây dựng *hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng*:

(1) *Dân chủ xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hoá bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.

(2) Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam

lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

(3) *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân* có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên"¹.

(4) *Đảng Cộng sản Việt Nam* là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân

1. *Sđd*, tr.86-87.

lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Cương lĩnh nêu rõ nội dung và giá trị, ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam. Cương lĩnh nhấn mạnh, Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Cương lĩnh nêu rõ phương thức lãnh đạo của Đảng, những yêu cầu về xây dựng Đảng để Đảng hoàn thành sứ mệnh lịch sử lãnh đạo thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
<i>Câu hỏi 1:</i> Hoàn cảnh lịch sử và các khuynh hướng cứu nước của dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX?	7
<i>Câu hỏi 2:</i> Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tìm con đường đấu tranh giải phóng dân tộc và chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?	16
<i>Câu hỏi 3:</i> Vai trò và đường lối chính trị của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam?	25
<i>Câu hỏi 4:</i> Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?	32
<i>Câu hỏi 5:</i> Nội dung cơ bản của <i>Luận cương chính trị</i> của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 10-1930)?	40
<i>Câu hỏi 6:</i> Đường lối cách mạng của Đảng được trình bày tại Đại hội đại biểu toàn Đảng lần thứ I (tháng 3-1935)?	45

<i>Câu hỏi 7:</i>	Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1939-1945) và thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945?	50
<i>Câu hỏi 8:</i>	Chủ trương và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng để giữ vững thành quả cách mạng trong giai đoạn 1945 - 1946?	67
<i>Câu hỏi 9:</i>	Đường lối của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945 - 1954)?	74
<i>Câu hỏi 10:</i>	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng và Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (tháng 2-1951)?	82
<i>Câu hỏi 11:</i>	Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương khóa II (tháng 1-1959) và đường lối cách mạng miền Nam?	90
<i>Câu hỏi 12:</i>	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9-1960)?	95
<i>Câu hỏi 13:</i>	Chủ trương của Đảng về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tại Hội nghị Trung ương 11 (tháng 3-1965) và Hội nghị Trung ương 12 (tháng 12-1965)?	105
<i>Câu hỏi 14:</i>	Đường lối của Đảng trong lãnh đạo cách mạng miền Nam và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)?	110
<i>Câu hỏi 15:</i>	Nội dung và ý nghĩa của Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 khóa III (tháng 7-1973)?	123

<i>Câu hỏi 16:</i>	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976)?	132
<i>Câu hỏi 17:</i>	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3-1982) và mục tiêu, nhiệm vụ chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ?	139
<i>Câu hỏi 18:</i>	Đường lối đổi mới tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986)?	145
<i>Câu hỏi 19:</i>	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991)?	154
<i>Câu hỏi 20:</i>	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996) đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?	164
<i>Câu hỏi 21:</i>	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?	171
<i>Câu hỏi 22:</i>	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4-2006). Thành tựu và bài học của 20 năm đổi mới?	181
<i>Câu hỏi 23:</i>	Đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?	193
<i>Câu hỏi 24:</i>	Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?	204

<i>Câu hỏi 25:</i>	Đường lối của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị ở nước ta?	218
<i>Câu hỏi 26:</i>	Đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc?	231
<i>Câu hỏi 27:</i>	Đường lối và chủ trương của Đảng giải quyết các vấn đề xã hội?	239
<i>Câu hỏi 28:</i>	Đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam?	249
<i>Câu hỏi 29:</i>	Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 1-2011)?	261
<i>Câu hỏi 30:</i>	Nội dung Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)?	274

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung:

ThS. NGUYỄN MINH

ThS. NGUYỄN QUỲNH MAI

Trình bày bìa

PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính.

ĐÀO THỊ BÍCH

Sửa bản in

PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu:

QUỲNH MAI

In 2.170 cuốn, khổ 13 x 19 cm, tại Nhà in Sự Thật.

Số đăng ký kế hoạch xuất bản 691-2011/CXB/16-06/CTQG.

Giấy phép xuất bản số 667-QĐ/NXBCTQG, ngày 13-7-2011.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 7-2011.

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

24 Quang Trung - Hà Nội

ĐT : 0439422008 FAX : 84 - 4 - 39421881

E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

Đảng Cộng sản Việt Nam

* VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI
VÀ HỘI NHẬP (ĐẠI HỘI VI, VII, VIII, IX, X)

Bộ Giáo dục và Đào tạo

- * GIÁO TRÌNH NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN
CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
- * GIÁO TRÌNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
- * GIÁO TRÌNH ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



Giá: 45.000đ